

**CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPEDIA**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, CÔNG SUẤT 150.000 TẤN/NĂM**

Địa chỉ: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN

**CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPEDIA**



LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY TNHH TV&XD
MÔI TRƯỜNG VI TA**



Trần Thị Thanh Thủy

BÌNH PHƯỚC, NĂM 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1 Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia	6
2. Tên dự án đầu tư:	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:	6
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	6
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	6
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	11
4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất của dự án	11
4.2. Nhu cầu sử dụng nước của dự án	14
4.3. Nhu cầu sử dụng điện	15
4.4. Nhu cầu lao động.....	15
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	19
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	19
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)	19
CHƯƠNG III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	20
1.3. Công trình xử lý nước thải.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	26
3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	30
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	33

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	35
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):.....	43
8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có):	43
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có):.....	43
10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):	43
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	46
CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	50
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:	50
1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm.....	50
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	51
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	52
CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	53
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	54

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTCT	:	Bê tông cốt thép
BOD ₅ ²⁰	:	Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTRSH	:	Chất thải rắn sinh hoạt
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCKTQG	:	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
QLMT	:	Quản lý môi trường
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
UBND	:	Ủy Ban Nhân Dân
SS	:	Chất rắn lơ lửng
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1: Công suất sản xuất của dự án.....	10
Bảng 1. 2: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu trong 1 tháng	11
Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng hoá chất tại dự án.....	13
Bảng 1. 4: Cân bằng lượng nước cấp và lưu lượng nước thải phát sinh	15
Bảng 1. 5: Các hạng mục công trình của dự án.....	17
Bảng 3. 1: Lưu lượng nước thải phát sinh tại dự án.....	22
Bảng 3. 2: Thông số các hạng mục, công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng	25
Bảng 3. 3: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi.....	29
Bảng 3. 4: Thành phần, khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ nhà xưởng sản xuất cám	32
Bảng 3. 5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình tháng	34
Bảng 3. 6: Những nội dung xin điều chỉnh giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế đã được phê duyệt điều chỉnh.....	44
Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án	46
Bảng 4. 2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của Dự án.....	48
Bảng 5. 1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án	50
Bảng 5. 2: Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu	51
Bảng 5. 3: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	52

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1: Sơ đồ quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi	7
Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty	16
Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa tại nhà máy.....	20
Hình 3. 2: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại nhà máy	21
Hình 3. 3: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn	21
Hình 3. 4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của dự án.....	23
Hình 3. 5: Sơ đồ mô tả hệ thống dẫn xả nước thải vào nguồn tiếp nhận	26
Hình 3. 6: Quy trình xử lý khí thải lò hơi.....	28
Hình 3. 7: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	36
Hình 3. 8: Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất	43

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1 Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia

- Địa chỉ văn phòng: xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án: Ông Lee Meng Hong
- Điện thoại: 0362603944
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801265606 Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 09/12/2021.

2. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất 150.000 tấn/năm.

- Địa điểm thực hiện dự án: thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 365/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất 150.000 tấn/năm tại thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia làm chủ đầu tư.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): dự án đầu tư nhóm B (tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng, quy mô sản xuất thức ăn chăn nuôi 150.000 tấn/năm, tổng diện tích dự án khoảng 3,88 ha).

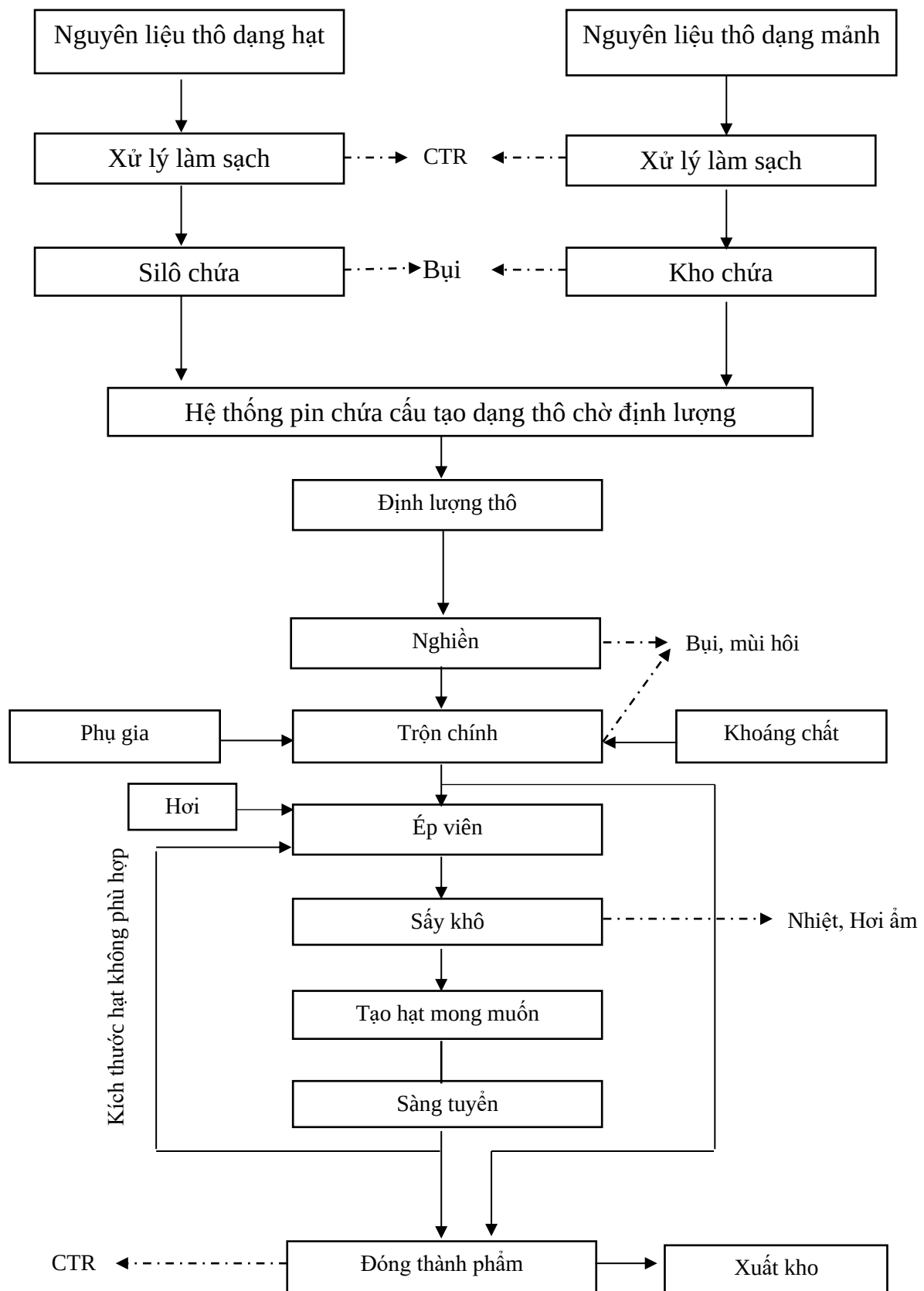
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án là thức ăn nuôi với công suất 150.000 tấn/năm, bao gồm các loại thức ăn chăn nuôi cho heo con, heo cai sữa, heo thịt, heo đực, heo nái, heo hậu bị.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

- ❖ **Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi**



Hình 1. 1: Sơ đồ quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi

Mô tả quy trình công nghệ:

Nhà máy hoạt động theo quy trình khép kín được lập trình sẵn công thức sản xuất thức ăn theo công nghiệp nên không bố trí phòng thí nghiệm. Nguyên liệu nhà máy sử dụng cho quá trình sản xuất là nguyên liệu thô được phân làm 2 dạng:

- Dạng hạt (Là những nguyên liệu có hình dạng tròn hay dạng trụ): Sau khi qua xử lý được đưa vào các silo như: Bột cá, bột đỗ tương, ...;
- Dạng mảnh (Là những nguyên liệu có hình dạng lá, dẹp): Sau khi đưa qua xử lý được chứa ở dạng rời hoặc chứa tại kho bao như: Mỡ cá, cao lạnh, sắn,...

Xử lý làm sạch:

Nhà máy sử dụng công nghệ hoàn toàn tự động, kín hoàn toàn trong sản xuất thức ăn chăn nuôi. Nguyên liệu trước khi đưa vào nhà máy sản xuất được kiểm tra độ ẩm, độ sạch bằng các thiết bị chuyên dùng. Nguyên liệu sẽ được xử lý làm sạch bằng cách sàng nguyên liệu trước khi cho vào hố nạp liệu sau đó được chuyển vào dây chuyền sản xuất. Công đoạn này sẽ phát sinh một lượng chất thải rắn sau khi chọn lọc. Sau đó nguyên liệu sẽ được đưa vào khu vực chứa, những nguyên liệu không đạt tiêu chuẩn cần được xử lý mới đưa vào sử dụng.

Lưu chứa:

Nguyên liệu sau khi được làm sạch sẽ được lưu chứa. Nguyên liệu dạng hạt được chứa trong silo, nguyên liệu dạng mảnh được chứa tại kho chứa.

Việc phân loại nguyên liệu có nghĩa quan trọng trong quá trình bảo quản, nó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguyên liệu và giá thành sản phẩm. Bụi sẽ sinh ra khi chuyển nguyên liệu vào silo và kho chứa cũng như trong quá trình bảo quản. Tuy nhiên lượng bụi phát sinh trong quá trình bảo quản là không đáng kể do nguyên liệu được bảo quản kín.

Hệ thống pin chứa

Nguyên liệu thô từ kho chứa và silo được đưa vào các pin chứa trong khu vực sản xuất nhờ hệ thống vận chuyển thiết bị. Pin là khu chứa nguyên liệu tạm thời chuẩn bị cho 1 mẻ sản xuất. Hệ thống pin chứa được đặt trong khu vực sản xuất để trực tiếp chứa nguyên liệu, chuẩn bị đưa nguyên liệu vào các công đoạn của quá trình sản xuất. Pin chứa có cấu tạo như các kho chứa đặt liền nhau với kích thước mỗi pin là 2mx4mx3m. Các pin chứa được cấu tạo bằng thép. Các pin chứa nguyên liệu đặt trong xưởng nguyên liệu thô. Công đoạn cấp liệu vào hệ thống pin chứa được thực hiện tự động, các thiết bị kín.

Định lượng thô:

Sau đó, nguyên liệu thô được định lượng theo yêu cầu của công thức sản xuất, hệ thống định lượng được thực hiện bằng máy, qua hệ thống lập trình sẵn.

 Nghiền:

Hỗn hợp nguyên liệu thô sau khi định lượng được đưa qua hệ thống nghiền, kích thước nghiền kỹ theo yêu cầu của từng loại thức ăn mà có kích thước khác nhau. Quá trình nghiền sẽ tạo ra một lượng bụi thô, kích thước nhỏ từ nguyên liệu ở vị trí đầu vào của máy nghiền.

 Trộn chính:

Hỗn hợp thức ăn sau nghiền được trộn đều trong thời gian 5-6 phút và một lượng bụi từ nguyên liệu sẽ phát tán vào không khí tại vị trí nạp liệu vì đây là nơi truyền dẫn nguyên liệu vào bên trong máy. Tại đây hỗn hợp trong buồng trộn còn được bổ sung các chất phụ gia khác như: bột cá, hương sữa, lyzin,... để tạo độ béo, hương thơm cho thức ăn. Tùy theo công thức thức ăn mà liều lượng của các chất bổ sung khác nhau.

 Ép viên:

Hỗn hợp nguyên liệu sau khi trộn được đưa qua hệ thống hơi nước nóng sau đó qua hệ thống ép viên.

 Sấy khô:

Các viên cám sẽ được đưa qua một buồng lạnh với nhiệt độ từ 10-20⁰C trong 15 phút để làm giảm nhiệt độ của viên cám sau khi ép. Viên tạo thành được sấy khô ở nhiệt độ từ 110-125⁰C trong 15 phút bằng máy sấy. Việc sấy khô viên nguyên liệu sẽ tạo ra một lượng nhiệt và hơi ẩm từ máy sấy.

 Tạo hạt mong muốn:

Sau khi sấy, viên nguyên liệu được tạo hạt theo kích thước mong muốn sau đó sẽ được sàng tuyển.

 Sàng tuyển:

Những hạt chưa đảm bảo kích cỡ sẽ quay về hệ thống ép viên và tiếp tục tham gia ép viên. Việc chọn lọc hạt sẽ sinh ra bụi do được thực hiện bên ngoài môi trường. Hệ thống sàng tuyển là hệ thống kín.

 Đóng thành phẩm:

Các viên nguyên liệu đạt chất lượng sẽ được đóng gói và xuất bán với trọng lượng mỗi bao thành phẩm là 25 kg/bao và tùy thuộc vào nhu cầu thị trường và người chăn nuôi. Trong quá trình đóng gói sẽ có một lượng bao bì thải do hư hỏng và các hạt thành phẩm rơi vãi nếu không cẩn thận.

Công ty cam kết chỉ thực hiện trộn các nguyên phụ liệu theo tỷ lệ nhất định để tạo thành sản phẩm phục vụ ngành chăn nuôi, tuyệt đối không thực hiện các phản ứng hóa học trong hoạt động sản xuất.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm, của dự án là thức ăn chăn nuôi với công suất 150.000 tấn/năm, với các loại sản phẩm được trình bày như bảng sau

Bảng 1. 1: Công suất sản xuất của dự án

STT	Tên sản phẩm	Công suất theo khối lượng (tấn/năm)
1	VM 111 L (Heo con tập ăn)	1.000
2	VM 223 L (M) (Heo con từ sau cai sữa)	2.000
3	VM 333 L (M) (Heo con cai sữa)	19.800
4	VM 441 (M) (Heo thịt 30-60kg)	28.000
5	VM 551 (Heo thịt 60kg - xuất chuồng)	10.900
6	VM 551 (M) (Heo thịt 60kg- xuất chuồng)	40.000
7	VM 991 L (Heo đực giống)	1.500
8	VM771(M) (Heo nái mang thai)	10.100
9	VM 882 (M) (Heo nái nuôi con)	17.500
10	VM 557 (M) (Heo nái hậu bị)	13.800
11	VM 447 (M) (Heo nái hậu bị)	5.400
Tổng cộng		150.000

Nguồn: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất của dự án

✚ Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi

Nguyên liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được thu mua dưới dạng hạt hoặc mảnh từ các nguồn nhập khẩu và thu mua trong nước, sau đó được nghiền nhỏ thành dạng bột và phối trộn theo tỷ lệ được lập trình sẵn. Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. 2: Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu trong 1 tháng

STT	Nguyên liệu	Khối lượng (tấn/tháng)
<i>Nguyên liệu, phụ liệu</i>		
1	Bột đỗ tương	966,976
2	Bột cá bạch long	378,649
3	Bột cá thụy hải	117,272
4	Bột cá phúc thiện	411,478
5	Bột thịt xương	339,469
6	Cám gạo	720,088
7	Cám chiết ly	543,151
8	Cám mỳ	390,905
9	Mỡ cá	487,604
10	Khô đỗ Ấn Độ	339,469
11	Khô đỗ Argentina	720,088
12	Vỏ điều	113,158
13	Rỉ mật đường	514,349
14	Sắn	623,441

STT	Nguyên liệu	Khối lượng (tấn/tháng)
15	Tầm	606,930
16	Cao lanh	514,349
17	Ngô lên men	534,922
18	Muối	565,785
Khoáng chất, vitamin, phụ gia		
19	Gluten	374,447
20	Bột cá	720,088
21	CaHPO ₄	576,071
22	Hương sữa	851,761
23	Lyzin	475,257
24	Met	399,134
25	Cholin	220,140
Tổng (tấn/tháng)		12.504,98
Nhu cầu sử dụng nhiên liệu		
1	Mùn cưa	288,6
2	Dầu DO	0,175
3	Dầu nhớt	0,025
Tổng (tấn/tháng)		288,8

Nguồn: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia

Như vậy tổng khối lượng nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sản xuất của nhà máy dự kiến khoảng 12.504,98 tấn/tháng ~ 150.059,76 tấn/năm;

Tất cả các hóa chất sử dụng trong quá trình sản xuất của nhà máy là hóa chất được phép sử dụng theo quy định tại Việt Nam;

Dự án sử dụng dầu DO vận hành xe nâng, máy phát điện và mùn cưa làm nhiên liệu vận hành lò hơi.

 Nhu cầu sử dụng hoá chất tại dự án

Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng hoá chất tại dự án

STT	Hóa chất	Khối lượng sử dụng (tấn/năm)	Đặc tính/ Công dụng
Quy trình sản xuất			
1	L-Lysine	400	Dạng bột, bổ sung lysine trong thức ăn chăn nuôi
2	DL-methionine	180	Dạng bột, bổ sung methionine trong thức ăn chăn nuôi
3	Tryptophan	16	Dạng bột, bổ sung tryptophan trong thức ăn chăn nuôi
4	L-Valine	18	Dạng bột, bổ sung L-Valine trong thức ăn chăn nuôi
5	Zinc oxide	80	Dạng bột, bổ sung chất kẽm trong thức ăn chăn nuôi
6	Copper Sulphate	1.5	Dạng bột, bổ sung chất đồng trong thức ăn chăn nuôi
7	Threonine	165	Dạng bột, bổ sung Threonine trong thức ăn chăn nuôi
Quy trình xử lý nước thải			
8	Chlorine	0,0312	Dạng viên nén 200gram, 90%
9	NaOH	0,0156	Dạng rắn
Tổng cộng		860,546	-

Nguồn: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia

4.2. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

Dự án sử dụng nguồn nước dưới đất cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của nhà máy, với nhu cầu sử dụng nước như sau:

a. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân

Nước sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả, nhu cầu nước sinh hoạt (bao gồm nước tắm giặt, vệ sinh...) trong giai đoạn hoạt động khoảng 40 người, được tính toán là 80 lít/người/ngày đêm. Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại mỗi khu là:

$$40 \text{ người} \times 80 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 3.200 \text{ lít/ngày.đêm} = 3,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm};$$

Trong đó, tổng lượng thải nước sinh hoạt sẽ bằng 100% tổng lượng nước sử dụng. Vậy lượng nước thải ra là 3,2 m³/ngày.đêm

b. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất

- **Nước cấp cho lò hơi:** Dự án sử dụng lò hơi để cấp nhiệt cho quá trình ép viên và sấy khô với công suất của lò hơi là 5 tấn hơi/giờ. Như lượng nước cấp cho lò hơi là 5m³/ngày. Ngoài ra, còn phát sinh nước thải từ lò hơi (nước thải xả cặn đáy lò hơi) với lưu lượng khoảng 0,5m³, định kỳ 01 tháng thải bỏ 1 lần.
- **Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi:** nước cấp cho HTXL khí thải lò hơi với lưu lượng khoảng 5 m³/ngày, được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ thải bỏ 02 tuần/lần.

c. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động tưới cây, rửa đường và PCCC

- **Nước cấp cho hoạt động tưới cây:** diện tích đất trồng cây xanh là 7.760m², theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nước sử dụng cho tưới cây 3 lít/m²/ngày đêm, vậy lượng nước tưới cây tại dự án là:
 $7.760 \text{ m}^2 \times 3 \text{ lít/m}^2/\text{ngày đêm} = 23.280 \text{ lít/ngày đêm} = 23,28 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$
- **Nước cấp cho hoạt động rửa đường:** $5.870 \text{ m}^2 \times 0,4 \text{ lít/m}^2/\text{ngày đêm} = 2.348 \text{ lít/ngày} = 2,348 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$
- **Nước cấp cho PCCC:** Nước sử dụng PCCC: Trong quá trình hoạt động, việc xảy ra sự cố cháy nổ là điều có thể xảy ra. Do đó cần tính toán lượng nước dùng để sử dụng khi có sự cố cháy nổ. Theo tiêu chuẩn TCVN-2622:1995 thì lượng nước cần cấp cho công tác phòng cháy chữa cháy cho công trình công nghiệp là 2,5 l/s/hạng nước chữa cháy. Nhà máy sử dụng 6 hạng cứu hỏa. Lượng nước dùng cho hoạt động chữa cháy được tính cho 1 đám cháy trong 3h liên tục là: $W_{cc} = 2,5 \text{ lít/giây} \times \text{đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 3.600 \text{ giây/1.000} \times 6 \text{ hạng} = 162 \text{ m}^3.$

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại dự án (không bao gồm nước cấp cho hoạt động PCCC) khoảng 38,828 m³/ngày.

Bảng 1. 4: Cân bằng lượng nước cấp và lưu lượng nước thải phát sinh

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng nước cấp và nước thải (m ³ /ngày)		Ghi chú
		Nước cấp	Nước thải	
1	Nước sử dụng cho nồi hơi	5	0,5	Nước xả cặn đáy lò hơi phát sinh 0,5 m ³ , định kỳ xả 01 tháng/lần
2	Nước cho HTXLKT	5	5	Định kỳ xả 2 tuần /lần
3	Nước sử dụng cho sinh hoạt	3,2	3,2	Tính bằng 100% nước cấp
4	Nước tưới cho cây xanh	23,28	-	Thấm vào đất và bốc hơi, tưới 2 lần/tuần
5	Nhu cầu cấp nước cho rửa đường, công trình công cộng...	2,348	-	Thấm vào đất và bay hơi, tần suất 02 lần/tuần
Tổng cộng		38,828	8,7	-

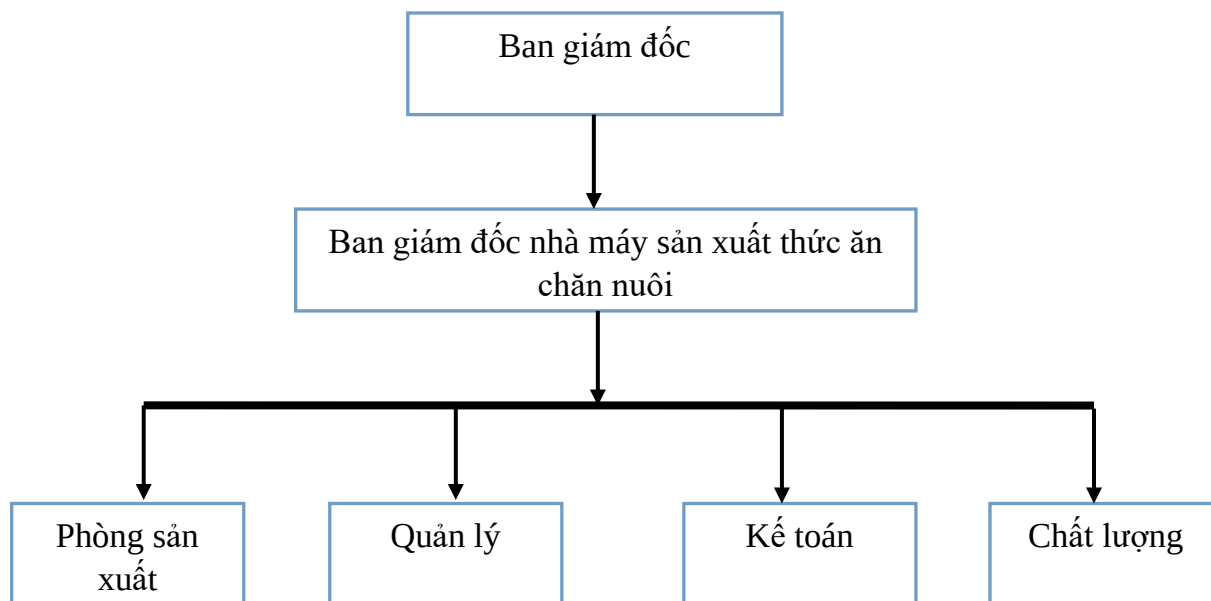
Nguồn: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia

4.3. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện cho dự án là nguồn cấp điện từ mạng lưới điện Quốc gia. Hệ thống điện đi trong nhà máy trên máng cáp, còn vào các phòng sử dụng đi âm tường hoặc ống dẫn trực tiếp, nếu đi nổi thì đi trong ống thép không rỉ, HT chống sét công trình theo TCVN 46-84, Max Rtd: 10 Ω. Nhu cầu điện sử dụng cho nhà máy khoảng 1.800 Kwh/ngày.

4.4. Nhu cầu lao động

Cán bộ công nhân viên của trang trại trong giai đoạn hoạt động của dự án khoảng 40 người, được tổ chức quản lý theo sơ đồ sau:



Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có)

5.1. Nguồn vốn đầu tư của dự án

Nguồn vốn đầu tư của dự án: 150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

- Vốn góp: 60.000.000.000 VNĐ
- Vốn huy động: 90.000.000.000 VNĐ

5.2. Các hạng mục công trình

Dự án được xây dựng tại thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước trên khu đất thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/07/2022, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CT40052 Số sêri DG 064086 với tổng diện tích đất là 34.341,60m². Chủ dự án đã tiến hành xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường với tổng diện tích xây dựng để đáp cho hoạt động sản xuất của dự án. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Dài (m)	Rộng (m)	Diện tích (m ²)	Tỉ lệ (%)
I. Hạng mục công trình chính					6.929,81	20,18
1	Nhà văn phòng	1	30	12	360,00	1,05
2	Trạm cân 80 Tấn	1	18	4,5	81,00	0,24
3	Kho thành phẩm	1	-	-	1.632,00	4,75
4	Kho nguyên liệu thô	2	14	2	2.784,00	8,11
5	Silo	1	-	-	648,00	1,89
6	Phòng nạp silo	1	20,25	7,25	146,81	0,43
7	Tháp sản xuất	1	-	-	1.080,00	3,14
8	Phòng lab	1	22	9	198,00	0,58
II. Hạng mục công trình phụ trợ					8.483,00	24,70
9	Bãi đậu xe	1	-	-	7.260,00	21,14
10	Nhà đặt máy phát điện	1	8	6	48,00	0,14
11	Trạm biến áp	1	12	9	108,00	0,31
12	Bể nước - Trạm cứu hoả	1	15	8	120,00	0,35

13	Nhà ăn + Ký túc xá	1	-	-	556,00	1,62
14	Nhà xe công nhân	1	-	-	245,00	0,71
15	nhà vệ sinh công nhân	1	8	7	56,00	0,16
16	Nhà vệ sinh bãi đậu xe	1	7	5	35,00	0,10
17	Bãi đậu xe hơi	1	10	5,5	55,00	0,16
III. Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường					378	1,10
18	Hệ thống XLNT	1	8	6	48,00	0,14
19	Lò hơi	1	18	5,5	99,00	0,29
20	Kho chứa nguyên liệu đốt	1	18	5,5	99,00	0,29
21	Kho chứa CTR	1	18	5,5	99,00	0,29
22	Kho chứa CTNH	1	6	5,5	33,00	0,10
IV. Cây xanh, đường nội bộ, sân bãi					18.550,79	54,02
23	Cây xanh				7.760,00	22,60
24	Đường nội bộ, sân bãi				10.790,79	31,42
Tổng (I +II + III +IV)					34.341,60	100,00

Nguồn: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất 150.000 tấn/năm” của Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2867/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 03 tháng 11 năm 2021 do đó dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 do đó dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

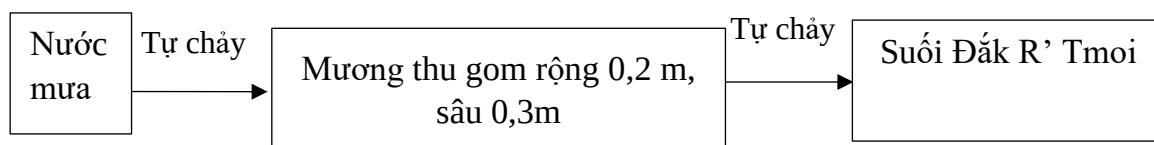
Sự phù hợp của dự án “Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất 150.000 tấn/năm” đối với khả năng chịu tải của môi trường đã được đánh giá trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thay đổi.

CHƯƠNG III . KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Ước tính lượng mưa lớn nhất (tính theo tháng mưa nhiều nhất trong năm là tháng 09) với lưu lượng khoảng $7.647,69\text{m}^3/\text{ngày}$. Vì vậy, để đảm bảo nước mưa không gây ngập úng cục bộ, chủ đầu tư đã bố trí hệ thống thu gom và thoát nước mưa toàn bộ dự án và riêng biệt với tuyến thoát nước thải. Lượng nước mưa ở những khu vực như: khu đất cây xanh, đất giao thông nội bộ sẽ thấm xuống đất một phần và một phần được dẫn về hệ thống mương thu gom có bề rộng 0,2m, sâu 0,3m, nước mưa từ mái nhà xưởng, các hạng mục công trình phụ trợ, nhà văn phòng,... được dẫn xuống hệ thống thu gom nước mưa bằng cống BTCT D300, nước mưa từ cống BTCT được chảy vào hệ thống mương thu gom có bề rộng 0,2m, sâu 0,3m mương dẫn ra suối Đắc R' Tmoi.



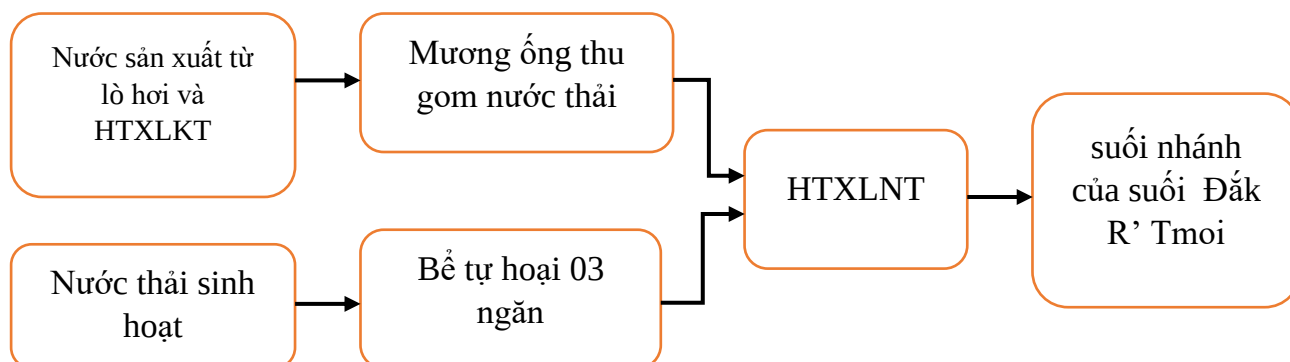
Hình 3. 1: Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa tại nhà máy

1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hiện tại xung quanh khu vực thực hiện dự án chưa có hệ thống thu gom và thoát nước thải tập chung. Nước thải từ quá trình hoạt động của nhà máy sản xuất được thu gom chung với nước thải sinh hoạt (qua bể tự hoại) dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Nước thải được thu gom tách biệt với nước mưa.

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt theo đường riêng về bể tự hoại (thể tích bể tự hoại) xử lý cục bộ sau đó được dẫn về bể xử lý nước thải tập trung của nhà máy bằng đường ống D200.

Nước thải sinh hoạt (qua bể tự hoại) và nước thải sản xuất (nồi hơi, HTXLKT) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) nước thải sau đó được dẫn bằng đường ống PVC D60 ra nguồn tiếp nhận là suối nhánh của suối Đắc R' Tmoi. Khoảng cách từ điểm xả thải bên trong nhà máy đến nguồn tiếp nhận khoảng 150m.

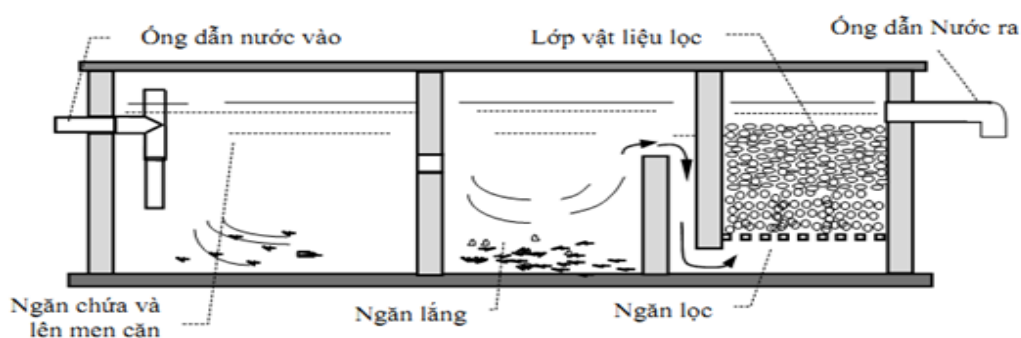


Hình 3. 2: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tại nhà máy

1.3. Công trình xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt

Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân, khu vực văn phòng... được xử lý bằng bể tự hoại 05 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trại. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại như sau:



Hình 3. 3: Sơ đồ của bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý làm việc: Nước thải được thải ra và dẫn đến bể tự hoại. Tại bể tự hoại, nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng xuống đáy bể và nước chảy ra sang hồ ga và chảy về hệ thống xử lý nước thải của trại. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới. Khi cặn bã tại bể tự hoại đầy, bể tự hoại được hút cặn để tránh cặn bã dồn ứ gây ra tắc cống nước. Nước sau bể tự hoại sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trại.

Công ty đã xây dựng 04 bể tự hoại (tại các khu nhà vệ sinh) với thể tích của mỗi bể tự hoại của trại là 3m^3 (trong đó, chiều sâu của các hầm tự hoại là 1,5m, diện tích của từng hầm tự hoại: 2m^2).

❖ Nước thải sản xuất

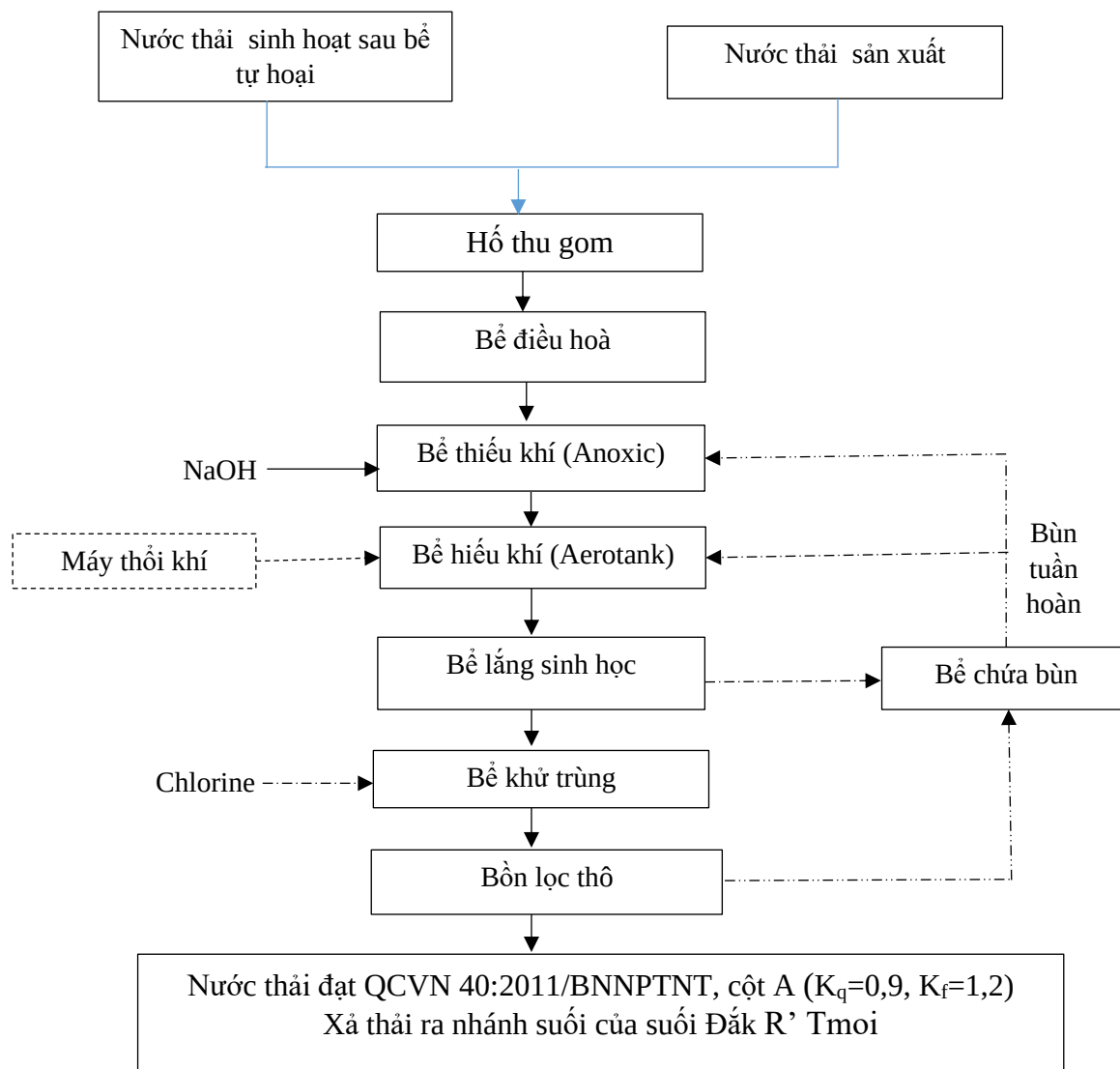
Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải, với công suất HTXL nước thải là $10\text{m}^3/\text{ngày}$ (hệ số an toàn $k=1,2$) để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại nhà máy bao gồm nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất (bao gồm nước thải xả cặn đáy lò hơi, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi).

Bảng 3. 1: Lưu lượng nước thải phát sinh tại dự án

STT	Nguồn phát sinh	Lưu lượng ($\text{m}^3/\text{ngày}$)	Tần suất thải	Ghi chú
1	Nước thải sinh hoạt	3,2	Hàng ngày	-
2	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	5	Thải 02 tuần/lần	-
3	Nước thải từ xả cặn đáy lò hơi	0,5	Thải 01 tháng/lần	-
Lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất		$Q_{\max} = 8,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$	Đối với ngày xả thải nước thải từ HTXLKT lò hơi và nước thải sinh hoạt	Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi và nước xả cặn đáy lò hơi không xả cùng một thời điểm
Lưu lượng nước thải phát sinh nhỏ nhất nhỏ nhất		$Q_{\min} = 3,7 \text{ m}^3/\text{ngày}$	Đối với ngày xả thải nước thải sinh hoạt và nước thải xả cặn đáy lò hơi	
Hệ số an toàn		$k = 1,2$	-	
Lưu lượng nước thải lớn nhất cần xử lý		$Q = Q_{\max} \times k$ $= 8,2 \times 1,2 = 9,84\text{m}^3/\text{ngày}$	-	
Lưu lượng thiết kế HTXLNT tập trung		$Q = 10\text{m}^3/\text{ngày}$	-	

Nước thải thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$) trước khi xả thải ra suối Đắc R' Tmoi. Quy trình xử lý nước thải tại nhà máy như sau:

❖ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải



Hình 3. 4: Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải của dự án

❖ Thuyết minh quy trình xử lý nước thải

Hố thu gom

Hố gom có nhiệm vụ thu gom tập trung nước thải từ khu vực nhà vệ sinh, nhà bếp trước chảy vào bể điều hoà.

Bể điều hoà

Nước thải từ hố gom sẽ tự chảy vào bể điều hoà, tại đầu bể có lắp giỏ chắn rác để loại bỏ các rác thải có kích thước lớn như túi nilon, lá cây,... tránh gây tắc nghẽn bơm ở các công trình phía sau.

Bể thiếu khí (Anoxic)

Trong nước thải tồn tại 1 lượng nitơ chủ yếu tồn tại dưới dạng hợp chất hữu cơ và amoniac. Tại đây, các vi khuẩn trong môi trường thiếu khí sẽ sử dụng các chất dinh dưỡng trong hợp chất hữu cơ làm thức ăn để tăng trưởng và phát triển, đồng thời với quá trình đó là quá trình khử nitrat và nitrit bằng cách lấy oxy từ chúng và giải phóng ra nitơ tự do và nước. Bể có nhiệm vụ xử lý hàm lượng Nitơ dưới dạng Nitrat có mặt trong nước thải, đồng thời xử lý 1 phần COD, BOD có trong nước thải.

Bể sinh học hiếu khí (Aerotank)

Nước thải từ bể Anoxic được đưa vào bể sinh học hiếu khí Aerotank, bể Aerotank được cung cấp oxy bằng hệ thống máy thổi khí và bơm trộn để duy trì chỉ số oxy hòa tan ở nồng độ phù hợp. Trong bể, nước thải được tiếp xúc với lớp bùn vi sinh lơ lửng. Các vi sinh vật này sẽ oxy hóa các chất hữu cơ, sử dụng chúng làm nguồn dinh dưỡng và năng lượng. Chất hữu cơ được tách ra khỏi nước thải, còn khối lượng vi sinh tăng lên. Nước thải sau một chu kỳ tuần hoàn sẽ chảy sang bể lắng sinh học.

Bể lắng sinh học

Nước thải sau khi đi ra khỏi bể Aerotank sẽ được dẫn vào bể lắng sinh học, nước thải theo ống dẫn được phân phối theo chiều ngang của máng phân phối. Trong vùng công tác, vận tốc dòng chảy $v = 5 - 10 \text{ m/s}$. Phía trước máng phân phối có tấm chắn giảm vận tốc nước chảy qua. Nước chuyển động ngược hướng với dòng cặn lắng trượt về phía cuối bể. Bông bùn vi sinh sau lắng được tuần hoàn về các công đoạn đầu bể để duy trì hàm lượng vi sinh ổn định. Nước sau lắng chảy qua bể khử trùng.

Bể khử trùng

Là giai đoạn loại bỏ vi khuẩn và virus gây bệnh chứa trong nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Bể khử trùng được thiết kế đảm bảo thời gian lưu nước để loại bỏ hết vi sinh gây bệnh. Hóa chất Chlorine được châm vào bể nhờ bơm định lượng, Chlorine là chất oxy hóa mạnh có khả năng loại bỏ hầu hết các vi khuẩn gây bệnh.

Bồn lọc

Nước thải từ bể khử trùng được bơm lên bồn lọc để loại bỏ các chất rắn lơ lửng trong nước, nhờ vậy nước trở nên trong hơn sau khi qua hệ thống lọc. Nước thải đầu ra đạt chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$).

Bể chứa bùn

Bể chứa bùn dùng để chứa bùn dư ở bể lắng vi sinh, nước dư của bể chứa bùn sẽ được tách pha và tự chảy về lại hố gom. Bùn định kỳ được thu gom đi xử lý

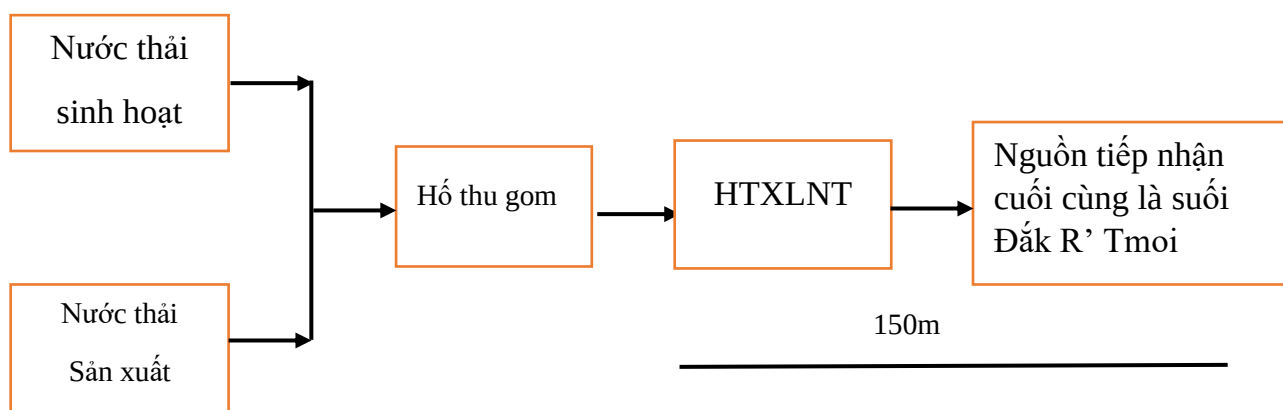
Bảng 3. 2: Thông số các hạng mục, công trình hệ thống xử lý nước thải đã xây dựng

Công trình	Kích thước (m) (dài × rộng × sâu)	Số lượng	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu nước	Vật liệu xây dựng
Hồ thu gom	0,8x0,8 x2,0	01	1,28	3,614	BTCT, trát lớp chống thấm
Bể điều hoà	2,25x2,7x2,0	01	12,15	34,306	BTCT, trát lớp chống thấm
Bể thiếu khí (Anoxic)	2,25x2,7x2,0	01	12,15	34,306	BTCT, trát lớp chống thấm
Bể hiếu khí (Aerotank)	4,7x2,7x2,0	01	25,38	71,661	BTCT, trát lớp chống thấm
Bể khử trùng	1,25x2,7x2,0	01	6,75	19,059	BTCT, trát lớp chống thấm
Bể chứa bùn	1,25x2,7x2,0	01	6,75	19,059	BTCT, trát lớp chống thấm
Bồn lọc thô	D = 0,5mxH=1,34m	01	-	-	Inox 304, dày 2mm

(Nguồn: Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia)

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, công ty có sử dụng một số loại hóa chất như: NaOH với khối lượng 50g/ngày; Chlorine khử trùng nước thải với khối lượng 100g/ngày.

Nước thải sau xử lý đạt cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$), QCVN 40:2011/BTNMT được xả thải ra suối Đắc R' Tmoi bằng đường ống PVC Ø60. Sơ đồ khối mô tả hệ thống thoát nước thải chung của dự án:



Hình 3. 5: Sơ đồ mô tả hệ thống dẫn xả nước thải vào nguồn tiếp nhận

Phương thức xả thải:

- Nguồn tiếp nhận nước thải: nhánh của suối Đắc R'Tmoi, thuộc xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Vị trí nơi xả nước thải: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 600.373; Y: 1.294.175 (hệ tọa độ VN2000. Múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15').
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý xả thải ra suối Đắc R'Tmoi theo phương thức tự chảy và xả mặt ven bờ, đường ống dẫn nước thải có kích thước uPVC 60mm.
- Lưu lượng nước xả thải lớn nhất: 8,2m³/ngày đêm; 0,35m³/giờ
- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm, 12 tháng trong năm.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải

Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi khuếch tán từ hoạt động vận chuyển của các phương tiện giao thông gồm:

- Che phủ bạt khi vận chuyển: Giảm thiểu bụi khuếch tán các xe vận tải vận chuyển nguyên, vật liệu có phát sinh bụi như đất, cát, các nguyên liệu đặt thù của dự án,... Ưu tiên sử dụng các phương tiện có thùng kín;
- Thu dọn nguyên, vật liệu rơi vãi khi vận chuyển trên tuyến đường, các tuyến đường xung quanh khu vực dự án;
- Đối với các loại sản phẩm, hóa chất có mùi khó chịu: Trước khi đưa lên phương tiện vận chuyển phải gói bọc kỹ, không để lọt mùi ra ngoài, không để rơi vãi trên phương tiện vận chuyển và trên đường vận chuyển;
- Không sử dụng phương tiện quá cũ để vận chuyển hoặc đi lại. Các loại xe ô tô, thiết bị chuyên dùng có đăng ký, đăng kiểm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật;
- Bố trí hợp lý về thời gian giao thông: thời gian vận chuyển, chuyên chở cần tránh vào các giờ cao điểm như giờ ra vào làm việc của công nhân tránh ách tắc giao thông nhất là các vị trí tập trung lượng lớn giao thông như các vị trí kết nối, giao nhau khu vực dự án và các tuyến đường xung quanh;
- Khuyến khích công nhân tập trung sử dụng phương tiện xe đưa rước nhằm giảm phương tiện cá nhân;
- Khi áp dụng các biện pháp che chắn, thu dọn khi rơi vãi hạn chế được tối đa mức độ phát thải bụi khuếch tán và khí thải gây ô nhiễm môi trường không khí khu vực dự án và tuyến giao thông.

Giảm thiểu mùi hôi từ khu vực chứa nguyên liệu

Để giảm thiểu bụi và mùi tại khu vực chứa nguyên liệu công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

Đối với kho lưu chứa nguyên liệu: Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, được lán xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa nguyên liệu để không khí trong kho lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột nước khi mưa.

Đối với nguyên liệu: Tất cả các nguyên liệu cung cấp đậm, cung cấp khoáng đa, vì lượng của dự án được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông; trong suốt quá trình nhập liệu và lưu trữ nguyên liệu tại kho chứa, dự án sẽ phân công nhân viên theo dõi bao bì, kiểm tra độ ẩm của nguyên liệu đầu vào để đưa vào sản xuất ngay những lô nguyên liệu có bao bì bị xì hở, kém an toàn hoặc có độ ẩm cao nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh khi lưu trữ. Trường hợp phát hiện bao bì chứa nguyên liệu hư hỏng sẽ lồng thêm bao ni lông bên ngoài và buộc kín miệng bao để hạn chế nguyên liệu rơi vãi, phát sinh bụi và mùi hôi; nếu có nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập hàng hay lưu trữ trong kho sẽ thu gom ngay tận dụng cho sản xuất, hạn chế bụi và mùi hôi phát sinh.

Đối với si lô: Các si lô chứa nguyên liệu của dự án được hàn kín bằng thép nhằm hạn chế ẩm, thấp gây hư hỏng nguyên liệu, phòng chống côn trùng phá hoại và hạn chế phát tán bụi khi nhập liệu hay khi lưu trữ nguyên liệu.

Ngoài ra công ty sẽ trồng công xanh quanh nhà máy để hạn chế phát tán bụi và mùi; thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu chứa nguyên liệu; trang bị tốt các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo, găng tay, hạn chế tác động của mùi đến sức khỏe.

Biện pháp giảm thiểu bụi và mùi hôi từ hoạt động sản xuất

Trong quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi của nhà máy, các nguyên liệu được nghiền thành dạng bột và phối trộn với nhau rồi ép viên. Hoạt động này tạo ra bụi và mùi hôi.

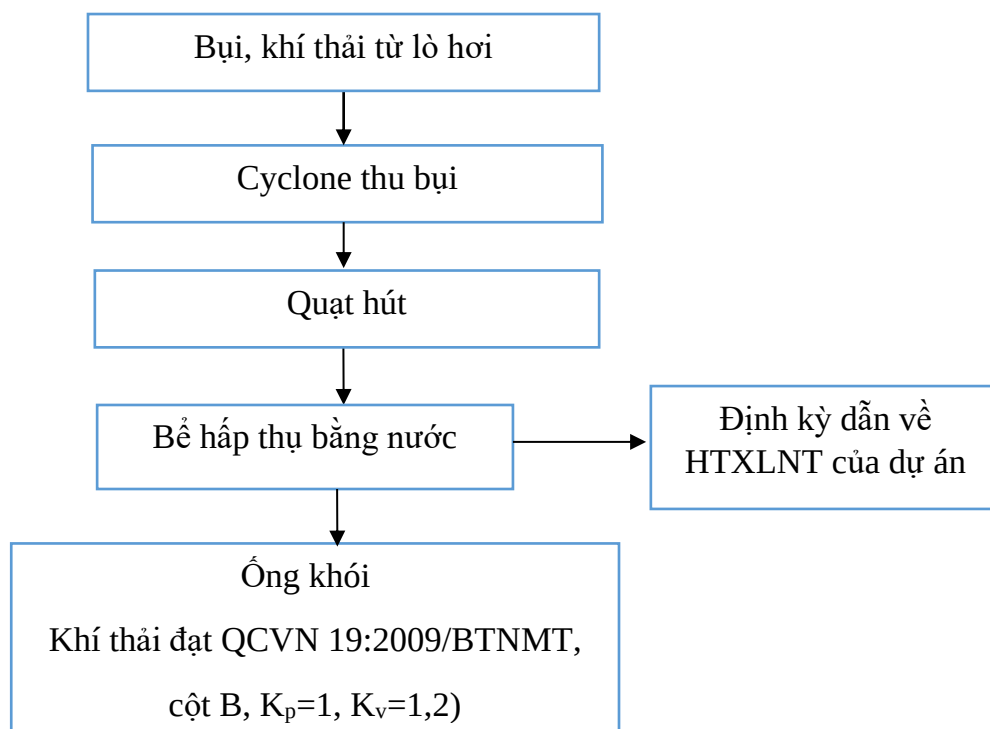
Đối với khu vực nhập liệu: Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, được lán xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa nguyên liệu để không khí trong kho lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột nước khi mưa.

- Ngoài ra, tại khu vực nhập liệu, công ty có bố trí 02 thiết bị lọc bụi túi vải tại khu nạp liệu và 02 thiết bị lọc bụi túi vải tại khu vực nghiền nguyên liệu.
- Không khí có lẫn bụi từ hố nhập liệu đi vào thiết bị lọc bụi đặt phía trên của hố nhập liệu, không khí và bụi đi từ dưới lên, đi vào các túi vải, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ bị giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ được cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ, bụi được giữ lại bên trong túi và rơi xuống ngăn lán và trữ bụi, không khí thoát ra bên ngoài túi vải. Không khí thoát ra môi trường bên ngoài trong khu vực nhà nạp liệu và nghiền nguyên liệu đạt tiêu chuẩn cho phép TCVS 3733:2002/QĐ-BYT và QCVN 02:2019/BYT.

- Sau một khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng lọc quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Để giữ bụi khỏi bề mặt bên trong túi vải, thiết bị có bố trí hệ thống giữ bụi.
- Thông số kỹ thuật của thiết bị lọc bụi túi vải tại khu vực nạp liệu, khu vực nghiền nguyên liệu như sau:
 - + Số lượng túi lọc trong mỗi thiết bị: 24 cái
 - + Kích cỡ túi: 120mm x 2000mm
 - + Lưu lượng khí: 2.160 – 4.320m³/h
 - + Công suất động cơ 0,75kW.

Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ bụi và khí thải lò hơi

Trong quá trình hoạt động, nhà máy sử dụng lò hơi để cấp nhiệt cho quá trình sản xuất, lò hơi tại dự án sử dụng nguyên liệu đốt là mùn cưa. Khí thải từ quá trình đốt mùn cưa sẽ được thu gom về hệ thống xử lý khí thải với quy trình như sau:



Hình 3. 6: Quy trình xử lý khí thải lò hơi

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Bụi và Khí thải sau khi ra khỏi lò chứa nhiều các hạt bụi có các kích cỡ khác nhau. Bụi và Khí thải được dẫn vào cyclone thu bụi. Tại đây, dòng khí sẽ được phân phối đều vào trong cyclone. Các hạt bụi chuyển động xoáy bên trong thân cyclone. Dưới tác dụng của lực hướng tâm các hạt bụi bị mất động lực và vào thành và rơi xuống đáy cyclone.

Cấu tạo Cyclone: Cyclone là thiết bị hình trụ tròn có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào cyclone sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ. Xuống tới phần phễu, dòng khí sẽ chuyển động ngược lên trên theo đường xoắn ốc và qua ống tâm thoát ra ngoài.

Nguyên lý hoạt động: Hạt bụi trong dòng không khí chảy xoáy sẽ bị cuốn theo dòng khí vào chuyển động xoáy. Lực ly tâm gây tác động làm hạt bụi sẽ rời xa tâm quay và tiến về vỏ ngoài cyclone. Đồng thời, hạt bụi sẽ chịu tác động của sức cản không khí theo chiều ngược với hướng chuyển động, kết quả là hạt bụi dịch chuyển dần về vỏ ngoài của cyclone, va chạm với nó, sẽ mất động năng và rơi xuống phễu thu. Ở đó, hạt bụi đi qua thiết bị xả đi ra ngoài.

Dòng khí tiếp tục đi qua bể hấp thụ, tại đây khí tiếp xúc với nước, bụi được lắng xuống đáy bể. Trong quá trình tiếp xúc giữa nước và khí, bụi và các khí ô nhiễm trong khí thải được hấp thụ vào trong nước. Với lưu lượng nước là 5 m³ cho cả hệ thống xử lý, bể hấp thụ bằng nước có kích thước 3m x 3m x 2m, bằng BTCT có trát lớp chống thấm. Nước thải sau bể hấp thụ bằng nước định kỳ 01 tháng/lần được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt, phần cặn lắng từ bể hấp thụ bằng nước được thu gom và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom xử lý theo đúng quy định.

Khí thải được thoát ra ngoài qua ống khói đạt quy chuẩn xả thải ra môi trường tiếp nhận (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với K_p=1, K_v=1,2).

Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi tại dự án như sau:

Bảng 3. 3: Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Cyclone	- Dạng trụ và hình chóp; đường kính D=1,1m; chiều cao H=2,5m - Vật liệu: SS400	1
Quạt hút	- Công suất: 10 Hp - Lưu lượng lớn nhất: 15.000m ³ / giờ - Cột áp: 250mmH ₂ O	1
Bể hấp thụ bằng nước	- Kích thước: D x R x C = 3m x 3m x 2m - Vật liệu: BTCT, chống thấm	1
Ống khói	- Kiểu: Ống thép tròn - Kích thước: D = 500 (mm), H = 18m - Vật liệu: Inox 304	1

Ngoài ra, để giảm thiểu nồng độ CO trong khí thải, công ty sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Tiến hành điều chỉnh chế độ đốt, sử dụng nhiên liệu là dăm bào, mùn cưa đã khô;
- Điều chỉnh lượng khí từ quạt cấp cho lò đốt;
- Công nhân vận hành đúng quy trình, hợp lý;
- Thực hiện các biện pháp quản lý để quá trình đốt cháy nhiên liệu được diễn ra hoàn toàn, giúp giảm lượng CO trong khí thải.

Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng

Chủ dự án đầu tư 01 máy phát điện 200KVA, Để giảm thiểu bụi và khí thải từ các máy phát điện dự phòng, chủ dự án đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Khí thải máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói và được pha loãng tải đi xa. Chủ dự án sẽ lắp đặt ống khói cao vượt mái khoảng 02 mét, đường kính ống khói 30cm;
- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp;
- Máy phát điện được bố trí đặt trong nhà đặt máy phát điện, giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc và chủ đầu tư trang bị cho dự án máy phát điện có bộ phận thanh lọc khí thải kèm theo máy để hạn chế các tác động đến môi trường không khí;
- Máy phát điện đặt trên bệ bê tông chắc chắn, giữa có chèn lớp cao su đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền, đồng thời đảm bảo máy phát điện hoạt động được lâu dài.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng phát sinh:

Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, số lượng lao động tại trang trại là 40 người.

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,8 kg rác thải/người-ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD, áp dụng đối với đô thị loại V). Như vậy, tổng lượng rác thải sinh hoạt của phát sinh là 32kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác.

- Biện pháp: Công ty bố trí thùng rác 120L đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực nhà máy để thu gom rác thải và hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom và xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Trong quá trình sản xuất cám phát sinh: thùng carton, bao bì thải từ việc khai nguyên liệu, ngoài ra còn có các nguyên vật liệu hư hỏng, không đạt chất lượng thải bỏ.

Dự án sử dụng lò hơi đốt mùn cưa, với lượng nguyên liệu đốt là 288,6 tấn/tháng = 3.463,2 tấn/năm, quá trình đốt sẽ phát sinh bụi khí thải và tro. Lượng tro thải ước tính khoảng 1% lượng nguyên liệu đốt và lượng cần thu từ khí thải lò hơi khoảng 0,1% lượng nhiên liệu đốt (số liệu chủ đầu tư cung cấp từ một số dự án đã đầu tư có tính chất tương tự).

Khối lượng bụi thu được 1 ngày (ngày làm 8 tiếng): $m = L \times C \times t \times 70\% = 0,326 \text{g/m}^3 \times 15.000 \text{m}^3/\text{h} \times 8 \text{h} \times 70\% = 27,4 \text{kg/ngày}$.

– **Lượng bùn sinh học thải bỏ mỗi ngày:**

Hệ số sản lượng quan sát.

$$Y_{obs} = \frac{Y}{1 + K_d \theta_c} = \frac{0,6}{1 + 0,055 \times 5,78} = 0,45$$

Trong đó:

θ_c : Thời gian lưu của bùn hoạt tính (tuổi của cặn) trong công trình. $\theta_c = 5 \div 15$ ngày, chọn $\theta_c = 5,78$ ngày.đêm.

Y: Hệ số năng suất sử dụng chất nền cực đại (hệ số sinh trưởng cực đại). $Y = (0,4 - 0,8)$ (mg bùn hoạt tính/mgBOD). Chọn $Y = 0,6$.

K_d : Hệ số phân hủy nội bào. $K_d = (0,02 - 0,1) (\text{ngày}^{-1})$, chọn $K_d = 0,055$.

Lượng sinh khối gia tăng mỗi ngày tính theo MLVSS.

$$P_x = \frac{Y_{obs} \times Q(L_a - L_t)}{10^3} = \frac{0,45 \times 8,2 \times (243,7 - 60,9)}{10^3} = 0,67 \text{kg/ngàyđêm}.$$

Q: Lưu lượng nước thải: $8,2 \text{m}^3/\text{ngày}$.

Lượng sinh khối tổng cộng tính theo MLSS.

$$P_{x(ss)} = \frac{P_x}{0,8} = \frac{0,67}{0,8} = 0,84 \text{kg/ngàyđêm}$$

Lượng bùn dư cần xử lý = Tổng lượng bùn – Lượng SS trôi ra khỏi lắng

$$P = P_{x(ss)} - Q \times C_s \times 10^{-3} = 0,84 - 8,2 \times 25 \times 10^{-3} = 0,84 \text{kg/ngàyđêm}$$

Giả sử hàm lượng bùn hoạt tính lắng ở đáy bể lắng có hàm lượng chất rắn 0,8% và khối lượng riêng là 1.008kg/L . Vậy lưu lượng bùn thải ra:

$$Q_{\text{đv}} = \frac{0,84 \text{ kg/ngàyđêm}}{0,008 \times 1,008 \text{ kg/l}} = 104,2 \text{ L/ngàyđêm} \approx 0,104 \text{ m}^3/\text{ngàyđêm}$$

Vậy lượng bùn phát sinh trong 1 ngày là: 0,104 m³/ngày đêm.

Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,104m³/ngày.đêm, Thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ. Tổng lượng bùn thải phát sinh quy đổi là 104,2kg/ngày.

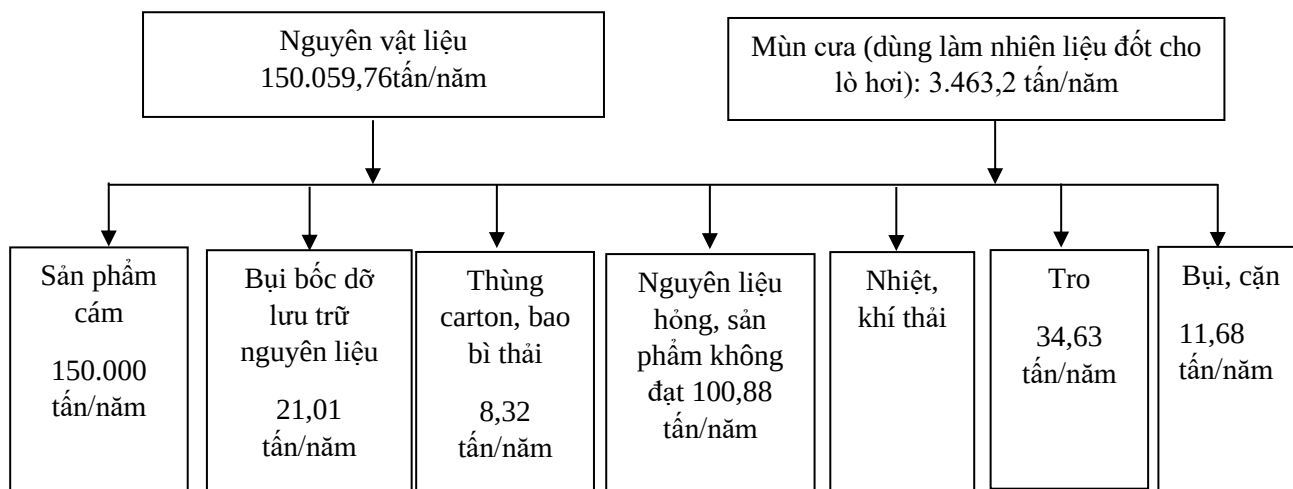
Theo số liệu do chủ đầu tư cung cấp tại các dự án tương tự thì các chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất cám như sau:

Bảng 3. 4: Thành phần, khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ nhà xưởng sản xuất cám

STT	Loại chất thải	Công đoạn phát sinh	Khối lượng tổng	
			tấn/năm	Kg/ngày
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường		130,21	434,02
1.1	Thùng carton	Khui nguyên phụ liệu	1,45	4,83
1.2	Bao bì thải không dính hóa chất	Khui nguyên phụ liệu	6,87	22,9
1.3	Nguyên liệu hư hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng, quá hạn sử dụng	Kiểm tra, sàng lọc	100,88	336,26
1.4	Bụi bốc dỡ lưu chứa nguyên liệu	Bốc dỡ, lưu trữ nguyên liệu	21,01	70,03
2	Tro	Đốt lò hơi	34,63	115,44
3	Bụi	Thu từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	8,22	27,4
4	Cặn		3,46	11,54
5	Bùn thải	Bể lắng sinh học	32,45	104,2
Tổng cộng			208,978	692,6

Nguồn: Công ty TNHH TV & XD Môi trường Vì Ta tổng hợp

Sơ đồ cân bằng vật chất trong sản xuất cám:



❖ Công trình lưu giữ, xử lý

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của dự án bao gồm: bao bì, thùng carton, vụn rác thải lẫn trong nguyên liệu, nguyên liệu rơi vãi, tro từ quá trình đốt, bụi từ hệ thống xử lý khí thải... Các chất thải từ các hoạt động của dự án sẽ được thu gom và xử lý như sau: Tiến hành phân loại và thu gom vào các thùng chứa theo quy định.

- Đối với bụi từ cyclon của hệ thống xử lý khí thải sẽ được công ty thu gom, lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo đúng quy định;
- Tro từ quá trình đốt và bụi từ hệ thống xử lý khí thải được lưu chứa trong các thùng chứa có thể tích 120 lít bố trí trong khu vực nhà chứa chất thải rắn thông thường;
- Đối với nguyên liệu rơi vãi sẽ được thu hồi và đưa vào quy trình sản xuất;
- Công ty bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 99m², nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô, mái lợp tole để lưu chứa các chất thải rắn không nguy hại từ quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi và tro đốt cũng như bụi từ hệ thống xử lý khí thải sẽ được thu gom định kỳ 4 lần/năm;

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động khoảng 110kg/năm ~ 9,2 kg/tháng, cụ thể như sau:

Bảng 3. 5: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình tháng

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Tính chất độc hại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Đ, ĐS	37
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải)	18 01 03	Đ, ĐS	35
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	-	5
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Đ, ĐS, C	18
5	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Đ, ĐS, AM	15
Tổng		-		110

Công ty thực hiện các biện pháp:

- Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại và có dán nhãn cảnh báo;
- Lượng CTNH này được bố trí để riêng trong khu vực kho chứa CTNH với diện tích là 33m², có mái che, sàn cao tránh bị ngập nước, nền bê tông, mái lợp tole, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy và rãnh thu gom chất thải dạng lỏng,...theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Về kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa chứa đáp ứng các yêu cầu chung theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022;
- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định;

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

Để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh, một số biện pháp giảm ồn được áp dụng như sau:

- + Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe tải và máy phát điện).
- + Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn.
- + Chuồng trại được che chắn giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo.
- + Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án.
- + Các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ heo và nguyên liệu lên xuống xe.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

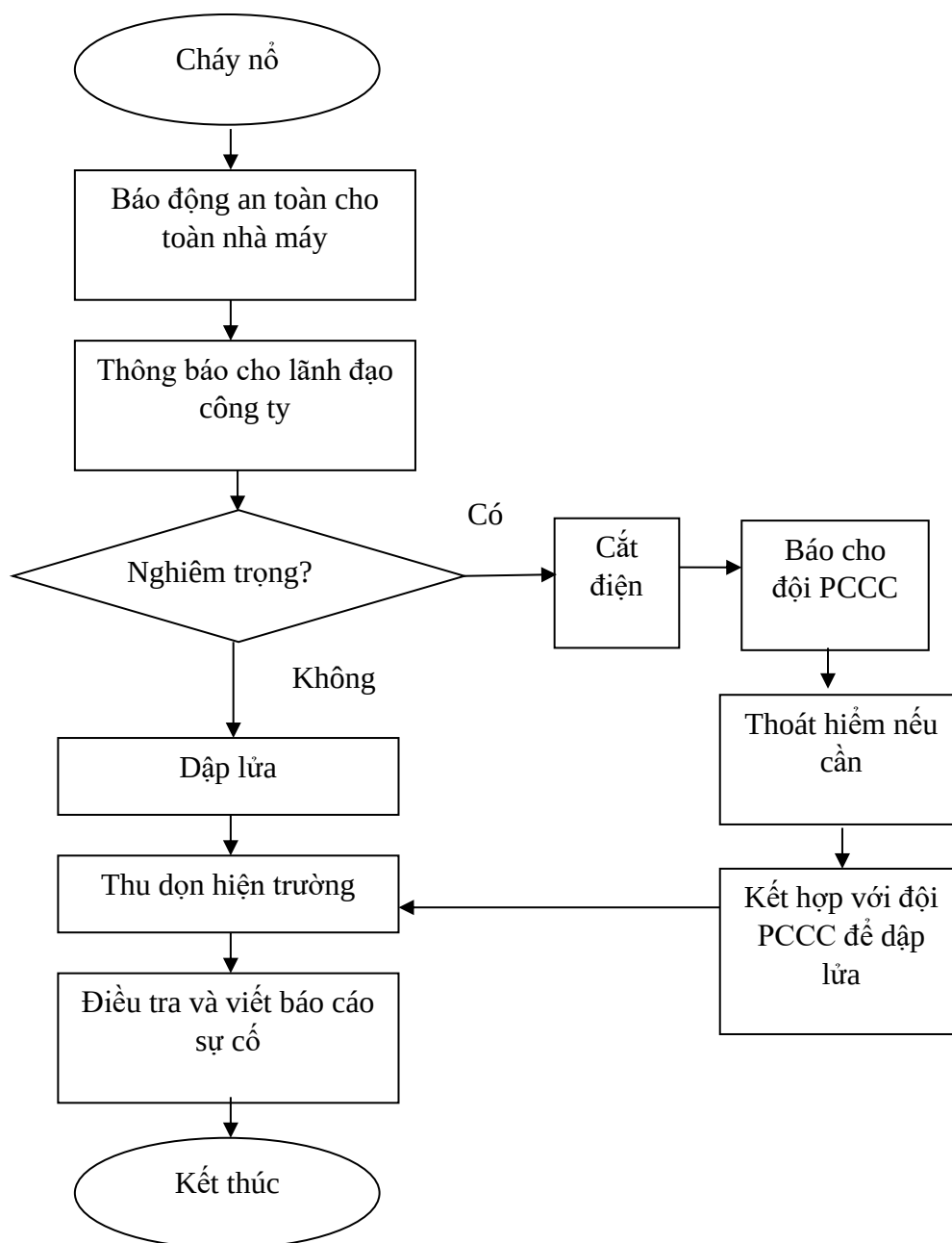
6.1 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ

➤ Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, chủ dự án phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- + Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện;
- + Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án;
- + Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy: họng cứu hỏa, bình CO₂ MT₃, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của nhà máy, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất, nơi có rơm rạ,...Nơi để rơm rạ phải để nơi cách xa những vật dễ cháy, nổ.

Dưới đây là quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:



Hình 3. 7: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

▪ **Biện pháp tổ chức ứng phó tại chỗ khi có sự cố cháy nổ:**

- + Báo động toàn bộ khu vực, cử người gọi điện thoại cơ quan PCCC số 114.
- + Cúp điện bên trong khu vực dự án, gọi điện thoại báo chính quyền địa phương như công an, quân đội đến để phối hợp chữa cháy.
- + Thông tin về tình hình cháy, chữa cháy cho Trưởng ban PCCC, lãnh đạo cơ sở và chỉ huy chữa cháy biết để có hướng chỉ đạo.
- + Tổ chức sơ tán người ra khỏi khu vực cháy, tập trung về khu vực an toàn và tiến hành kiểm tra số lượng cán bộ, công nhân viên.
- + Nếu có người bị nạn phải tổ chức sơ cấp cứu và đưa đi bệnh viện gần nhất.
- + Tổ chức chữa cháy bằng các phương tiện chữa cháy tại chỗ đã được trang bị để dập lửa và chống cháy lan ra xung quanh và cùng phối hợp với lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.

- + Di chuyển tài sản trong khu vực cháy và khu vực lân cận có nguy cơ bị cháy lan ra nơi an toàn.
- + Tổ chức khắc phục, xử lý ô nhiễm, vệ sinh môi trường.
- + Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động theo hướng dẫn của Thông tư số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 10/01/2011.

6.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với lò hơi

Ngoài các biện pháp công nghệ, các biện pháp quản lý cũng đem lại hiệu quả rất lớn trong việc ngăn ngừa ô nhiễm khi sử dụng lò hơi, Ở quy mô công nghiệp có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Không nhóm lò trong những giờ cao điểm có nhiều người tập trung; mỗi lò bằng những nhiên liệu sạch dễ cháy như dầu lửa, dầu DO, không dùng cao su, nhựa...;
- Bố trí cửa mái hoặc hệ thống gương phản chiếu để người vận hành lò có thể nhìn thấy đỉnh ống khói;
- Đưa chỉ tiêu vận hành lò không có khói đen vào tiêu chuẩn khen thưởng;
- Giảm việc tái nhóm lò nhiều lần bằng cách xả hơi dư thay vì tắt lò;
- Hạn chế sử dụng các loại nhiên liệu xấu làm phát sinh nhiều bụi và hơi khí thải như các loại gỗ có vỏ lụa;
- Thiết bị phải được chế tạo và lắp đặt đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn, trước khi đưa vào sử dụng phải được kiểm định kỹ thuật an toàn, đăng ký sử dụng theo quy định, Công ty giao trách nhiệm quản lý thiết bị cho cán bộ quản lý thiết bị bằng văn bản;
- Trên lò hơi lắp đặt đủ các thiết bị an toàn theo yêu cầu nhà sản xuất sau:
 - + Van an toàn: lắp đúng theo thiết kế;
 - + Áp kế: mỗi thiết bị được lắp đặt 01 áp kế tại vị trí dễ quan sát, được bảo vệ tránh sự va chạm và được kiểm định hàng năm;
 - + Bộ ống thủy: bao gồm ống thủy tối, ống thủy sáng và các van khóa dùng để kiểm tra mức nước trong lò hơi, Ống thủy sáng được che chắn bảo vệ chống va chạm, trên thân ống thủy sáng kẻ mức nước cao nhất và mức nước thấp nhất theo quy định của nhà sản xuất, Có chế độ kiểm tra định kỳ các điện cực báo mức nước được lắp bên trong ống thủy tối đảm bảo hoạt động tốt;
 - + Bơm cấp nước: đủ công suất và áp lực và lưu lượng phù hợp để cấp nước cho lò hơi trong quá trình làm việc để tránh tình trạng thiếu nước dẫn đến lò hơi bị đốt nóng quá mức gây biến dạng (nguy cơ gây nổ rất cao), Hệ thống điện của máy bơm nước được bảo vệ chống rò điện;

- + Role áp suất: dùng để khống chế áp suất làm việc của lò hơi trong phạm vi cho phép, Role áp suất được lắp đặt tại vị trí phù hợp, chống bị biến dạng và được kiểm tra định kỳ;
- + Van xả đáy: để xả nước và các chất cặn bên trong khoan chứa nước nhằm bảo vệ lâu dài cho lò hơi, Việc xả nước và cặn qua van xả đáy lò hơi được thực hiện khi lò hơi đang hoạt động ở áp suất làm việc, (Khi xả đáy lò hơi chú ý quan sát mức nước, tránh làm cạn nước dẫn đến sự cố);
- + Van xả hơi: được lắp đặt trên đường ống thông với khoan hơi của lò hơi, dùng để xả hơi trong quá trình đốt lò và xử lý sự cố, Đường ống xả hơi được đưa ra khu vực an toàn bên ngoài nhà xưởng,
- Nhà lò hơi được thông thoáng và thoát nước tốt, có đủ không gian cho công nhân làm việc, kiểm tra vận hành và vệ sinh thiết bị;
- Trước khi vận hành lò hơi, công nhân kiểm tra đầy đủ các cơ cấu an toàn, hệ thống điện, đồng hồ chỉ áp suất và tình trạng các van khóa lắp đặt trên lò hơi;
- Hàng ngày lau chùi mặt kính đồng hồ áp lực, mặt kính ống thủy để dễ dàng theo dõi mực nước và áp suất của lò;
- Đồng hồ áp lực, ống thủy phải có vạch quy định mức nước, áp suất hơi cho phép;
- Người trực tiếp vận hành lò hơi luôn có mặt khi thiết bị hoạt động, thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của lò hơi, các van xả, sự hoạt động của các dụng cụ kiểm tra đo lường: áp kế, van an toàn, Vận hành lò hơi theo đúng quy trình vận hành của đơn vị, Ghi chép ngày kiểm tra vào sổ nhật ký vận hành lò hơi;
- Công nhân vận hành lò hơi không được phép làm việc riêng, hoặc làm những công việc không có liên quan đến chức trách của mình hoặc tự ý bỏ đi nơi khác trong lúc điều khiển lò hơi;
- Trong lúc làm việc, thường xuyên kiểm tra mức nước, áp lực hơi trong ống, Nếu thấy không an toàn phải báo cho cán bộ kỹ thuật đơn vị biết để xử lý;
- Hết ca làm việc ghi nhật ký, bàn giao tình trạng an toàn của lò hơi cho ca sau;
- Không được phép đưa vào vận hành các lò hơi chưa được đăng kiểm;
- Không hàn, sửa chữa lò hơi và các bộ phận chịu áp lực của thiết bị khi còn áp suất;
- Cho lò hơi vào hoạt động khi van an toàn chưa được cân chỉnh và niêm chì đúng quy định; áp kế hoạt không chính xác, mặt kính bị vỡ, mất kim;
- Phải lập tức đình chỉ sử dụng lò hơi đốt củi trong các trường hợp sau:
- + Khi áp suất trong lò hơi tăng quá mức cho phép mặc dù các yêu cầu khác quy định trong quy trình vận hành thiết bị đều bảo đảm;
- + Khi các cơ cấu an toàn không hoàn hảo;

- + Khi phát hiện thấy các bộ phận chịu áp lực chính của lò hơi có vết nứt, phòng, gỉ mòn đáng kể, xì hơi, nước ở các mối nối, mối hàn, các miếng đệm bị xé,...;
- + Khi áp kế hư hỏng và không có khả năng xác định áp suất trong lò hơi bằng một dụng cụ khác, Những trường hợp khác theo quy định trong quy trình vận hành của đơn vị.

6.3. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Các biện pháp như lắp đặt các biển báo giao thông và hệ thống chiếu sáng dọc tuyến đường chở vật liệu xây dựng vào công trường sẽ được thực hiện;
- + Sắp xếp các khu vực chứa vật liệu nguyên, nhiên liệu, thiết bị phù hợp không để lấn chiếm lối đi lại;
- + Công nhân vào làm việc tại công trường, đặc biệt là những công nhân làm việc ở độ cao đều được dự án huấn luyện về an toàn lao động. Dự án sẽ không tiếp nhận các công nhân không tuân thủ về các điều kiện an toàn lao động do dự án đặt ra. Mặt khác, Chủ dự án sẽ ưu tiên cho lao động địa phương;
- + Trường hợp có xảy ra tai nạn lao động thì phải chuyển công nhân đến trạm y tế Xã gần nhất và chuyển ngay đến bệnh viện tuyến Huyện, Tỉnh khi xảy ra tai nạn nghiêm trọng.

6.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Việc phòng ngừa và ứng cứu sự cố sẽ được quan tâm ngay từ quá trình thiết kế hệ thống xử lý khí thải đảm bảo các thiết bị có tuổi thọ tốt và đáp ứng yêu cầu xử lý khí thải;
- Các thiết bị hư hỏng sẽ được sửa chữa ngay và lắp đặt vào hệ thống xử lý khí thải để tiếp tục hoạt động;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đặc biệt đảm bảo hệ thống xyclon tách bụi hoạt động hiệu quả;
- Các thiết bị được lắp đặt 2 bộ hoạt động luân phiên, để tăng tuổi thọ và dự phòng trong trường hợp thiết bị còn lại bị hư hỏng; Các thiết bị hư hỏng sẽ được sửa chữa ngay và lắp đặt vào hệ thống xử lý khí thải để tiếp tục hoạt động; Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; Trong những trường hợp có sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn;... Biện pháp ứng phó: Công ty sẽ tạm ngưng sản xuất nếu hệ thống xử lý khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả; Công ty

sẽ nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi hệ thống xử lý khí thải trước khi đưa hệ thống xử lý khí thải vận hành trở lại; ...

6.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự đối với hệ thống thu gom và thoát nước thải, nước mưa, bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải

a. Sự cố tắc nghẽn rác, bùn, cát trong các đường ống nước cấp, đường ống thu gom và thoát nước thải, nước mưa

Nhận diện sự cố

Trong quá trình quản lý, sử dụng các đường ống cấp thoát nước có thể bị đóng cặn (cặn vô cơ hoặc hữu cơ) bên trong đường ống làm tăng tổn thất áp lực, làm giảm khả năng vận chuyển của đường ống. Đồng thời các vật chất cản trở: rác, cành cây, lá, đất cát cuốn trôi vào đường ống.

Đánh giá tác động do sự cố

Sự cố gây tắc nghẽn đường ống dẫn đến nước không thoát được về lâu dài gây ùng úng ngập cục bộ từ đó nảy sinh các vấn đề ô nhiễm môi trường do thấm vào đất, phát sinh ruồi, muỗi, mùi hôi gây tác động đến cảm quan của người lao động trong nhà máy và người dân xung quanh khu vực dự án, khu dân cư dọc các tuyến đường xung quanh dự án, khu dân cư xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng.

Việc tắc nghẽn không thoát nước được có thể dẫn đến trì hoãn hoạt động sản xuất gây tâm lý bất ổn cho người lao động.

Các sự cố do tắc nghẽn rác, bùn, cát trong các đường ống nước cấp, đường ống thu gom và thoát nước thải, nước mưa sẽ được Chủ dự án đưa ra những biện pháp phòng ngừa, phương án ứng phó nhằm giảm thiểu thiệt hại đến mức thấp nhất có thể.

b. Sự cố về hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nhận diện các sự cố

HTXLNTTT ngừng hoạt động hoặc các công trình đơn vị gặp sự cố dẫn tới nước thải sau xử lý không đạt Quy định xả thải: trạm XLNTTT có thể gặp sự cố dẫn tới ngừng hoạt động như hư máy bơm, máy sục khí, các thiết bị khác, bể xử lý bị bể, ...

HTXLNTTT của Dự án xử lý theo công nghệ 2 quá trình vi sinh thiếu khí kết hợp hiếu khí nên bùn hoạt tính quyết định 80% hiệu quả xử lý nước thải đối với một trạm xử lý nước thải. Các sự cố có thể xảy ra do đó, để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tạm ngừng hoạt động, Chủ đầu tư sẽ trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất,... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra; Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp

thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ; Huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm;...

 Đánh giá tác động do sự cố

Bất kỳ các sự cố nào đã kể trên đều ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xả thải sẽ không đạt Quy chuẩn cho phép mà thải trực tiếp ra suối Đắc R' Tmoi gây ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước mặt từ đó ảnh hưởng đến hệ sinh thái nước.

Các sự cố về sụt lún, gãy cột, rò rỉ điện hoặc do người vận hành thao tác sai, bất cẩn té ngã, ngạt khí, rò rỉ hóa chất gây cháy nổ có thể ảnh hưởng đến tính mạng con người, gây thiệt hại về tài sản.

Ngoài ra, khi sự cố xảy ra tại HTXLNTTT có thể dẫn đến ngưng, gián đoạn sản xuất làm thiệt hại kinh tế cho Công ty, gây ảnh hưởng tâm lý hoang mang cho người lao động.

 Biện pháp phòng ngừa sự cố:

Bổ trí nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời, ghi chép lại nhật ký vận hành hệ thống để tiện trong công tác kiểm tra, theo dõi;

Định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý từ đó có phương án vận hành hiệu quả;

Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có mua thiết bị dự phòng;

Để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tạm ngừng hoạt động, Chủ đầu tư sẽ trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất,... để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra; Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời những hỏng hóc, duy tu bảo dưỡng định kỳ; Huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm

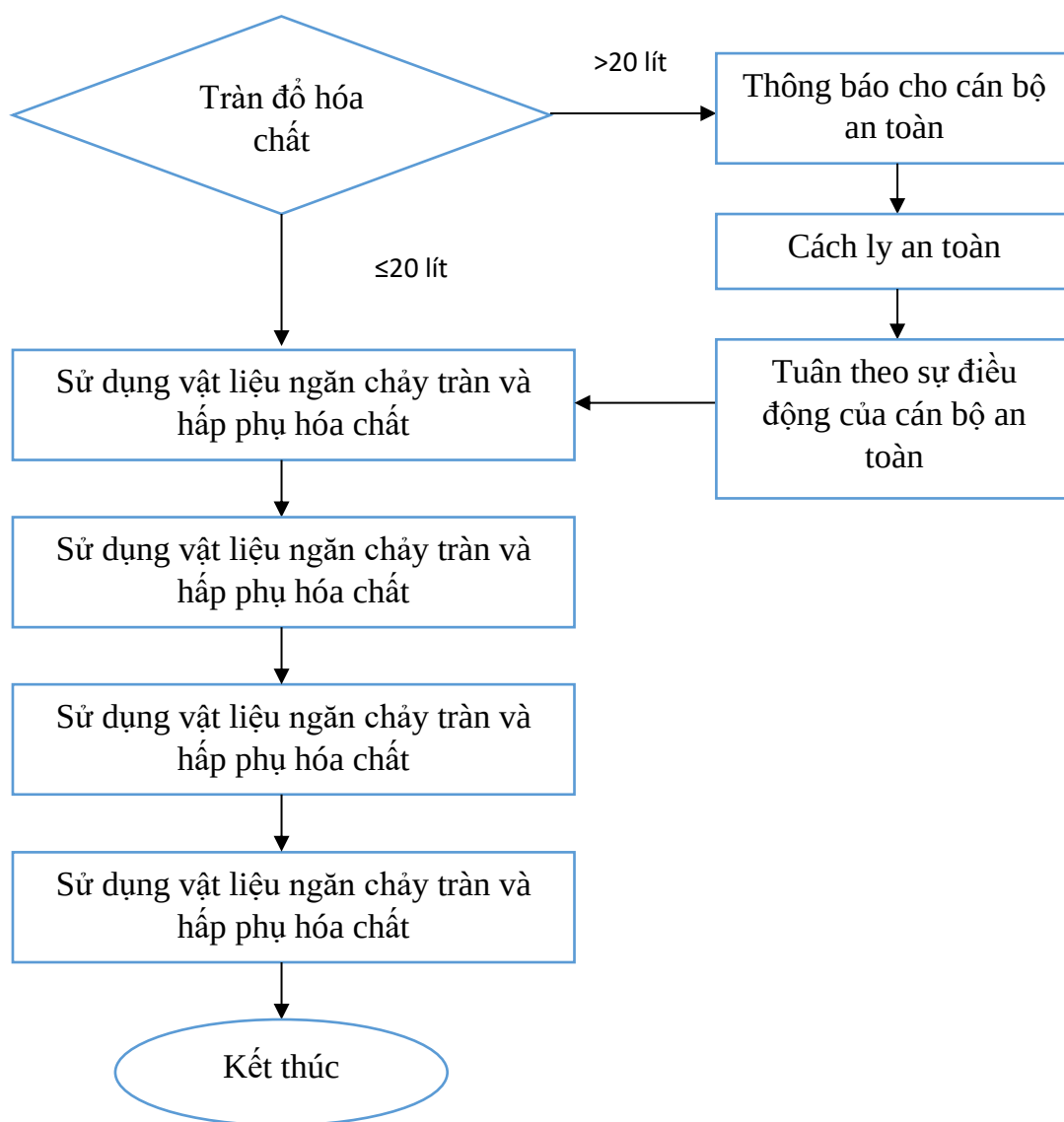
c. Biện pháp giảm thiểu sự cố với bể tự hoại:

Xây dựng bể tự hoại đúng kích thước đã được tính toán, đảm bảo chứa đủ nước thải sinh hoạt của công nhân; Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý để ngăn ngừa các sự cố tắc nghẽn, tràn nhà vệ sinh xảy ra; Trường hợp xảy ra sự cố phải liên hệ đơn vị có chức năng đến để thu gom kịp thời lượng nước thải có trong các bể chứa, nhằm hạn chế phát tán ra bên ngoài.

6.6. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất

- Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển;
- Hóa chất tồn trữ trong kho được chứa đựng trong các bao bì theo quy định của nhà sản xuất, đảm bảo kín, chắc chắn;
- Hóa chất được đặt trong kho theo nhóm, mỗi nhóm sẽ để một vị trí khác nhau để đảm bảo an toàn hóa chất và có biểu tượng cảnh báo đặc trưng của nhóm;
- Bên ngoài kho có biển cảnh báo “CẤM LỬA”, “CẤM HÚT THUỐC”;
- Hóa chất dạng lỏng chứa trong can nhựa chuyên dụng;
- Các lô hàng không xếp sát trần kho và cao không quá 2 mét; Đảm bảo lối đi chính trong kho rộng tối thiểu 1,5 mét;
- Công nhân thao tác được phổ biến kiến thức về từng loại hóa chất, cách sử dụng cũng như tính chất nguy hiểm, cách ứng phó với sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất hay hóa chất dính vào cơ thể;
- Hóa chất có dán nhãn tên hóa chất và hướng dẫn sử dụng;
- Không dùng lại các loại bao bì hóa chất đã sử dụng. Những bao bì sau khi dùng hết sẽ được bảo quản riêng và gửi lại cho nhà sản xuất. Còn những bao bì bị rách hoặc hư hỏng sẽ được bảo quản riêng trong kho chất thải nguy hại và chuyển cho các công ty chuyên xử lý chất thải;
- Kho chứa hoá chất và các loại thuốc dùng cho hoạt động chăn nuôi sẽ được xây dựng theo đúng hướng dẫn của Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Biện pháp ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất (chế phẩm sinh học, thuốc thú y, các hoá chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải,...)

Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất như sau:



Hình 3. 8: Quy trình ứng phó khi có sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): Không có

8. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Không có

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có): Không có

10. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):

Bảng 3. 6: Những nội dung xin điều chỉnh giữa quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM so với thực tế đã được phê duyệt điều chỉnh

Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án xin điều chỉnh, bổ sung	Lý do xin điều chỉnh
Phương án thu gom xử bụi từ hoạt động sản xuất và khí thải từ lò hơi	Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất và lò hơi được thu gom, xử lý như sau: Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất và lò hơi → Cyclone → Quạt hút → Bể hấp thụ bằng nước → Ống khói, Khí thải đạt đột B QCVN 19:2009/BTNMT.	- Bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất (khu nạp liệu, khu nghiền) → Hệ thống lọc bụi túi vải → không khí phát tán ra khu vực sản xuất đạt TCVS 3733:2002/QĐ-BYT và QCVN 02:2019/BYT. - Thông số kỹ thuật của thiết bị lọc bụi túi vải tại khu vực nạp liệu, khu vực nghiền nguyên liệu như sau: + Số lượng túi lọc trong mỗi thiết bị: 24 cái + Kích cỡ túi: 120mm x 2000mm + Lưu lượng khí: 2.160 – 4.320m³/h + Công suất động cơ 0,75kW. - Quy trình công nghệ xử lý bụi và khí thải lò hơi không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.	Đối với bụi, khí thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ công đoạn nạp liệu và khu vực nghiền. Bụi, khí thải được thu gom về hệ thống lọc bụi túi vải, sau một khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng lọc quá lớn, ta phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Để giữ bụi khỏi bề mặt bên trong túi vải, thiết bị có bố trí hệ thống giữ bụi. Bụi sau khi rung giữ sẽ được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất, việc tái sử dụng bụi sau khi rung giữ sẽ tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạn chế lượng chất thải rắn phải thu gom, xử lý.

Tên công trình bảo vệ môi trường	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án xin điều chỉnh, bổ sung	Lý do xin điều chỉnh
Phương án xử lý nước thải	- Công suất hệ thống xử lý: 10m³/ngày - Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Bể điều hoà; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải đạt cột A (K_q=0,9, K_f=1,2), QCVN 40:2011/BTNMT, trước khi xả thải ra suối Đắc R'Tmoi	- Công suất hệ thống xử lý: Không thay đổi - Quy trình công nghệ xử lý: Không thay đổi, bổ sung bồn lọc sau bể khử trùng Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Bể điều hoà; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc → Nước thải đạt cột A (K_q=0,9, K_f=1,2), QCVN 40:2011/BTNMT, trước khi xả thải ra suối Đắc R'Tmoi Đồng thời, để hạn chế mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải Công ty xin bổ sung thêm hệ xử lý mùi hôi, mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bồn lọc xử lý mùi. Trong bồn lọc được bố trí các lớp than hoạt tính để xử lý mùi hôi, mùi hôi sau bồn lọc được thoát ra ngoài môi trường.	Công suất hệ thống không thay đổi, quy trình hệ thống xử lý nước thải không thay đổi. Tuy nhiên để đảm bảo chất lượng nước thải cũng như mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải công ty xin bổ sung bồn lọc sau bể khử trùng để đảm bảo chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A (K_q=0,9, K_f=1,2) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường và bồn xử lý mùi bằng than hoạt tính và đảm bảo khu vực xử lý nước thải không phát sinh mùi hôi từ các bể xử lý nước thải.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

❖ Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt
- + Nguồn số 02: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

❖ Lưu lượng nước thải tối đa

- + Nguồn số 01: Lưu lượng sinh hoạt $3,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- + Nguồn số 02: Lưu lượng nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi $5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$
- + Nguồn số 03: Lưu lượng nước thải từ xả cặn đáy của lò hơi $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất tại dự án là $8,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (tính cho ngày xả đồng thời nước thải sinh hoạt và nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi), hệ số an toàn $k=1,2$, công suất hệ thống xử lý cần là: $8,2 \times 1,2 = 9,84 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Công ty đã xây dựng HTXLNT có công suất $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

❖ Dòng nước thải

Dự án có 03 nguồn nước thải gồm nước thải từ hệ thống xử lý nước thải lò hơi, nước xả cặn đáy lò hơi, nước thải sinh hoạt được xử lý tập trung qua hệ thống xử lý nước thải và đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$) trước khi xả thải ra suối Đắc R'Tmới.

❖ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi, nước xả cặn đáy lò hơi được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp; giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng thải như sau:

Bảng 4.1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải của dự án

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	QCVN 40:2011/BTNMT, cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$)
1	pH	-	6 - 9
2	BOD ₅	mg/L	32,4
3	COD	mg/L	81
4	TSS	mg/L	54
5	Tổng N	mg/L	21,6
6	Amoni	mg/L	5,4
7	Tổng P	mg/L	4,32
8	Coliform	MPN/100mL hoặc CFU/100 ml	3.000

➤ **Phương án xả thải**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: nhánh của suối Đắc R'Tmoi, thuộc xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Vị trí nơi xả nước thải: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 1.294.175; Y: 600.373 (hệ tọa độ VN2000. Múi chiều 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15').
- Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý xả thải ra suối Đắc R'Tmoi theo phương thức tự chảy và xả mặt ven bờ, đường ống dẫn nước thải có kích thước uPVC 60mm.
- Lưu lượng nước xả thải lớn nhất: 8,2m³/ngày đêm; 0,34m³/giờ
- Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm, 12 tháng trong năm.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

❖ **Nguồn phát sinh khí thải:**

Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ lò hơi

❖ **Dòng khí thải, vị trí xả thải**

- **Vị trí xả thải**

Dự án có tổng cộng 01 dòng khí thải sau xử lý ra môi trường

Dòng khí thải số 1: X = 1.294.388; Y = 600.460

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰).

- **Lưu lượng xả khí thải lớn nhất**

Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

❖ **Phương thức xả thải:**

Dòng khí thải số 1: khí thải lò hơi sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải D=0,5m; H= 18m; xả liên tục 24/24 giờ khi sử dụng.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Đối với dòng khí thải số 1: chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số Kp = 1,0 , Kv = 1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - trước khi xả thải ra môi trường.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của dự án như sau:

Bảng 4. 2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của Dự án

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
I	Dòng thải số 1				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi	mg/Nm ³	240	6 tháng/lần	
3	NO _x	mg/Nm ³	1.020	6 tháng/lần	
4	CO	mg/Nm ³	1.200	6 tháng/lần	

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

❖ **Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- Nguồn số 02: Khu vực đặt máy phát điện
- Nguồn số 03: Khu vực hệ thống xử lý nước thải

❖ **Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Tọa độ đại diện X = 1.294.388; Y = 600.460;
- Nguồn số 02: Tọa độ đại diện X = 1.294.206; Y = 600.385;
- Nguồn số 03: Tọa độ đại diện X = 1.294.176; Y = 600.374;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°).

❖ **Giới hạn đối với tiếng ồn độ rung**

Giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Tiếng ồn

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không có

5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không có

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:

1.1. Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm

Bảng 5. 1: Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm của dự án

TT	Tên hạng mục	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất tại thời điểm vận hành thử nghiệm	Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	01 hệ thống xử lý nước thải, công suất 10m ³ /ngày	Sau khi được cấp giấy môi trường	06 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường	80% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	100% công suất hoạt động chính thức.
2	01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Sau khi được cấp giấy môi trường	06 tháng sau khi được cấp giấy phép môi trường	80% công suất so với công suất hoạt động chính thức.	100% công suất hoạt động chính thức.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý

Công ty cam kết tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 10 tháng 01 năm 2022 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

❖ **Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý**

Bảng 5. 2: Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Lưu lượng, bụi, NO _x , CO	01 mẫu đầu ra sau hệ thống xử lý.	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=1, Kv=1,2
2	Hệ thống xử lý nước thải	pH, BOD, COD, TSS, tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform	01 mẫu đầu vào hệ thống xử lý 01 mẫu đầu ra sau hệ thống xử lý		QCVN 40:2011/BTNMT cột A, K _q = 0,9, K _f =1,2

❖ **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện:**

- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi Trường Phương Nam.
- + Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.
- + Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Quyết định số 07/GCN-BTNMT ngày 15/2/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- + Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số Vilas 682 theo quyết định số 93.2020/QĐ – VPCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm.

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Giám sát môi trường nước thải

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải;
- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

– Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT đạt cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

b. Giám sát khí thải

- + Vị trí giám sát: 01 điểm tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải nồi hơi;
- + Chỉ tiêu giám sát: lưu lượng, bụi, NO_x , CO;
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- + Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT cột B, $K_p = 1,0$ và $K_v = 1,2$.

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- Tần suất giám sát: thường xuyên, liên tục, định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- Quy định áp dụng: Luật số 72/2020/QH14, nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Kinh phí để thực hiện chương trình giám sát môi trường của Dự án trong mỗi năm dự kiến khoảng 28.000.000 VNĐ, cụ thể như sau:

Bảng 5. 3: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền (VNĐ/năm)
I	Lấy mẫu và phân tích mẫu			12.000.000
1	Giám sát chất lượng nước thải (2 lần/năm $\times$ 2 vị trí)	1.500.000	4	6.000.000
2	Giám sát chất lượng khí thải lò hơi (2 lần/năm $\times$ 1 vị trí)	3.000.000	2	6.000.000
II	Chi phí đi lại, khảo sát	2.500.000	4	10.000.000
III	Tổng kết viết báo cáo	6.000.000	1	6.000.000
Tổng cộng				28.000.000

CHƯƠNG VI. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công ty cam kết sẽ xử lý chất thải theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Công ty cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở.
- Công ty cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Công ty cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các tiêu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết sẽ xử lý nước thải đầu ra đạt cột A ($K_q=0,9$, $K_f=1,2$), QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi xả thải ra suối Đắc R’Tmoi
- Công ty cam kết trong quá trình hoạt động, không xả nước thải chưa xử lý trực tiếp ra môi trường, không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn vào nguồn tiếp nhận là sông, suối.
- Công ty đảm bảo khí thải trước khi xả thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B với $K_p = 1$ và $K_v = 1,2$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả thải ra môi trường.
- Chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được phân loại, thu gom và xử lý đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Công ty cam kết thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm như đã đề ra trong báo cáo trong suốt quá trình hoạt động, cho tới khi kết thúc dự án.
- Công ty cam kết trong quá trình hoạt động của dự án, nếu vi phạm công ước quốc tế, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam và để xảy ra các sự cố môi trường thì Chủ đầu tư dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Công ty cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Công ty cam kết lập hồ sơ đề nghị xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án theo quy định.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

2. BẢN VẼ HOÀN CÔNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3801265606

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

thửa số 103 và 109, Thôn 9, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 0362603944

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

60.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Tương đương 2.592.912,71 đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: VELCORES AGROPEDIA SDN.BHD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 202001012165 (1368485-K)

Ngày cấp: 22/05/2020 Nơi cấp: Ủy ban các Công ty của Malaysia

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 14832, Jalan Undang Galah Kampung Telok Gong 42000 Pelabuhan Klang, Selangor, Malaysia

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LEE MENG HONG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *14/08/1960*

Dân tộc: *Quốc tịch:*

Malaysia

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *A53375999*

Ngày cấp: *01/08/2019*

Nơi cấp: *Malaysia*

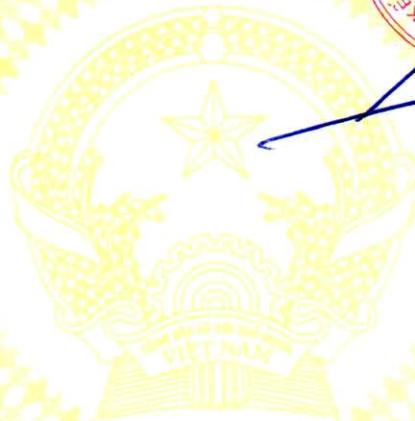
Địa chỉ thường trú: *213 Jalan Damai 2 , Taman Damai, Sungai Abong, 84000 Muar
Johor , Malaysia*

Địa chỉ liên lạc: *Số 7 Lô A12, Khu dân cư An Bình , Phường An Bình, Thành phố
Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2867/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**
(Cấp lần đầu: ngày 03 tháng 11 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 2318/BC-SKHĐT-ĐKKD ngày 28/10/2021; kèm theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án nộp ngày 10/8/2021, nộp bổ sung ngày 07/10/2021 của Velcores Agropedia SDN.BHD.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư:

Velcores Agropedia SDN.BHD - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 202001012165 (1368485-K) do Ủy ban các Công ty của Malaysia cấp lần đầu ngày 22/5/2020; địa chỉ trụ sở chính: Lô 14832, Jalan Undang Galah Kampung Telok Gong 42000 Pelabuhan Klang, Selangor, Malaysia; Điện thoại: +60333439067.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yew Kean Lai, sinh ngày 25/3/1966, quốc tịch Malaysia; Hộ chiếu số A39982866 cấp ngày 17/4/2017 tại Malaysia; địa chỉ thường trú: 15 Jalan Tekoma 4, Bandar Botanik, 42100 Klang, Selangor,



Malaysia; địa chỉ liên lạc: 15 Jalan Tekoma 4, Bandar Botanik, 42100 Klang, Selangor, Malaysia; chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Tên dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.

3. Mục tiêu dự án: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.

4. Quy mô dự án: 150.000 tấn thức ăn chăn nuôi/năm.

5. Vốn đầu tư của dự án: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng) tương đương 6.482.281,76 USD (Sáu triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm tám mươi một đô la Mỹ, bảy mươi sáu cent).

Trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) tương đương 2.592.912,71 USD (Hai triệu, năm trăm chín mươi hai ngàn, chín trăm mười hai đô la Mỹ, bảy mươi một cent);

- Vốn vay: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng) tương đương 3.889.369,06 USD (Ba triệu, tám trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm sáu mươi chín đô la Mỹ, sáu cent).

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

7. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

8. Diện tích, nguồn gốc đất:

a) Diện tích đất: Khoảng 3,88 ha.

b) Nguồn gốc đất: Khu đất thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Sơn đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 04792 và CS 04793 ngày 26/7/2016. Velcores Agropedia SDN.BHD dự kiến thành lập Công ty TNHH một thành viên và thỏa thuận bồi thường tài sản cho bà Đinh Thị Sơn, thuê đất của Nhà nước để thực hiện dự án.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Velcores Agropedia SDN.BHD	60.000.000.000	2.592.912,71	100%	Tiền mặt	Trong vòng 03 tháng kể từ ngày ban hành Quyết định này

- Vốn vay: 90.000.000.000 đồng tương đương 3.889.369,06 USD, huy động theo tiến độ thực hiện dự án và tiến độ giải ngân của ngân hàng.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Từ tháng 5/2021 đến tháng 4/2022: Thực hiện thủ tục pháp lý.
- Từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022: Xây dựng nhà máy, lắp đặt thiết bị.
- Từ tháng 01/2023 trở đi: Hoàn thành và đưa vào hoạt động.

10. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng theo quy định hiện hành.

11. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 2516/UBND-TH ngày 16/7/2021;

- Khi triển khai thực hiện dự án phải bố trí các hạng mục công trình xây dựng đảm bảo quy định về hành lang bảo vệ an toàn suối và hành lang bảo vệ an toàn đường bộ.

- Liên hệ UBND huyện Bù Đăng đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất khu đất thực hiện dự án vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện trước khi thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo;

- Trong quá trình hoạt động phải chấp hành nghiêm các công tác bảo vệ môi trường và phải có phương án bảo vệ môi trường theo quy định; nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại Điều 102, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

1. UBND huyện Bù Đăng xem xét, bổ sung khu đất thực hiện dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 hoặc năm 2022 của huyện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, UBND huyện Bù Đăng căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan hướng dẫn nhà đầu tư triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư: Kể từ ngày ký.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, UBND huyện Bù Đăng, Nhà đầu tư - Velcores Agropedia SDN.BHD có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Nhà đầu tư - Velcores Agropedia SDN.BHD; một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, Phòng: KT, TH;
- Lưu: VT. (201Thg-01/11)



Trần Tuệ Hiền

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9822228373

Chứng nhận lần đầu ngày: 04 tháng 11 năm 2021

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 1 ngày: 23 tháng 02 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2827/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh chấp thuận cho nhà đầu tư Velcores Agropedia SDN.BHD thực hiện dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9822228373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 04/11/2021;

Theo Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (lần 1) và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia nộp trực tuyến ngày 21/02/2022 tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Tờ trình ngày 23/02/2022 của Phòng Đăng ký kinh doanh.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi; mã số dự án: 9822228373 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 04/11/2021 được đăng ký điều chỉnh: (1) tổ chức kinh tế thực hiện dự án; (2) tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn. Thông tin dự án sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

Velcores Agropedia SDN.BHD - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 202001012165 (1368485-K) do Ủy ban các Công ty của Malaysia cấp lần đầu ngày 22/5/2020; địa chỉ trụ sở chính: Lô 14832, Jalan Undang Galah Kampung Telok Gong 42000 Pelabuhan Klang, Selangor, Malaysia; Điện thoại: +60333439067.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Yew Kean Lai, sinh ngày 25/3/1966, quốc tịch Malaysia; Hộ chiếu số A39982866 cấp ngày 17/4/2017 tại Malaysia; địa chỉ thường trú: 15 Jalan Tekoma 4, Bandar Botanik, 42100 Klang, Selangor, Malaysia; địa chỉ liên lạc: 15 Jalan Tekoma 4, Bandar Botanik, 42100 Klang, Selangor, Malaysia; chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án: Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801265606 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/12/2021. Địa chỉ trụ sở chính: Thửa số 103 và 109, thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Meng Hong; sinh ngày 14/8/1960; quốc tịch Malaysia; Hộ chiếu nước ngoài số A53375999 do Malaysia cấp ngày 01/8/2019; địa chỉ thường trú tại 213 Jalan Damai 2, Taman Damai, Sungai Abong, 84000 Muar Johor, Malaysia; địa chỉ liên lạc tại số 7 lô A12, Khu dân cư An Bình, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; chức danh: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.
2. Mục tiêu dự án: Sản xuất thức ăn chăn nuôi.
3. Quy mô dự án: 150.000 tấn thức ăn chăn nuôi/năm.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
5. Diện tích đất: Khoảng 3,88 ha.

Nguồn gốc đất: Khu đất thuộc quyền sử dụng của bà Đinh Thị Sơn đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CS 04792 và CS 04793 ngày 26/7/2016. Velcores Agropedia SDN.BHD dự kiến thành lập Công ty TNHH Một thành viên và thỏa thuận bồi thường tài sản cho bà Đinh Thị Son, thuê đất của nhà nước để thực hiện dự án.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng); tương đương 6.482.281,76 USD (Sáu triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn hai trăm tám mươi một đô la Mỹ bảy mươi sáu cent), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng); tương đương 2.592.912,71 USD (Hai triệu năm trăm chín mươi hai ngàn chín trăm mười hai đô la Mỹ bảy mươi một cent);

- Vốn vay: 90.000.000.000 đồng (Chín mươi tỷ đồng); tương đương 3.889.369,06 USD (Ba triệu tám trăm tám mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi chín đô la Mỹ sáu cent).

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Vốn góp:

TT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Velcores Agropedia SDN.BHD	60.000.000.000	2.592.912,71	100%	Tiền mặt	Trong vòng 04 tháng 15 ngày kể từ ngày 03/11/2021.

- Vốn vay: 90.000.000.000 đồng tương đương 3.889.369,06 USD, huy động theo tiến độ thực hiện dự án và tiến độ giải ngân của ngân hàng.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành:

- Từ tháng 5/2021 đến tháng 4/2022: Thực hiện thủ tục pháp lý.

- Từ tháng 5/2022 đến tháng 12/2022: Xây dựng nhà máy, lắp đặt thiết bị.

- Từ tháng 01/2023 trở đi: Hoàn thành và đưa vào hoạt động.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

a) Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp; miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Ưu đãi về thuế xuất, nhập khẩu:

Được miễn, giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

c) Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các ưu đãi khác:

Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và được hưởng các ưu đãi đầu tư khác theo quy định của Chính phủ và tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Phải thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

3. Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 2516/UBND-TH ngày 16/7/2021;

4. Khi triển khai thực hiện dự án phải bố trí các hạng mục công trình xây dựng đảm bảo quy định về hành lang bảo vệ an toàn suối và hành lang bảo vệ an toàn đường bộ.

5. Liên hệ UBND huyện Bù Đăng đăng ký bổ sung nhu cầu sử dụng đất khu đất thực hiện dự án vào Kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện trước khi thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo.

6. Trong quá trình hoạt động phải chấp hành nghiêm các công tác bảo vệ môi trường và phải có phương án bảo vệ môi trường theo quy định; nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nghiêm các báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm và gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

Nhà đầu tư đã được cấp 01 tài khoản đăng nhập Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. Thông tin đăng nhập:

- Tên miền: fdi.gov.vn.

CH
TU
HƯ

- Tên đăng nhập: 9822228373
- Mật khẩu mặc định: Abcd@123

(Nhà đầu tư khi đăng nhập vui lòng thay đổi mật khẩu để đảm bảo tính bảo mật tài khoản của mình.)

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GD, các PGD Sở;
- TT. PVHCC (phối hợp);
- Các Sở: TN&MT; NN&PTNT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Bù Đăng;
- Lưu VT, ĐKKD (V.Thanh).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thành



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số: 365 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bình Phước, ngày 28 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất: 150.000
tấn/năm tại thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
do Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây
dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất: 150.000 tấn/năm tại thôn 9,
xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Nông nghiệp
Velcores Agropedia làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn
số 04/CV-VA ngày 16/02/2022;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
78/TTr-STNMT ngày 24/02/2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất: 150.000 tấn/năm
(sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia (sau
đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình
Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng, Chủ tịch UBND xã Đức Liễu, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (BH-11-QĐPD-24/02) *jt*

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
CÔNG SUẤT: 150.000 TẤN/NĂM TẠI THÔN 9, XÃ ĐỨC LIỄU,
HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY TNHH
NÔNG NGHIỆP VELCORES ASROPEDIA LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất 150.000 tấn/năm.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia.

Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3801265606 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước đăng ký lần đầu ngày 09/12/2021.

Trụ sở chính: Thửa số 103 và 109, thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Meng Hong, chức danh: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 37.287 m²; quy mô công suất: 150.000 tấn sản phẩm/năm.

1.5. Công nghệ của Dự án: Nguyên liệu thô dạng hạt; nguyên liệu thô dạng mảnh → Làm sạch → Silo chứa/Kho chứa → Hệ thống pin chứa cấu tạo dạng thô chờ định lượng → Định lượng thô → Nghiền → Trộn chính (Phụ gia/Khoáng chất) → Ép viên → Sấy khô → Tạo hạt mong muốn → Sàng tuyển → Đóng thành phẩm → Xuất kho.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Gồm văn phòng, khu vực tháp sản xuất, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, khu nhập liệu, khu xuất hàng, khu lò hơi và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Bụi phát sinh từ quá trình đào, đắp san nền; khí thải phát sinh từ các hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ san lấp; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển; bụi, khí thải phát sinh từ bãi tập kết nguyên vật liệu; bụi, khí thải từ quá trình hàn thi công; bụi từ

quá trình chà nhám, sơn tường; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm; bụi, mùi từ khu vực chứa nguyên liệu; bụi từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi; bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy; bụi và khí thải máy phát điện dự phòng; mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải; nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 05 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 5,6 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, SS, amoni, nitơ của các muối amoni, photphat, clorua, chất hoạt động bề mặt, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 3,2 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD₅, COD, SS, dầu mỡ động thực vật, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, coliform.

- *Nước thải sản xuất:* Lưu lượng phát sinh khoảng 0,187 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng nitơ, tổng photpho.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Bụi phát sinh từ quá trình san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,0015 – 0,0031 mg/m³.

- *Khí thải phát sinh từ các hoạt động của máy móc, thiết bị phục vụ san lấp:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, SO₂.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ bãi tập kết nguyên vật liệu:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng 0,00007 mg/m³.

- *Khí thải từ quá trình hàn thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Xylen, toluene, benzene.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, HC.

- *Bụi, mùi từ khu vực chứa nguyên liệu:* Nồng độ bụi phát sinh khoảng $17,3 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi từ hoạt động chế biến thức ăn chăn nuôi:* Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình chế biến thức ăn khoảng $40,1 \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi cấp nhiệt cho hệ thống sấy:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , CO, nồng độ bụi phát sinh khoảng $325,72 \text{ mg/m}^3$.

- *Khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO_x , SO_2 , CO.

- *Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: NH_3 , H_2S , mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi có mùi hôi khó chịu.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Phát sinh khoảng 15,675 tấn trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là xi măng, gạch, cát, đá, gỗ, giấy vụn, nguyên liệu rơi vãi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 56 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 32 kg/ngày; thành phần chủ yếu có chứa 60% – 70% chất hữu cơ và 30% – 40% các chất khác.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

Khối lượng phát sinh từ thùng carton khi khai nguyên phụ liệu khoảng 4,83 kg/ngày; khối lượng phát sinh từ bao bì thải không dính hóa chất khoảng 22,9 kg/ngày; khối lượng phát sinh từ nguyên liệu hư hỏng, sản phẩm không đạt chất lượng, quá hạn sử dụng khoảng 336,26 kg/ngày; bụi nghiền trộn, bốc dỡ lưu chứa nguyên liệu phát sinh khoảng 70,03 kg/ngày; lượng tro thải từ việc sử dụng nhiên liệu đốt nồi hơi khoảng 115,44 kg/ngày.

Khối lượng bụi và cặn thải từ hệ thống xử lý khí thải phát sinh 38,94 kg/ngày. Trong đó: khối lượng bụi phát sinh khoảng 27,4 kg/ngày; khối lượng cặn thải phát sinh khoảng 11,54 kg/ngày.

Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng $0,33 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; thành phần chủ yếu gồm nước và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng khoảng 41,11 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như: Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải, thùng đựng sơn; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 110 kg/năm, bao gồm các loại chất thải như: Bóng đèn huỳnh quang thải; giẻ lau dính dầu mỡ; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; pin, ắc quy chì thải; bao bì cứng thải bằng nhựa (đựng hoá chất sản xuất).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Nước thải xây dựng được thu gom vào hồ ga lắng tạm là hồ đất, lót bạt HDPE, dung tích 06 m³. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Xây dựng 03 nhà vệ sinh với 01 bể tự hoại 05 ngăn có thể tích 12 m³ để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 05 ngăn phải được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho quá trình tưới đường giảm bụi.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 05 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Chủ Dự án xây dựng 03 nhà vệ sinh với 01 bể tự hoại 05 ngăn có thể tích 12 m³.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:* Nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 10 m³/ngày.đêm với quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể điều hòa; Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải và nồi hơi → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng. Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_f = 1,2$; $k_d = 0,9$, sau đó thoát ra đường ống thoát nước thải chảy về suối nhánh của suối Đắc R' Tmoi phía Đông giáp Dự án.

Kích thước các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải, công suất 10 m³/ngày.đêm như sau:

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật (R x D x C)	Thể tích (m ³)	Vật liệu xây dựng
1	Bể điều hòa	01 bể	1,2 x 1,3 x 02	3,12	Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể thiếu khí	01 bể	1,2 x 2,5 x 02	06	Bê tông cốt thép, chống thấm
3	Bể hiếu khí	01 bể	1,2 x 2,5 x 02	06	Bê tông cốt thép, chống thấm
4	Bể lắng sinh học	01 bể	1,2 x 1,3 x 02	3,12	Bê tông cốt thép, chống thấm
5	Bể khử trùng	01 bể	1,2 x 1,3 x 02	3,12	Bê tông cốt thép, chống thấm
6	Bể chứa bùn	01 bể	1,2 x 1,3 x 02	3,12	Bê tông cốt thép, chống thấm

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với $k_f = 1,2$; $k_q = 0,9$, sau đó thoát ra đường ống thoát nước thải chảy về suối nhánh của suối Đắk R'Moi phía Đông giáp Dự án.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền và đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, găng tay, giày ủng; các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, đá, xi măng...) và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại, phân luồng giao thông nội bộ trong khu vực Dự án.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển:* Phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ thiết bị thi công trên công trường:* Lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín nhằm giảm thiểu bụi phát sinh trong bốc dỡ, lưu chứa nguyên vật liệu xây dựng...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi phát sinh từ bãi tập kết vật liệu:* Vào những ngày thời tiết khô hanh, nắng ráo, bố trí xe phun nước tại khu vực bãi lưu chứa vật liệu hoặc đơn vị thi công định kỳ bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu

vực đường dẫn vào Dự án hạn chế đất đá rơi vãi trên đường trong quá trình vận chuyển; tại các kho bãi chứa vật liệu xây dựng, đặc biệt là nơi để xi măng, cát, đá... được che chắn cẩn thận nhằm hạn chế sự phát tán bụi vào không khí khi gió lớn.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình hàn:* Công nhân tham gia các hoạt động cơ khí phải được tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công; bố trí thời gian làm việc hợp lý; cán bộ phụ trách an toàn của nhà thầu thường xuyên kiểm tra phát hiện kịp thời các hiện tượng mất an toàn để xử lý kịp thời nhằm đảm bảo an toàn thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình chà nhám sơn tường:* Huấn luyện về kỹ thuật thi công cho công nhân; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân như khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ lao động...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:* Che phủ bạt đối với các xe vận tải vận chuyển nguyên, vật liệu..., ưu tiên sử dụng các phương tiện có thùng kín; thu dọn nguyên, vật liệu rơi vãi khi vận chuyển trên tuyến đường, các tuyến đường xung quanh khu vực Dự án; đối với các loại sản phẩm, hóa chất có mùi khó chịu: trước khi đưa lên phương tiện vận chuyển phải gói bọc kỹ, không để lọt mùi ra ngoài, không để rơi vãi trên phương tiện vận chuyển và trên đường vận chuyển; không sử dụng phương tiện quá cũ để vận chuyển hoặc đi lại; các loại xe ô tô, thiết bị chuyên dùng có đăng ký, đăng kiểm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và mùi hôi từ khu vực chứa nguyên liệu:*

Đối với kho lưu chứa nguyên liệu: Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, lán xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa nguyên liệu để không khí trong kho lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột nước khi mưa.

Đối với nguyên liệu: Tất cả các nguyên liệu cung cấp đạm, cung cấp khoáng đa, vi lượng của Dự án được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông; trong suốt quá trình nhập liệu và lưu trữ nguyên liệu tại kho chứa, Chủ Dự án phân công nhân viên theo dõi bao bì, kiểm tra độ ẩm của nguyên liệu đầu vào để đưa vào sản xuất ngay những lô nguyên liệu có bao bì bị xì hơi, kém an toàn hoặc có độ ẩm cao nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh khi lưu trữ. Trường hợp phát hiện bao bì chứa nguyên liệu bị hư hỏng phải lồng thêm bao ni lông bên ngoài và buộc kín miệng

bao để hạn chế nguyên liệu rơi vãi, phát sinh bụi và mùi hôi; nếu có nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập hàng hay lưu trữ trong kho phải thu gom ngay, tận dụng cho sản xuất, hạn chế bụi và mùi hôi phát sinh.

Đối với si lô: Các si lô chứa nguyên liệu của Dự án được hàn kín bằng thép nhằm hạn chế ẩm, thấp gây hư hỏng nguyên liệu, phòng chống côn trùng phá hoại và hạn chế phát tán bụi khi nhập liệu hay khi lưu trữ nguyên liệu.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:* Trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải với chiều rộng ≥ 10 m, hệ thống xử lý nước thải xây dựng ngầm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi hôi từ hoạt động sản xuất và bụi, khí thải lò hơi:* Thường xuyên vệ sinh nhà xưởng chế biến; công nhân trực tiếp lao động được bố trí trang thiết bị bảo hộ lao động. Chủ Dự án lắp đặt hệ thống xử lý khí thải để thu gom và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất và lò hơi của Dự án với quy trình như sau: Bụi, khí thải từ khu vực sản xuất và lò hơi $\rightarrow$ Cyclone $\rightarrow$ Quạt hút $\rightarrow$ Bể hấp thụ bằng nước $\rightarrow$ Ống khói (khí thải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_v = 1,2$; $k_p = 1,0$).

Kích thước các công trình của hệ thống xử lý khí thải như sau:

Tên hạng mục/ thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Vật liệu
Cyclone	Đường kính: 01 m Chiều cao: 04 m Số lượng cyclone đơn: 01 cái	01	Thép CT3, phủ sơn bảo vệ
Quạt hút khí thải	Công suất: 10 Hp Lưu lượng lớn nhất: 15.000 m ³ /giờ Cột áp: 250 mmH ₂ O	01	Thép CT3
Bể hấp thụ bằng nước	Kích thước: D x R x C = 02 m x 1,5 m x 02 m	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
Bể lắng	Kích thước: D x R x C = 03 m x 1,5 m x 1,5 m	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
Ống khói	Số lượng : 01 Chiều cao: 18 m Đường kính: 50 cm	01	Inox 304

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất phải được thu gom, xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_v = 1,2$; $k_p = 1,0$. Đồng thời, Chủ Dự án phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Các loại chất thải như đất, đá, cát thải... được tận dụng để san lấp mặt bằng trong quá trình thi công; các loại chất thải rắn khác được Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị 02 thùng chứa rác HDPE, dung tích 240 lít, có nắp đậy để chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị các thùng chứa HDPE, dung tích từ 120 lít, có nắp đậy để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Nguyên liệu rơi vãi được thu hồi và đưa vào quy trình sản xuất. Bụi từ cyclone của hệ thống xử lý khí thải được Chủ Dự án thu gom, lưu chứa tại nhà chứa chất thải rắn thông thường; tro từ quá trình đốt và bụi từ hệ thống xử lý khí thải được lưu chứa trong các thùng chứa có thể tích 120 lít bố trí trong khu vực nhà chứa chất thải rắn thông thường; các loại chất thải rắn thông thường được thu gom, phân loại và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Chủ Dự án bố trí kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, diện tích 99 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng.

- *Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn có kích thước 1,2 m x 1,3 m x 0,2 m kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại*: Lượng bùn phát sinh từ bể tự hoại được Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Cặn thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải*: Lượng cặn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải được chứa trong bể lắng cặn có kích thước: 0,3 m x 1,5 m x 1,5 m, kết cấu: bê tông cốt thép, chống thấm. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có

diện tích 10 m², kết cấu: tường và mái bằng tôn, nền bê tông xi măng. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Thu gom, phân loại chất thải nguy hại vào các thùng chứa HDPE, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tạm tại nhà kho chất thải nguy hại có diện tích khoảng 33 m², kết cấu: nền bê tông, mái lợp tôn, tường vách bằng tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu ra vào Dự án cần đảm bảo mới, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh sử dụng các loại xe quá cũ, tránh chở quá tải; phân bổ tuyến đường vận chuyển hợp lý...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Phân bổ tuyến đường vận chuyển hợp lý; trồng cây xanh dọc hai bên đường giao thông...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố đối với bể tự hoại:* Xây dựng bể tự hoại đúng kích thước đã được tính toán, đảm bảo chứa đủ nước thải sinh hoạt; định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý bùn cặn để ngăn ngừa các sự cố tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố phải liên hệ đơn vị có chức năng đến để thu gom, xử lý.



- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:* Hệ thống xử lý nước thải tạm ngừng hoạt động khi xảy ra sự cố, Chủ Dự án trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi sự cố xảy ra; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, sửa chữa kịp thời, duy tu bảo dưỡng định kỳ; huấn luyện nâng cao kỹ năng cho công nhân vận hành trạm...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải:* Biện pháp phòng ngừa: Các thiết bị được lắp đặt 2 bộ để hoạt động luân phiên; các thiết bị hư hỏng phải được sửa chữa ngay; kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên; công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn... Biện pháp ứng phó: Chủ Dự án phải tạm ngưng sản xuất nếu hệ thống xử lý khí thải ngưng hoạt động hoặc hoạt động không hiệu quả; Chủ Dự án phải nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi hệ thống xử lý khí thải trước khi đưa hệ thống xử lý khí thải vận hành trở lại...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình xử lý khí thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 điểm tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- *Thông số giám sát:* pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, amoni, tổng nitơ, tổng phot pho, coliform.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 40:2011/BTNMT đạt cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, $k_f = 1,2$; $k_q = 0,9$.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, bụi, NO_x, CO.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với $k_p = 1,0$ và $k_v = 1,2$.

5.3.3. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại xưởng nguyên liệu, 01 điểm tại nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, bụi, CH₄, H₂S, NH₃.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động, QCVN 03:2019/BYT – Quy



chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.3.4. Giám sát môi trường nước mặt:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí xả thải của Dự án tại suối nhánh của suối Đắc R'Tmoi.

- *Thông số giám sát:* pH, DO, BOD₅, COD, TSS, amoni (NH₄⁺), coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột A2, QCVN 08-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.3.5. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực Dự án.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TSS, COD, amoni, nitrat, coliform, mangan.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.6. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải, khí thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải, khí thải chưa xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 279/UBND ngày 10/12/2021 của UBND xã Đức Liễu về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất 150.000 tấn/năm và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án ngày 10/12/2021 tại xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục tiếp theo theo đúng quy định.

6.8. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.



II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 162, tờ bản đồ số: 9,
- b) Địa chỉ thửa đất: thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước,
- c) Diện tích: 34.341,6 m²,
(Bằng chữ: ba mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi một phẩy sáu mét vuông),
- d) Hình thức sử dụng: sử dụng riêng,
- đ) Mục đích sử dụng đất: đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp,
- e) Thời hạn sử dụng: đến ngày 24/5/2072,
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

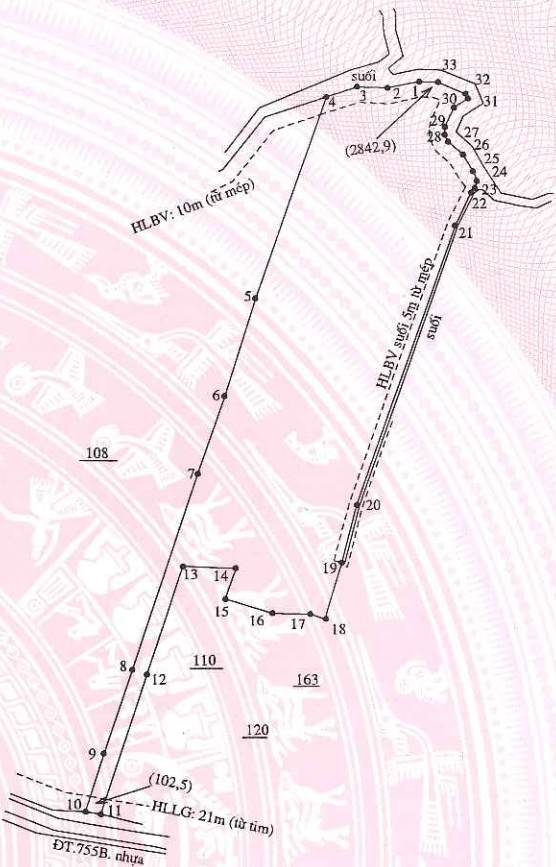
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

- Thửa đất có 102,5 m² thuộc hành lang bảo vệ đường bộ và 2.842,9 m² thuộc hành lang bảo vệ suối không cho thuê đất theo Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Được miễn toàn bộ tiền thuê đất theo Quyết định số 689/QĐ-CT ngày 21/6/2022 của Cục thuế Bình Phước./.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1:5000

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)	Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	20,87	17	9,87
2	19,99	18	37,92
3	20,97	19	38,34
4	137,93	20	191,09
5	66,12	21	23,64
6	52,97	22	3,63
7	133,29	23	4,76
8	57,20	24	6,56
9	39,25	25	12,65
10	10,00	26	12,86
11	95,01	27	4,97
12	73,57	28	4,94
13	34,09	29	13,82
14	21,00	30	10,71
15	32,00	31	3,56
16	24,69	32	19,36
17		33	12,12
		1	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bình Phước, ngày 05 tháng 7 năm 2022
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TUQ. CHỦ TỊCH
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Diệp Trường Vũ

Số vào sổ cấp GCN:CT.....40052

Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia

- Giấy đăng ký kinh doanh số 3801265606 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/12/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: thửa đất số 103 và 109, thôn 9, xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

DG 064086

Bình Phước, ngày 09 tháng 9 năm 2022

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 07 /GPXD – SXD – HCC
(Sử dụng cho công trình không theo tuyến)

1. Cấp cho: Công ty TNHH Nông nghiệp Velcores Agropedia.

Địa chỉ trụ sở chính: xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Đơn vị thiết kế: Công ty CP TM DV XD Đại Nam Việt; địa chỉ: Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ trì thiết kế: Kiến trúc sư Phạm Văn Phước, Kỹ sư Trần Thái Hoàng, Kỹ sư Trần Anh Tuấn.

- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng Bình Phước (Thông báo kết quả thẩm định số 2452/SXD-QLXD ngày 31/8/2022).

- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng: Thửa đất số 162, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Theo bản vẽ mặt bằng tổng thể công trình kèm theo giấy phép này.

+ Mật độ xây dựng: 26,18%; Hệ số sử dụng đất: 0,29.

+ Màu sắc công trình: Sử dụng màu sắc hài hòa với cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người và an toàn giao thông.

2.1. Nhà đặt máy phát điện, trạm bơm, nhà vệ sinh công nhân: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: 272,0m².

- Chiều cao công trình: 5,2m tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.

- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m.

2.2. Nhà ăn, nhà nghỉ công nhân: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: 218,4m².

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 475,2m².

- Chiều cao công trình: 9,35m tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 02 tầng.

- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,3m.



2.3. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: $384,0\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $768,0\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $9,35\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 02 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,3\text{m}$.

2.4. Nhà bảo vệ: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: $16,0\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $4,3\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,2\text{m}$.

2.5. Nhà xe công nhân: 02 nhà.

- Diện tích xây dựng 01 nhà: $150,0\text{m}^2$.
- Tổng diện tích xây dựng 02 nhà: $300,0\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $3,45\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,25\text{m}$.

2.6. Trạm cân xe 80 tấn: 01 cái.

- Diện tích xây dựng: $81,0\text{m}^2$.

2.7. Nhà kho nguyên liệu đốt, kho chứa chất thải: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: $209,0\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $4,7\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,2\text{m}$.

2.8. Nhà lò hơi: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: $120,0\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $5,2\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,2\text{m}$.

2.9. Kho nguyên liệu, kho thành phẩm: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: $6.870,59\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $14,47\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,2\text{m}$.

2.10. Tháp sản xuất: 01 tháp.

- Diện tích xây dựng: $468,0\text{m}^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $747,36\text{m}^2$.
- Chiều cao công trình: $33,5\text{m}$ tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng + 01 tầng hầm.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là $0,3\text{m}$.

2.11. Nhà vệ sinh bãi đậu xe: 01 nhà.

- Diện tích xây dựng: 35,2m².
- Chiều cao công trình: 5,6m tính từ mặt đất tự nhiên; số tầng: 01 tầng.
- Cos nền: cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,5m.

2.12. Bể xử lý nước thải và khí thải: 01 bể.

- Diện tích xây dựng: 17,7m².

2.13. Ngoài ra công trình còn có cổng, hàng rào, bãi đỗ xe; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống điện, chống sét...

3. Giấy tờ về đất đai: Theo GCN Quyền sử dụng đất số CT40052 (số seri DG064086) do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 05/7/2022.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang sau của giấy phép này).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P. QLN(Kh).

GIÁM ĐỐC



Võ Tất Dũng



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, Ngày 19 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH ĐƯA CÔNG TRÌNH VÀO SỬ DỤNG



CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI

ĐỊA ĐIỂM XD: THỬA SỐ 103-109, THÔN 9, ĐỨC LIỄU, BÙ ĐĂNG, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC: BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT – NHÀ TRẠM BƠM

1. Các bên tiến hành nghiệm thu:

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA

Ông: LƯƠNG VĂN LÝ

- Chức vụ: GIÁM SÁT TC

Ông: TRẦN XUÂN PHONG

- Chức vụ: GIÁM SÁT TC

ĐƠN VỊ THI CÔNG: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG ĐẤT QUẢ NG

Ông: NGUYỄN NGỌC THÀNH

- Chức vụ: CHỈ HUY TRƯỞNG

Ông: TỪ TRỌNG NHÂN

- Chức vụ: CBKT

2. Thời gian nghiệm thu và bàn giao:

Bắt đầu: 14h Ngày 19 tháng 12 năm 2023

Kết thúc: 16h Ngày 19 tháng 12 năm 2023

Tại công trình: Nhà máy thức ăn chăn nuôi - Bù Đăng

3. Đánh giá toàn bộ công trình xây dựng đã thực hiện:

Nội dung công việc:

- Đơn vị thi công đã thi công hoàn chỉnh công trình, bao gồm các công việc theo hồ sơ thiết kế, dự toán được duyệt và các công việc khác.

4. Kết luận :

- Đồng ý nghiệm thu và bàn giao cho đơn vị sử dụng.
- Đây là bản nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng, và làm cơ sở thanh quyết toán sau này cho đơn vị thi công.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM SÁT THI CÔNG**

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
CHỈ HUY TRƯỞNG**

LƯƠNG VĂN LÝ

TRẦN XUÂN PHONG

NGUYỄN NGỌC THÀNH
CBKT

TỪ TRỌNG NHÂN

Trần Ngọc Châu



**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM ĐỂ ĐƯA
VÀO SỬ DỤNG.**

Mã số: TVE-QT-DA-02-BM-009

Rev: 01

Ngày hiệu lực: 01/08/2022



Công trình	TRẠM XLNT SINH HOẠT, CÔNG SUẤT 10M3/NGÀY ĐÊM	Số HĐ	05/2023/TV/H ĐKT
Hạng mục	CUNG CẤP VÀ LẮP ĐẶT THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ		
Chủ đầu tư	CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA		
Số BB Nghiệm thu	1024.../BBNT/TVE/NTCT	Ngày nghiệm thu	07/09/2023

I. CÁC BÊN THAM GIA NGHIỆM THU

A. Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA

Ông/ Bà: Trần Ngọc Châu..... Chức vụ:

Ông/ Bà: Chức vụ:

Ông/ Bà: Chức vụ:

B. Đại diện nhà thầu thi công: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

Ông/ Bà: Chức vụ:

Ông/ Bà: Đỗ Ngọc Trang..... Chức vụ: Nhân viên.....

C. Thời gian nghiệm thu:

Các bên tiến hành nghiệm thu vào thời gian:

- Bắt đầu : ngày tháng năm

- Kết thúc : ngày tháng năm

- Địa điểm:

II. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Căn cứ làm nghiệm thu

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu số: /YC/TVE/NTCT
- Hợp đồng số 05/2023/TV/HĐKT ký ngày 07/09/2023 giữa Công ty TNHH Nông Nghiệp Velcores Agropedia và Công ty TNHH Công nghiệp Môi trường Trán Vũ về việc: Cung cấp và lắp đặt thiết bị công nghệ cho trạm XLNT sinh hoạt, công suất 10m3/ngày đêm.
- Hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và những thay đổi thiết kế được phê duyệt.
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị ngày 16/01/2024
- Biên bản nghiệm thu vận hành thiết bị liên động không tải ngày 16/01/2024
- Kết quả nghiệm thu nội bộ của công ty TNHH Công nghiệp Môi trường Trán Vũ

- Bản vẽ hoàn công do công ty TNHH Công Nghiệp Môi Trường Trần Vũ lập.

2. Công suất hệ thống

- Công suất thiết kế được duyệt: 10 m³/ngày.đêm

3. Nội dung nghiệm thu

- Hệ thống vận hành ổn định	☒ Đạt	☐ Không đạt
- Kết quả thử nghiệm nước đầu ra đạt tiêu chuẩn cam kết	☒ Đạt	☐ Không đạt
- Màu sắc và mùi nước thải đầu ra	☒ Đạt	☐ Không đạt
- Hướng dẫn vận hành hệ thống	☒ Đạt	☐ Không đạt
- Công suất vận hành 10 m ³ /ngày.đêm	☒ Đạt	☐ Không đạt

4. Các ý kiến khác:

.....

.....

.....

.....



III. Kết luận:

- ☐ Không chấp thuận
- ☒ Chấp thuận và đồng ý nghiệm thu kết quả vận hành thử nghiệm và bàn giao đưa vào sử dụng.
- Các sai sót cần khắc phục: không
 - Thời gian khắc phục:
 - Các yêu cầu khác: không
 - (*)Kết quả sau khi khắc phục:

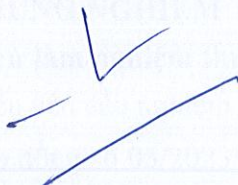
☐ Đạt

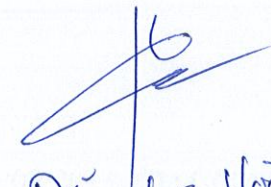
☐ Không đạt

Sau khi tiến hành nghiệm thu, các bên đi đến thống nhất bàn giao và thực hiện việc ký tên xác nhận.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG


Trần Ngọc Châu


Đỗ Ngọc Hoàng



CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN SÀI GÒN

Địa chỉ: 17/14 Đường số 57, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại: 0902.820887 – 0936.902879

Website: www.noilhoisaigon.vn

www.noilhoisg.com



BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO

Số: 02/2024/BBNT

hợp đồng kinh tế số 02/2024/HĐKT/SBC-VELCORES ký ngày 09/01/2024 về lắp ráp hệ thống nồi hơi đốt than/củi 5T/h và hệ thống đường ống hơi vào dây chuyền sản xuất cám.

Căn cứ vào khối lượng công việc đã thực hiện tại nhà máy Velcores - Bù Đăng, Bình Phước

Hôm nay, ngày 26 tháng 10 năm 2024 chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA

Trụ sở: Thôn 9, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại:

Do Ông/Bà: Trần Ngọc Châu

C/v :

Do Ông: Trần Xuân Đông

C/v :

BÊN B : CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN SÀI GÒN

Trụ sở: 17/14 Đường số 57 - P.14 – Quận Gò Vấp – TP.HCM

Điện thoại: 0902.820887

Do Ông: Ngô Thái Thủy

C/v : Giám đốc

Do Ông:

I. KHỐI LƯỢNG:

- Bên B đã cung cấp, lắp ráp hoàn chỉnh cho bên A hệ thống Nồi hơi đốt than/ củi theo như tính toán hợp đồng mà hai bên đã ký kết:

Cung cấp đầy đủ vật tư thiết bị đồng bộ, lắp ráp hoàn chỉnh 01 hệ thống Nồi hơi đốt than/củi, có công suất $Q = 5000$ kg hơi/h, áp suất $P = 8\text{bar}$. Và hệ thống đường ống dẫn hơi, thu nước ngưng + van các trên đường ống vào máy công nghệ.

II. CHẤT LƯỢNG:

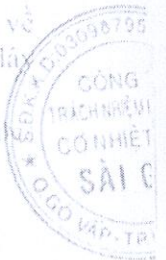
- Toàn bộ các vật tư, thiết bị đã được cung cấp đồng bộ theo hợp đồng, lắp ráp đảm bảo chất lượng, đúng yêu cầu kỹ thuật và hoạt động tốt.

- Toàn bộ hệ thống Nồi hơi đã được chạy thử không tải, có tải và hiệu chỉnh đạt yêu cầu kỹ thuật.

- Hệ thống được bên B bàn giao cho bên A đưa vào hoạt động sử dụng phục vụ sản xuất chính thức cho nhà máy.

III. TRÁCH NHIỆM CÁC BÊN:

- Bên B bàn giao toàn bộ hệ thống thiết bị lò hơi cho bên A quản lý, đưa vào hoạt động phục vụ sản xuất.



- Bên B bảo hành hệ thống thiết bị 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao.
- Bên A nhận toàn bộ bàn giao hệ thống thiết bị của bên B giao cho.
- Bên A vận hành thiết bị đúng quy trình và xử lý khi thải Nồi hơi theo hướng dẫn của bên B

IV. KẾT LUẬN:

- Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu bàn giao hệ thống thiết bị Nồi hơi trên.
- Bên B giao toàn hệ thống cho bên A quản lý và đưa vào sử dụng.
- Bên A nhận toàn bộ bàn giao của bên B.
- Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

[Signature]
T.X. Thuy



ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]
Ngô Thái Thủy



[Signature]
Phan Văn Chấn



CÔNG TY CỔ PHẦN
MIỀN ĐÔNG MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Số: 105524/HDMD-NH

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 do Quốc Hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành;
- Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16/09/2022 của Công ty Cổ phần Môi trường Miền Đông do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA.

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2024, hai bên gồm có:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MIỀN ĐÔNG

Đại diện : **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ VP : 200 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 1, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, TP HCM

Địa chỉ NM : Ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Điện thoại : 1900 252 668

Fax: 028 35352275

Mã số thuế : 3800611275

Tài khoản : 11768689999 tại ngân hàng VPBANK - CN Hội sở TPHCM

Bên B : CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA

Đại diện : **LEE MENG HONG**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Thửa số 103 và 109 Thôn 9, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước Việt Nam

Điện thoại : 0362603944

Fax:

Mã số thuế : 3801265606

Tài khoản :

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:



ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG.

1.1. Bên B đồng ý giao cho Bên A thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên B.

1.2. Tần suất, thời gian, địa điểm thu gom CTNH:

- a. Tần suất thu gom CTNH: 01 lần/năm (theo yêu cầu của Bên B).
- b. Thời gian thu gom chất thải CTNH: theo thỏa thuận giữa hai Bên (theo yêu cầu của Bên B).
- c. Địa điểm thu gom CTNH: Thửa số 103 và 109 Thôn 9, Xã Đức Liễu, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước Việt Nam
- d. Phương tiện vận chuyển chất thải: Xe chuyên dùng.

1.3. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản và chứng từ chất thải nguy hại hoặc theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.

1.4. Khi Bên B có những chất thải phát sinh ngoài danh mục thì phải báo cho Bên A trước để thống nhất phương án, đơn giá xử lý và cùng ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

ĐIỀU 2: DANH MỤC VÀ ĐƠN GIÁ.

2.1. Đơn giá khoán

- Khối lượng $\leq 800 \text{ kg/năm}$ (với điều kiện khối lượng bóng đèn $\leq 30 \text{ kg/năm}$).
Khoản **20.000.000 VNĐ/năm** (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT).
 - + Trường hợp Bên B không giao chất thải hoặc khối lượng chất thải thực tế giao nhận $\leq 800 \text{ kg/năm}$ (với điều kiện khối lượng bóng đèn $\leq 30 \text{ kg/năm}$), Bên B vẫn phải trả chi phí với số tiền **20.000.000 VNĐ/năm** (Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT).
 - + Trường hợp khối lượng thực tế giao nhận $> 800 \text{ kg/năm}$ hoặc khối lượng bóng đèn $> 30 \text{ kg/năm}$, Bên B phải thanh toán thêm chi phí theo đơn giá phát sinh được thể hiện như ở bảng mục 2.2
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển cho 1 chuyến và phí xử lý CTNH trong một năm theo khối lượng khoán như trên. Trường hợp phát sinh số chuyến vận chuyển theo yêu cầu từ chuyến thứ hai trở đi trong một năm thì phí vận chuyển phát sinh là **4.000.000 VNĐ/chuyến** (đơn giá chưa bao gồm thuế VAT).

2.2. Đơn giá phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg)
01	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	30.000
02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	lỏng	17 02 03	15.000
03	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composit, thủy tinh...)	Rắn	18 01 04	15.000
04	Bao bì cứng bằng kim loại nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	15.000

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Đơn giá xử lý (VNĐ/Kg)
05	Bao bì cứng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	15.000
06	Giẻ lau dính dầu, bao tay nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	15.000
07	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	19 05 02	15.000

Ghi chú:

- Mã CTNH ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Đơn giá trên **chưa** bao gồm thuế VAT theo quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp Nhà nước có sự thay đổi thuế suất GTGT thì hai bên được quyền điều chỉnh theo quy định.

ĐIỀU 3: GIAO NHẬN CHẤT THẢI - ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN.

3.1. Giao nhận chất thải - Chứng từ chất thải:

- Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày làm việc tính từ ngày Bên B thông báo giao chất thải bằng điện thoại, e-mail, Bên A sẽ điều động phương tiện hợp lệ và nhân lực đến địa điểm nhà máy của Bên B như nêu ở Điều 1 để tiến hành giao - nhận chất thải.
- Bên B chỉ giao và Bên A chỉ nhận các chất thải, tại địa điểm được ghi trong Hợp Đồng và các Phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có), và Bên A được quyền từ chối nhận chất thải ngoài hợp đồng, ngoài địa điểm quy định, cho đến khi việc điều chỉnh danh mục chất thải của hợp đồng được thực hiện.
- Bên B chỉ giao chất thải lên các phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A và chỉ giao chất thải cho người đại diện của Bên A, theo Giấy giới thiệu của Bên A hoặc theo Danh sách có hình do Bên A ký, đóng dấu đề cử.

3.2. Giao nhận, vận chuyển và xử lý:

- Chất thải được giao lên phương tiện của Bên A tại địa điểm của Bên B nêu trên và được vận chuyển về nhà máy của Bên A tại Ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam để xử lý theo Giấy phép môi trường số 216/GPMT-BTNMT ngày 16/09/2022 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp và các văn bản pháp lý có liên quan (nếu có).

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

- Bên B thanh toán cho Bên A thành các đợt thanh toán như sau:
 - + Đợt 1: Bên B thanh toán 50% Giá trị khoán của hợp đồng và thuế giá trị gia tăng VAT (8%) với số tiền **10.800.000 VNĐ** (mười triệu tám trăm nghìn đồng) ngay sau khi bên B đã nhận được hồ sơ thanh toán từ bên A.
 - + Đợt 2: Sau khi Bên A hoàn thành công tác thu gom chất thải, Bên B thanh toán 50% số tiền còn lại và thuế giá trị gia tăng VAT (8%) với số tiền **10.800.000 VNĐ** (mười triệu tám trăm nghìn đồng). Đồng thời, căn cứ khối lượng chất

0611275
NG TY
PHẦN
TRƯỜNG
N ĐỒNG
T. BÌNH

thải thực tế giao nhận được thể hiện trên biên bản giao nhận chất thải hoặc chứng từ chất thải nguy hại giữa hai Bên, Bên B thanh toán thêm chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên A.

Bên A sẽ không hoàn trả lại số tiền đã thanh toán, trong trường hợp Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn với bất kỳ lý do gì.

- + Đợt 3: Sau khi kết thúc hợp đồng, Bên B thanh toán chi phí vận chuyển và khối lượng phát sinh (nếu có) cho Bên A
- **Hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:**
 - + Hợp đồng đầy đủ hai chữ ký;
 - + Giấy đề nghị thanh toán từ bên A;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ.
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản hoặc tiền mặt trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày tính từ khi Bên B nhận được hóa đơn tài chính GTGT do Bên A phát hành.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM HAI BÊN.

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- Vận chuyển chất thải từ kho chứa của Bên B về Nhà máy của Bên A và xử lý theo quy định pháp luật hiện hành.
- Không để chất thải rò rỉ ra môi trường sau khi đã tiếp nhận và vận chuyển ra khỏi Nhà máy của Bên B
- Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này.
- Xuất trình giấy tờ cần thiết khi ra vào nhà máy của Bên B.
- Tuân thủ quy định và nội quy làm việc của Bên B.
- Cung cấp phương tiện vận chuyển và mang đầy đủ các trang thiết bị dụng cụ an toàn cần thiết khi đến thu gom chất thải của Bên B.
- Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 2 của hợp đồng.
- Hoàn trả chứng từ chất thải nguy hại cho Bên B.
- Bên A được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau:
 - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên B vi phạm hợp đồng.
 - + Tạm ngưng do bên B thanh toán trễ hạn.
 - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng: thiên tai, lũ lụt, ...
 - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 6.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc Bên B vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- Tổ chức thu gom, phân loại, đóng gói, dán tem nhãn, lưu giữ tạm thời và quản lý chất thải nguy hại theo quy định về trách nhiệm của chủ nguồn thải tại cơ sở phát sinh chất thải nguy hại.
- Không được để chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại lẫn lộn vào chất thải nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại chất thải và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.
- Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại.
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.
- Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 2 và phải thông báo trước 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.
- Không giao chất thải ngoài danh mục đã nêu ở Điều 2.
- Chỉ giao chất thải lên phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Bên A. Nếu Bên B tự ý giao chất thải cho phương tiện vận chuyển khác không phải của Bên A thì khi có sự cố xảy ra Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Cung cấp Chứng từ chất thải nguy hại có đầy đủ chữ ký, đóng dấu của đại diện pháp luật của Bên B trong mỗi lần chuyển giao chất thải cho Bên A theo quy định pháp luật hiện hành.
- Trường hợp vì lý do khách quan nếu Bên B chưa đính kèm được chứng từ chất thải nguy hại ngay sau khi chuyển giao chất thải thì chậm nhất trong 02 tuần (kể từ ngày thu gom) Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải cho Bên A để hoàn tất hồ sơ. Sau 02 tuần Bên A chưa nhận được chứng từ chất thải nguy hại của Bên B thì Bên A sẽ làm văn bản xác nhận và Bên B tự chịu mọi trách nhiệm về sau.
- Hỗ trợ Bên A trong việc giám sát, kiểm tra việc thu gom, hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong việc bốc dỡ chất thải lên xe chuyên dùng mang đi xử lý, cử nhân viên phối hợp trong việc lập chứng từ giao nhận chất thải.
- Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không được phép giao chất thải theo thỏa thuận tại Điều 2 cho Bên thứ 3.
- Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực, nếu Bên B có bất kỳ sự thay đổi nào như: tên Công ty, Mã số thuế, địa chỉ thì phải thông báo cho Bên A biết. Nếu không, mọi sai sót về sau Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
- Thanh toán đúng theo Điều 4 của hợp đồng.
- Trong trường hợp Bên B tạm ngưng giao chất thải cho bên A xử lý thì Bên B phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.
- Trong trường hợp bên B giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên B phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết, hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên A.



ĐIỀU 6: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực thực hiện trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày ký đến hết ngày **17 tháng 10 năm 2025**.
- Trong trường hợp hai Bên có nhu cầu và đồng thuận tiếp tục gia hạn hợp đồng thì hợp đồng sẽ được gia hạn bằng Phụ lục hợp đồng trong thời gian 15 (mười lăm) ngày trước ngày kết thúc hợp đồng.

ĐIỀU 7: KẾT THÚC HỢP ĐỒNG

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bất cứ Bên nào cũng có quyền đề nghị kết thúc hợp đồng. Bên đề xuất kết thúc hợp đồng sẽ thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản, e-mail, 30 (ba mươi) ngày trước ngày kết thúc.
- Sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi các Bên hoàn thành nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, nếu không còn vướng mắc, khiếu nại hoặc gia hạn hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên hết hiệu lực, tự động thanh lý.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện có thể cùng thỏa thuận và giải quyết ổn thỏa trên tinh thần hai bên cùng có lợi.
- Hợp đồng này hai bên không được tự ý sửa đổi bổ sung khi chưa có sự đồng ý của một trong hai bên, nếu có sửa đổi bổ sung nội dung thì ký Phụ lục hợp đồng có đại diện của mỗi Bên ký kết.
- Khi xảy ra tranh chấp hợp đồng quyền và lợi ích của hai bên mà không tự giải quyết được, thì chuyển hồ sơ đến Tòa án Kinh tế - Tòa án Bình Phước giải quyết, sự phán quyết cuối cùng của Tòa, hai bên không được nghị án, bên thua kiện phải thanh toán toàn bộ án phí.
- Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Tổng Giám Đốc



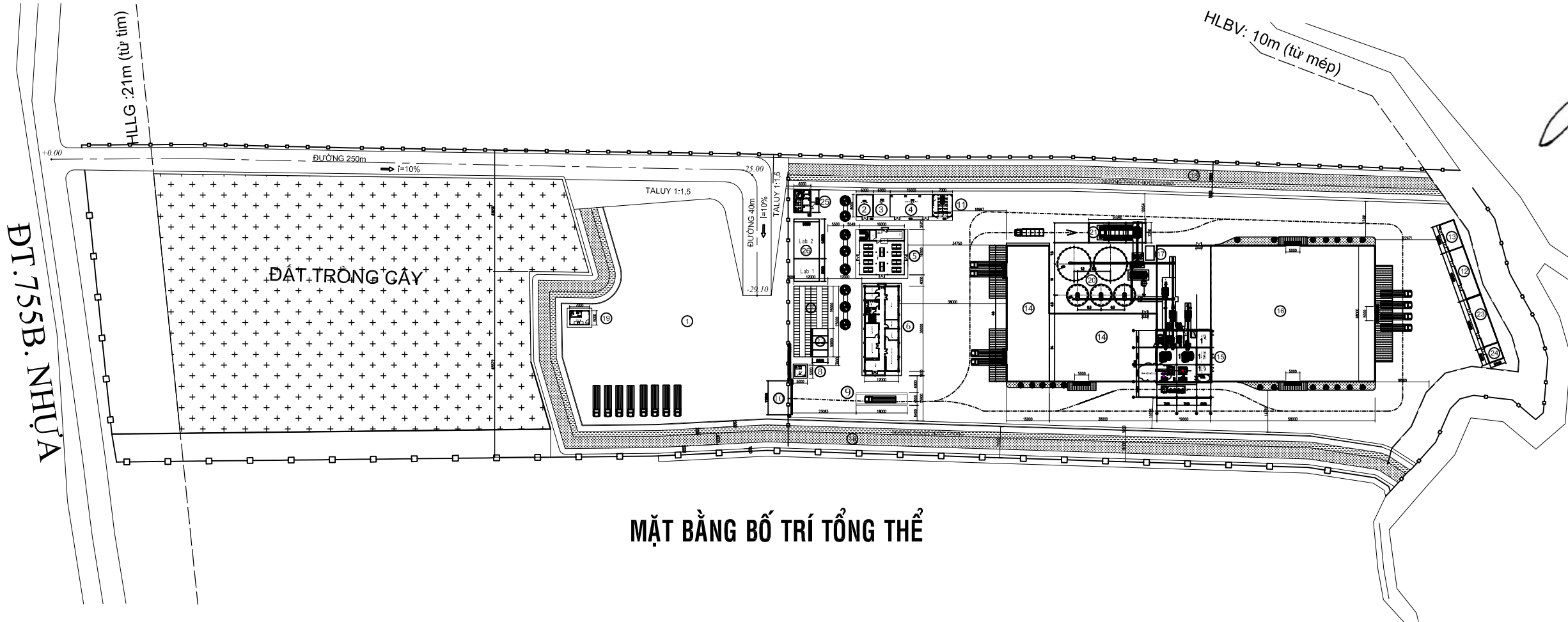
NGUYỄN VĂN TRUỘNG

ĐẠI DIỆN BÊN B

Giám Đốc



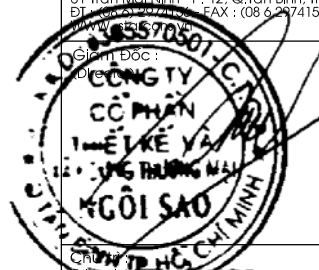
LEE MENG HONG



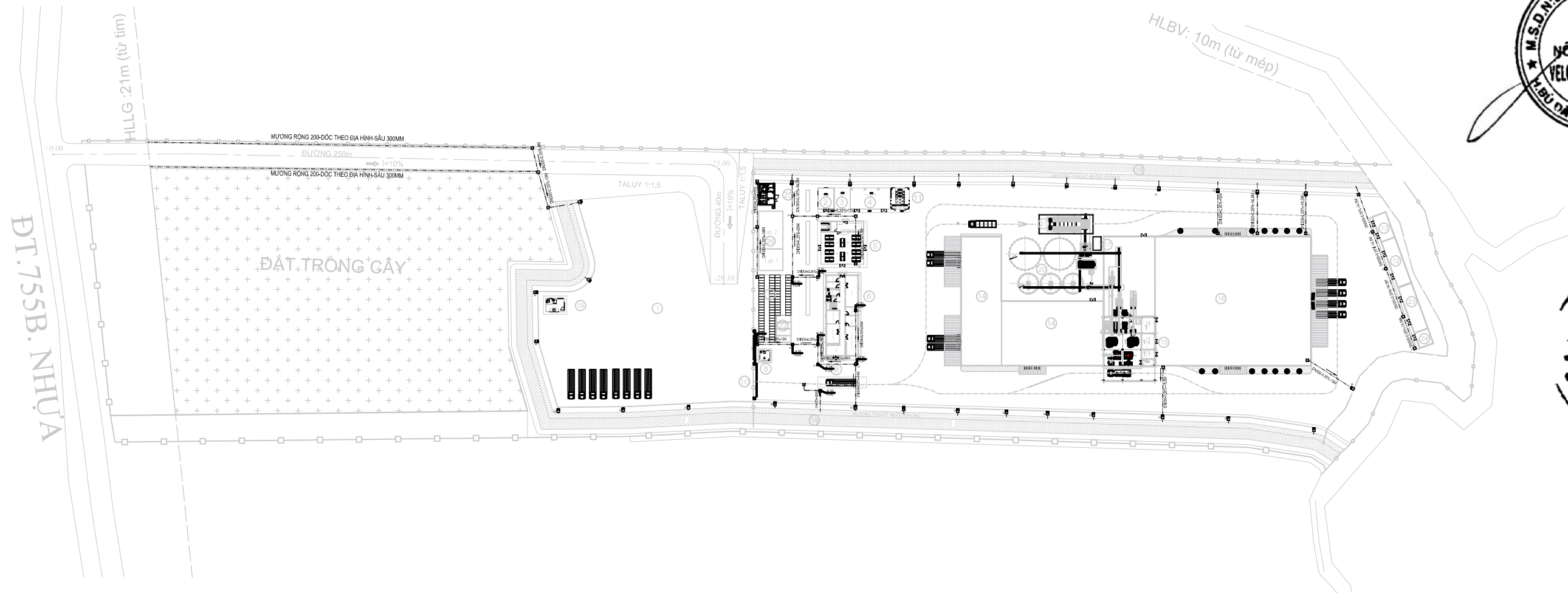
MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ

GHỊ CHÚ:

STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC	STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC
1	Bãi đậu xe	01	7260m ²	15	Tháp sản xuất	01	1080 m ²
2	Nhà đặt máy phát điện	01	8m x 6m	16	Kho nguyên liệu thô	01	2784 m ²
3	Trạm biến áp	01	9m x 12m	17	Phòng điện silo	01	3.25m x 5.25m
4	Bể nước - trạm cứu hỏa	01	8m x 15m	18	Cây xanh	01	-
5	Nhà ăn + ký túc xá(tầng 2)	01	556 m ²	19	Nhà vệ sinh xe bãi đậu xe	01	5m x 7m
6	Nhà văn phòng	01	12m x 30m	20	Silo	01	648 m ²
7	Nhà xe công nhân	01	245m ²	21	Phòng nạp silo	01	7.25m x 20.25m
8	Nhà bảo vệ	01	5 m x5m	22	Bãi đậu xe hơi	01	5.5mx10m
9	Trạm cân 80T	01	4.5m x 18m	23	Kho chất thải rắn	01	5.5m x 18m
10	Cổng chính	01	-	24	Kho chất thải nguy hại	01	5.5m x 6m
11	Nhà vệ sinh công nhân	01	8m x 7m	25	Bể xử lý nước thải	01	6mx8m
12	Kho chứa nguyên liệu đốt	01	5.5m x 18m	26	Phòng lab	01	9m x 22m
13	Lò hơi	01	5.5m x 18m				
14	Kho thành phẩm	01	1632m ²				

SỐ TT (Serial No.)	NỘI DUNG CHỈNH SỬA (Revision :)	NGÀY KÝ TÊN (Date: (Sign :)
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR		
T.K CƠ SỞ	☐ PRELIMINARY	
TRÌNH DUYỆT	☐ APPROVAL	
THI CÔNG	☐ CONSTRUCTION	
HIỆU CHỈNH	☐ REVISION	
HOÀN CÔNG	☒ AS - BUILT	
CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT :		
CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPELIA		
		
KÊ MỆNG HONG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ :		
CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI		
NGÔI SAO		
		
STARCONS		
51 Trần Mai Ninh - P. 12, Q.Tân Bình, TPHCM ĐT: (08) 62741550 FAX : (08 6274155)		
Kiểm tra: 		
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI		
NGÔI SAO		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI		
KS. NGUYỄN THỊ KIM LOAN		
Thiết kế : (Designed by)		
KS . NGUYỄN THỊ KIM LOAN		
Vẽ : (Drawn by)		
KS . ĐOÀN VĂN AN		
Kiểm : (Check draw)		
KS . NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU		
Tên công trình : (Project)		
NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI		
Địa chỉ :Thửa số 103 và 109 ,Thôn 9 Xã Đức Liễu , Huyện Bù Đăng , Tỉnh Bình Phước		
Hạng mục : (Item)		
Tên bản vẽ : (Drawing name)		
MẶT BẰNG BỐ TRÍ TỔNG THỂ		
Mã dự án : Project No :	Ngày phát hành : Issue Date : 20/10/2024	
Tỉ lệ : 1/100	Số bản vẽ : Drawing No :	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

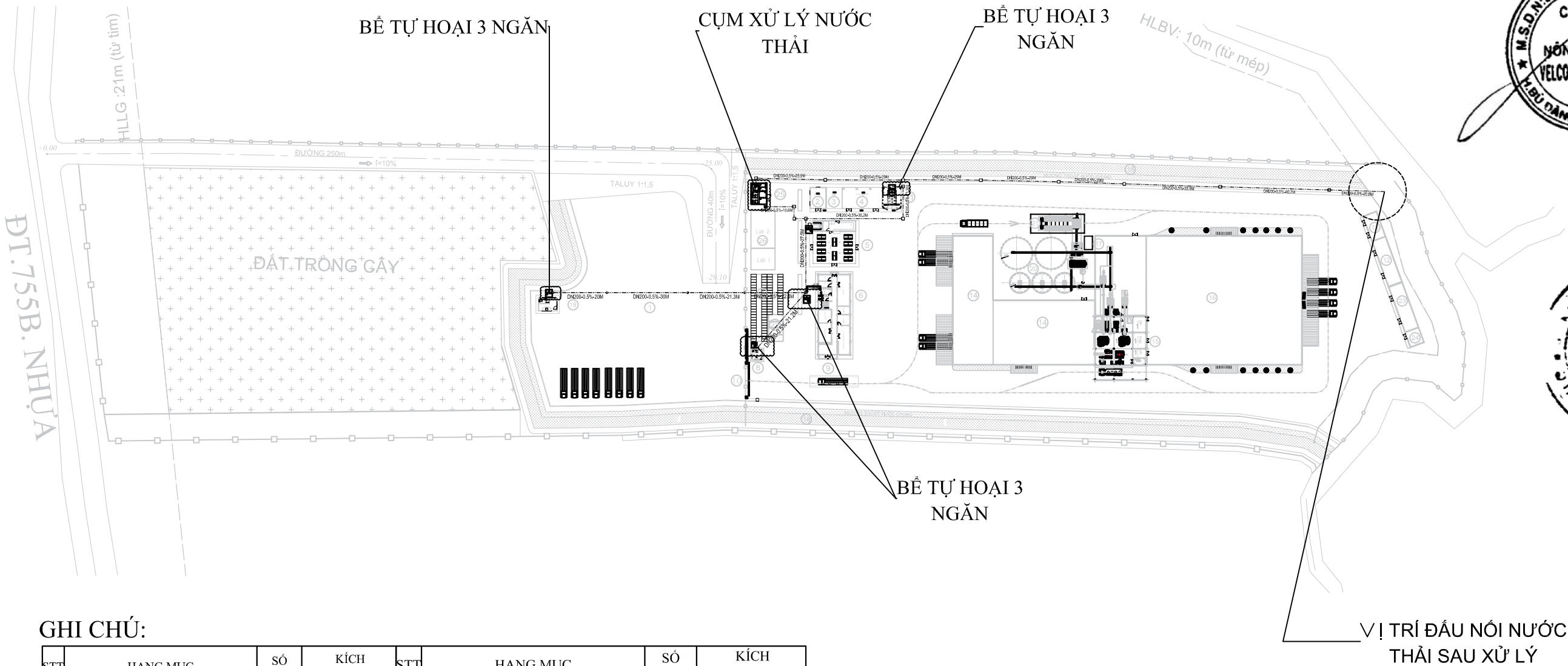


GHI CHÚ:

STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC	STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC
1	Bãi đậu xe	01	7260m²	15	Tháp sản xuất	01	1080 m²
2	Nhà đặt máy phát điện	01	8m x 6m	16	Kho nguyên liệu thô	01	2784 m²
3	Trạm biến áp	01	9m x 12m	17	Phòng điện silo	01	3.25m x 5.25m
4	Bể nước - trạm cứu hỏa	01	8m x 15m	18	Cây xanh	01	-
5	Nhà ăn & ký túc xá(tầng 2)	01	556 m²	19	Nhà vệ sinh xe bãi đậu xe	01	5m x 7m
6	Nhà văn phòng	01	12m x 30m	20	Silo	01	648 m²
7	Nhà xe công nhân	01	245m²	21	Phòng nạp silo	01	7.25m x 20.25m
8	Nhà bảo vệ	01	5 m x5m	22	Bãi đậu xe hơi	01	5.5mx10m
9	Trạm cân 80T	01	4.5m x 18m	23	Kho chất thải rắn	01	5.5m x 18m
10	Công chính	01	-	24	Kho chất thải nguy hại	01	5.5m x 6m
11	Nhà vệ sinh công nhân	01	8m x 7m	25	Bể xử lý nước thải	01	6mx8m
12	Kho chứa nguyên liệu đốt	01	5.5m x 18m	26	Phòng lab	01	9m x 22m
13	Lò hơi	01	5.5m x 18m				
14	Kho thành phẩm	01	1632m²				

SỐ TT (Serial No.)	NỘI DUNG CHỈNH SỬA (Revision :)	NGÀY TÊN (Date: (Sign :)
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR		
T.K CƠ SỞ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☒	AS - BUILT
CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT : CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP AGROPEA LEE MENG HONG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ : CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI NGÔI SAO STARCONS 51 Trần Mai Ninh - P. 12, Q.Tân Bình, TPHCM ĐT : (08 6 2741155) FAX : (08 6 2741155) Giám Đốc : CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG NGÔI SAO CHỦ ĐẦU TƯ : KS. NGUYỄN THỊ KIM LOAN		
Thiết kế : (Designed by) KS. NGUYỄN THỊ KIM LOAN		
Vẽ : (Drawn by) KS. ĐOÀN VĂN AN		
Kiểm : (Check draw) KS. NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU		
Tên công trình : (Project) NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI Địa chỉ : Thửa số 103 và 109 , Thôn 9 Xã Đức Liễu , Huyện Bù Đăng , Tỉnh Bình Phước		
Hạng mục : (Item)		
Tên bản vẽ : (Drawing name) MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA		
Mã dự án : Project No : 	Ngày phát hành : Issue Date : 20/10/2024	
Tỉ lệ : 1/100	Số bản vẽ : Drawing No :	

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

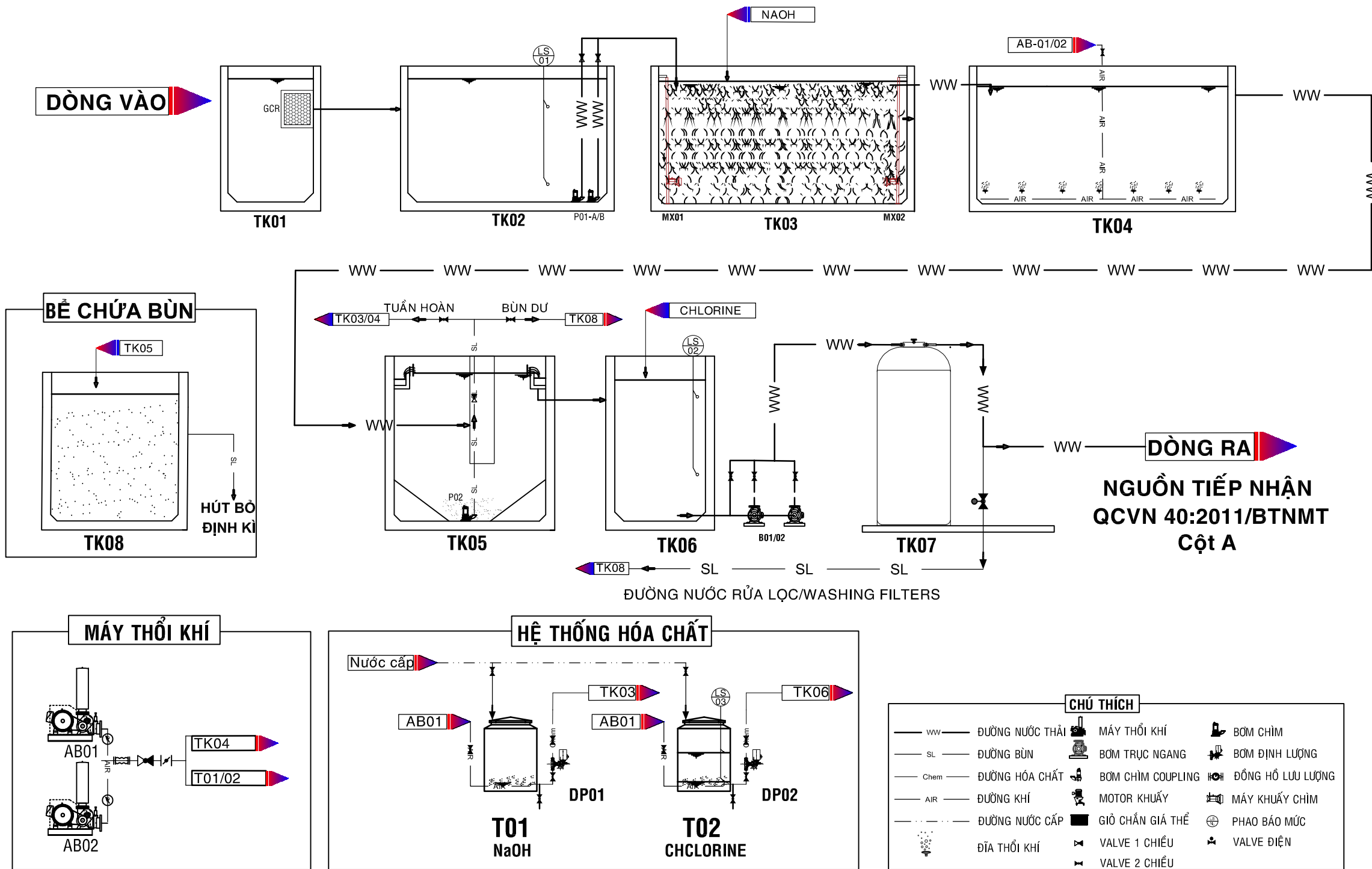


GHI CHÚ:

STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC	STT	HẠNG MỤC	SỐ LƯỢNG	KÍCH THƯỚC
1	Bãi đậu xe	01	7260m ²	15	Tháp sản xuất	01	1080 m ²
2	Nhà đặt máy phát điện	01	8m x 6m	16	Kho nguyên liệu thô	01	2784 m ²
3	Trạm biến áp	01	9m x 12m	17	Phòng điện silo	01	3.25m x 5.25m
4	Bể nước - trạm cứu hỏa	01	8m x 15m	18	Cây xanh	01	-
5	Nhà ăn + ký túc xá(tầng 2)	01	556 m ²	19	Nhà vệ sinh xe bãi đậu xe	01	5m x 7m
6	Nhà văn phòng	01	12m x 30m	20	Silo	01	648 m ²
7	Nhà xe công nhân	01	245m ²	21	Phòng nạp silo	01	7.25m x 20.25m
8	Nhà bảo vệ	01	5 m x5m	22	Bãi đậu xe hơi	01	5.5mx10m
9	Trạm cân 80T	01	4.5m x 18m	23	Kho chất thải rắn	01	5.5m x 18m
10	Cổng chính	01	-	24	Kho chất thải nguy hại	01	5.5m x 6m
11	Nhà vệ sinh công nhân	01	8m x 7m	25	Bể xử lý nước thải	01	6mx8m
12	Kho chứa nguyên liệu đốt	01	5.5m x 18m	26	Phòng lab	01	9m x 22m
13	Lò hơi	01	5.5m x 18m				
14	Kho thành phẩm	01	1632m ²				

SỐ TT (Serial No.)	NỘI DUNG CHỈNH SỬA (Revision :)	NGÀY KÝ TÊN (Date (Sign :)
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH - ISSUED FOR		
T.K CƠ SỞ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☒	AS - BUILT
CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT :		
CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPELIA		
KÊ MỆNG HONG		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ :		
CÔNG TY CP THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI		
NGÔI SAO		
STARCONS		
51 Trần Mai Ninh - P. 12, Q.Tân Bình, TPHCM ĐT: (08) 62570501 FAX : (08) 62574155		
Thiết kế : (Designed by)		
KS . NGUYỄN THỊ KIM LOAN		
Vẽ : (Drawn by)		
KS . ĐOÀN VĂN AN		
Kiểm : (Check draw)		
KS . NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU		
Tên công trình : (Project)		
NHÀ MÁY THỨC ĂN CHĂN NUÔI		
Địa chỉ : Thửa số 103 và 109 ,Thôn 9 Xã Đức Liễu , Huyện Bù Đăng , Tỉnh Bình Phước		
Hạng mục : (Item)		
Tên bản vẽ : (Drawing name)		
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI		
Mã dự án : Project No :	Ngày phát hành : Issue Date : 20/10/2024	
Tỉ lệ : 1/100	Số bản vẽ : Drawing No :	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT Q = 10 M³/NGÀY



CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIÓ CHẤN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỔI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

CHÚ THÍCH			
WW	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI	MÁY THỔI KHÍ	BƠM CHÌM
SL	ĐƯỜNG BÙN	BƠM TRỰC NGANG	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
Chem	ĐƯỜNG HÓA CHẤT	BƠM CHÌM COUPLING	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG
AIR	ĐƯỜNG KHÍ	MOTOR KHUẤY	MÁY KHUẤY CHÌM
---	ĐƯỜNG NƯỚC CẤP	GIÓ CHẤN GIÁ THỂ	PHAO BẢO MỨC
---	Đĩa thổi khí	VALVE 1 CHIỀU	VALVE ĐIỆN
---		VALVE 2 CHIỀU	

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỔ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITED BY:

Ks. NGUYỄN THỊ THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ / SCALE :

1/100

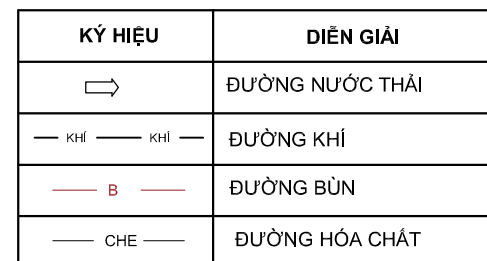
NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

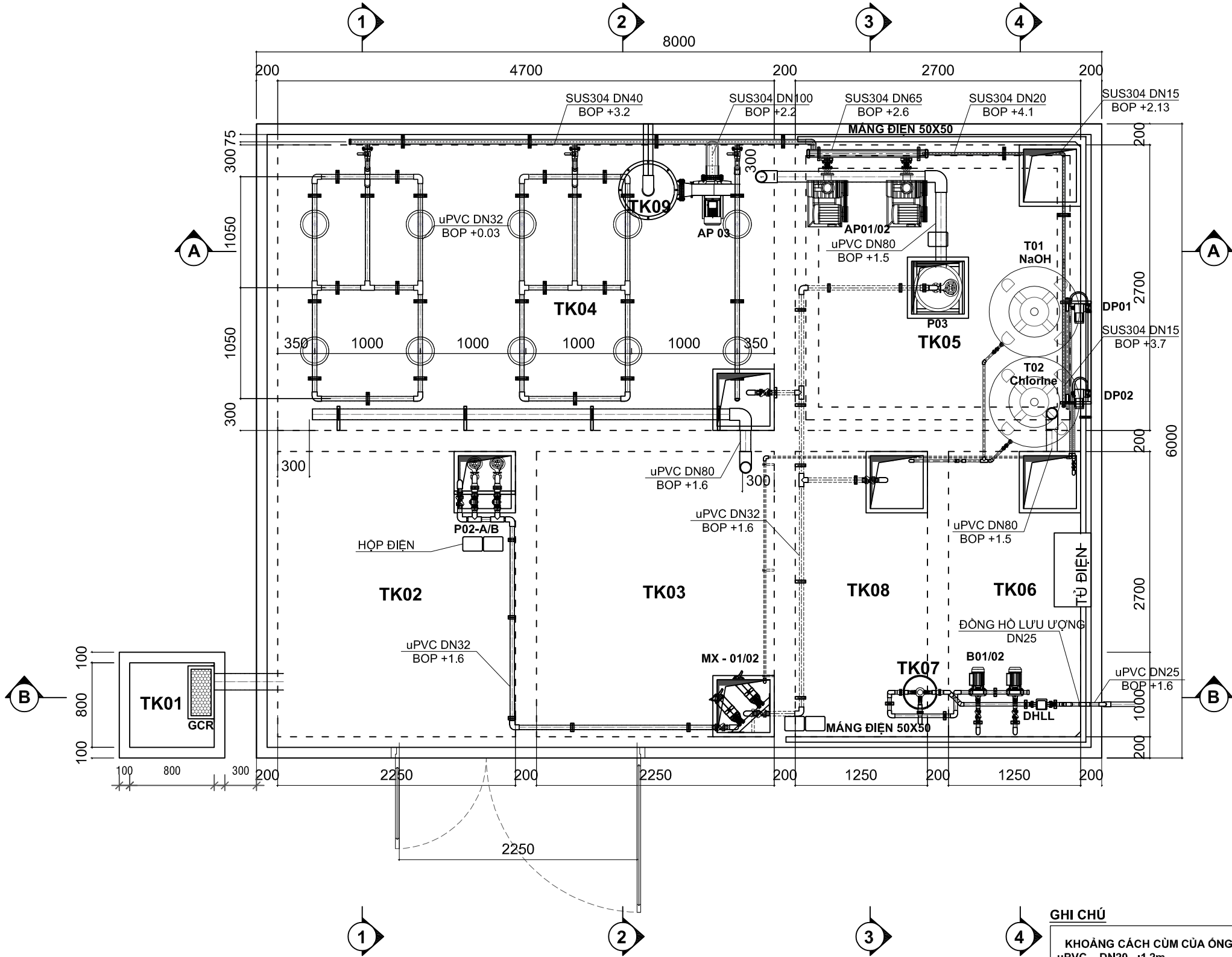
CN01

NƯỚC THẢI SINH HOẠT



CN02

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT Q = 10 M³/NGÀY



CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẤN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

- KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
- KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
- CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỊA SỔ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BUI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

MẶT BẰNG LẮP ĐẶT TỔNG THỂ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ / SCALE :

1/100

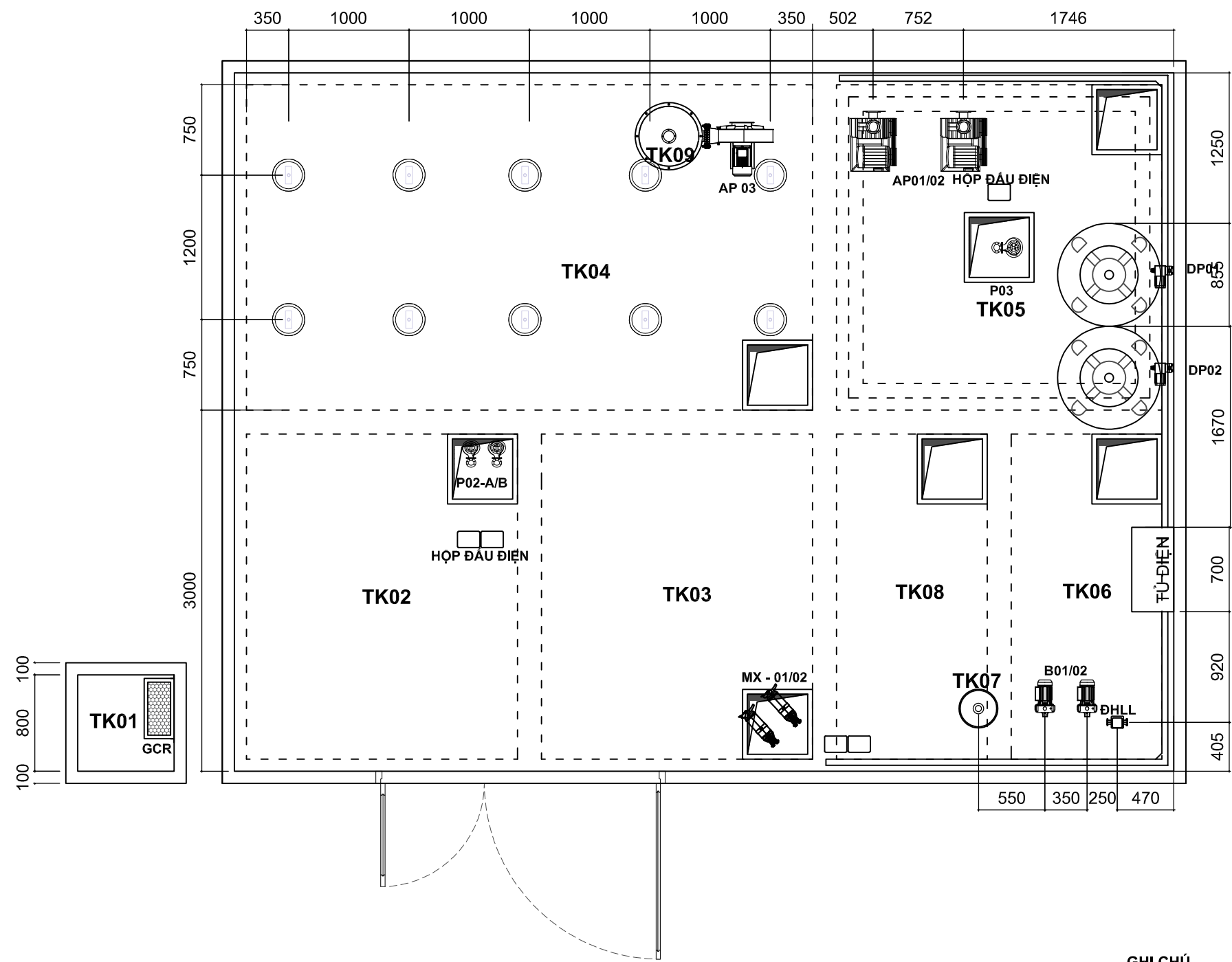
NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN04

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ VÀ MĂNG ĐIỆN
CÔNG SUẤT Q = 10 M³/NGÀY



CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẮN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CÙNG CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CÙNG CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CÙNG ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CÙNG Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CÙNG Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CÙNG Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THUA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

Ks. ĐỖ MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ
VÀ MĂNG ĐIỆN

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ / SCALE :

1/100

NGÀY/DATE :

01/2024

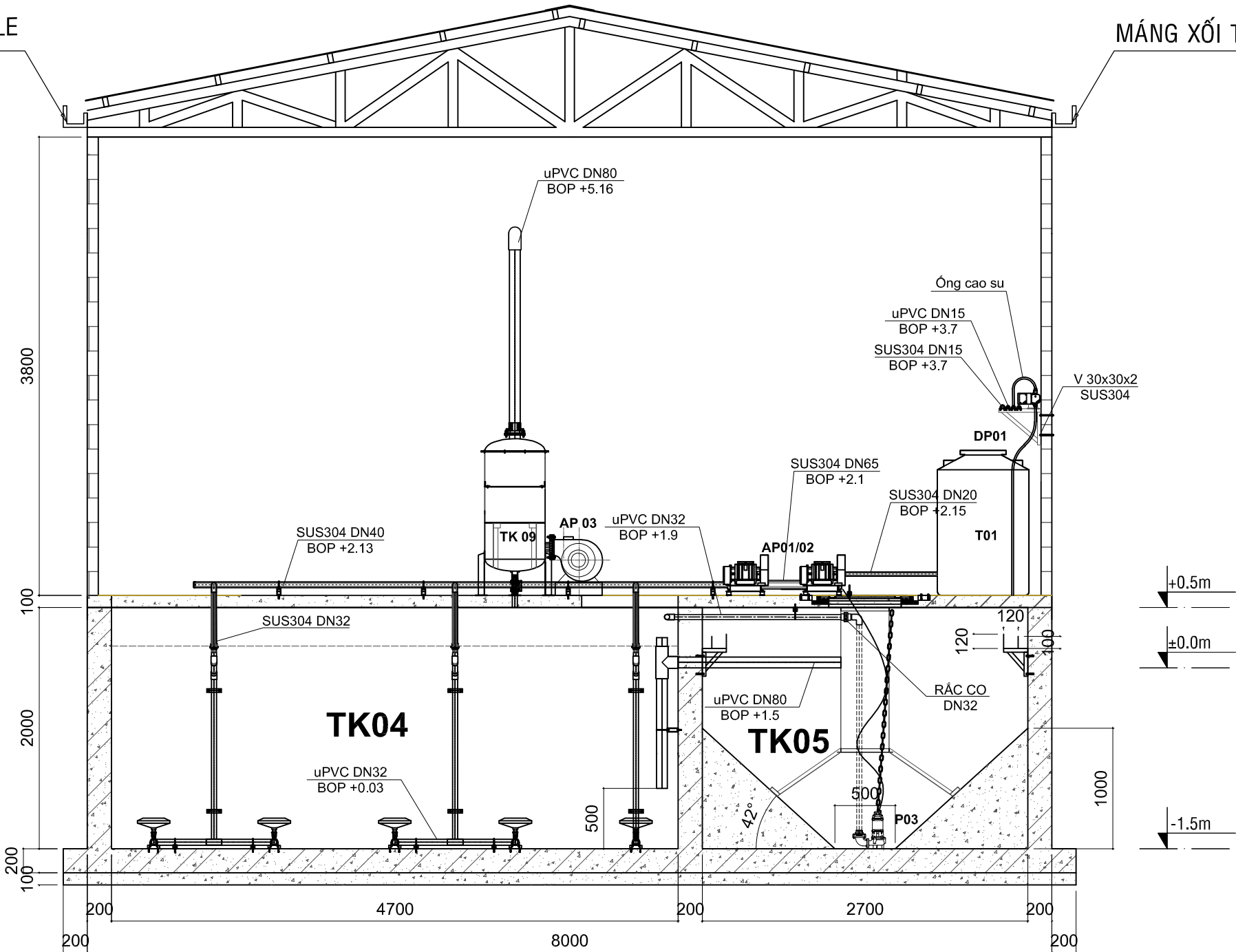
KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN05

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT A-A

MÁNG XỐI TOLE

MÁNG XỐI TOLE



MẶT CẮT A - A

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẮN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TÊ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỔ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BUI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY: Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT A-A

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

TỶ LỆ / SCALE :

1/100

NGÀY/DATE :

01/2024

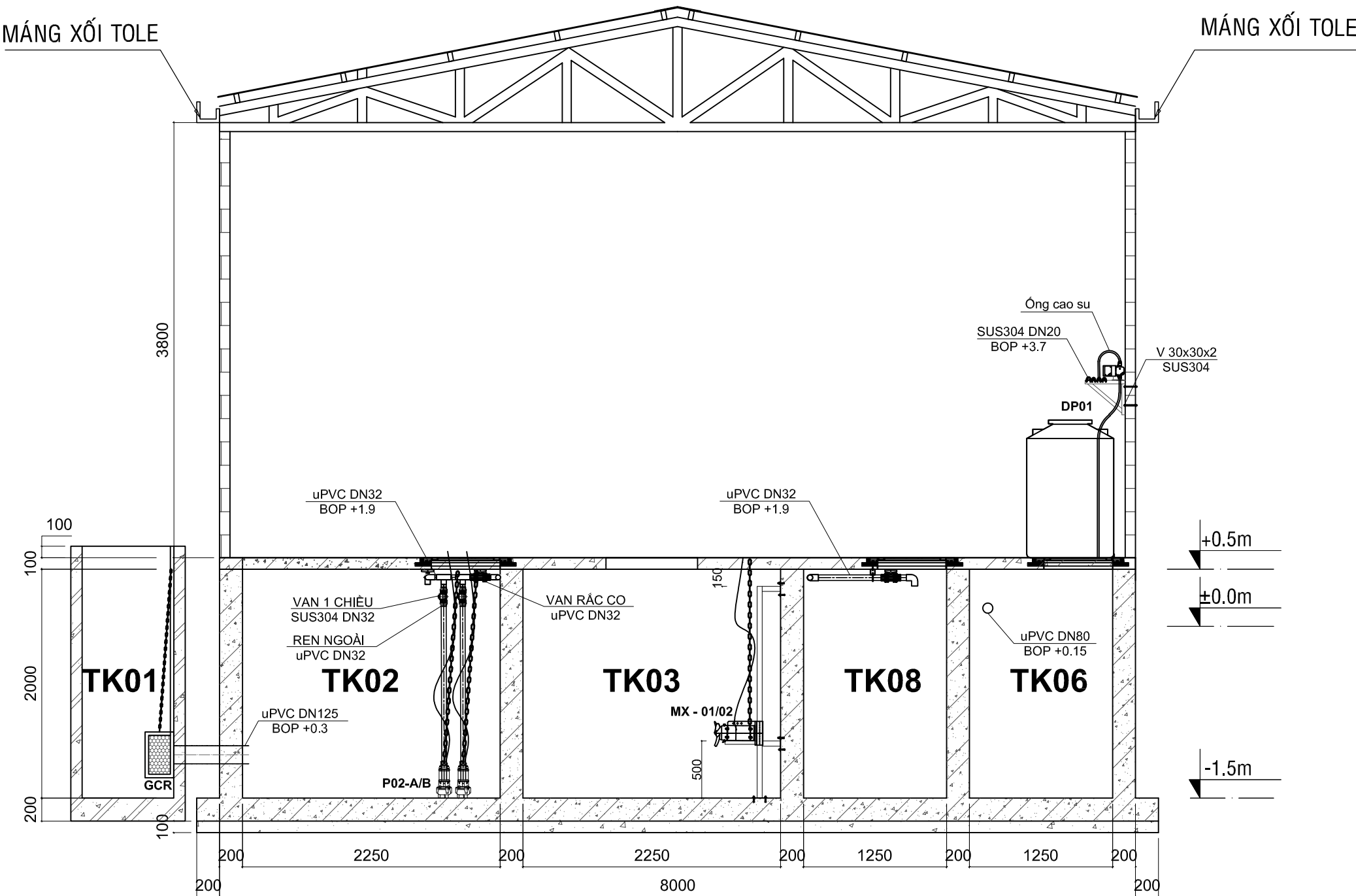
☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN06

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT B-B



MẶT CẮT B - B

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẤM RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BỀN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT B-B

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

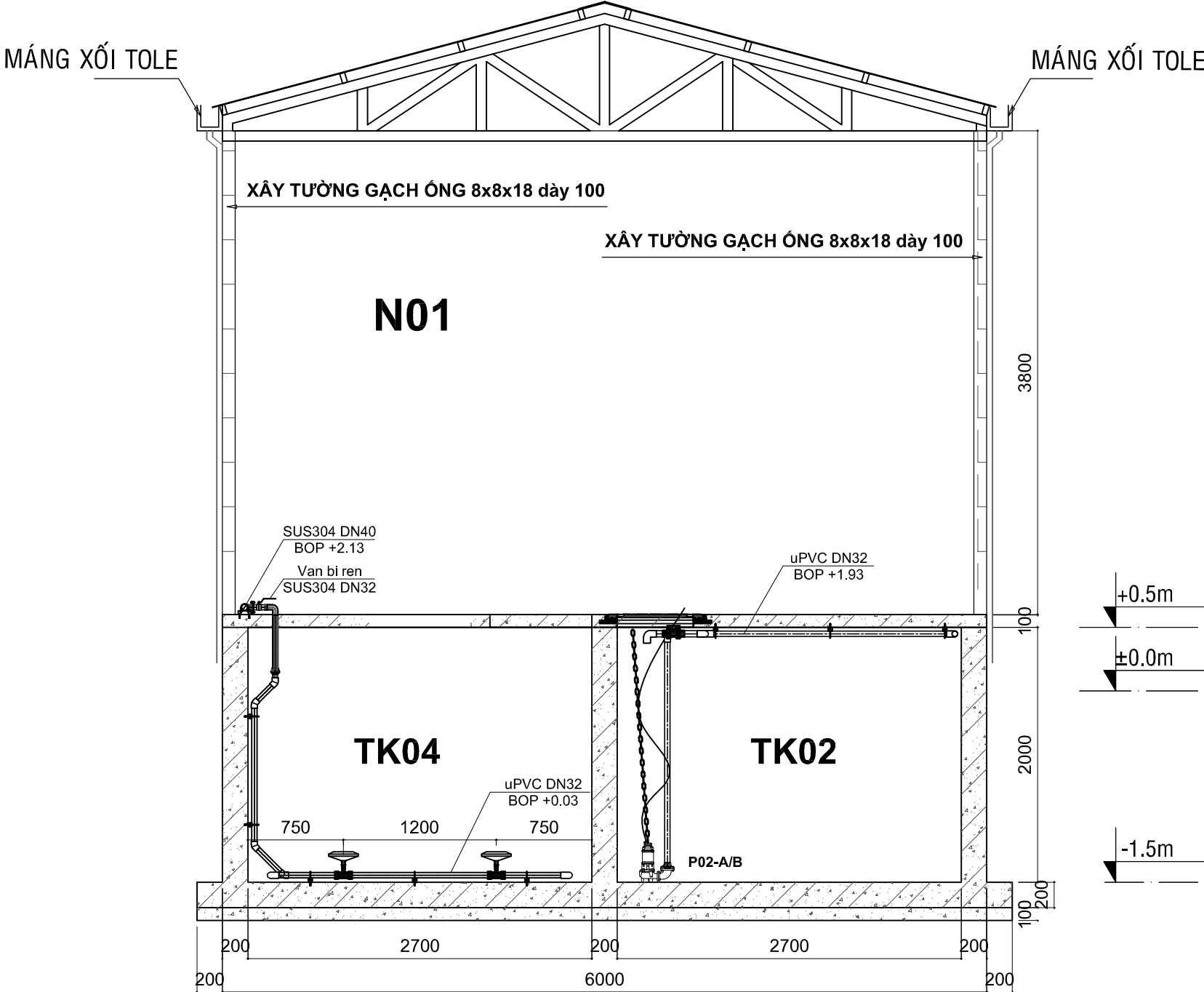
NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN07

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 1-1



MẶT CẮT 1 - 1

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẮN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BỪN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC $\leq$ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC $\geq$ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 $\leq$ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ± 00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỔ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITED BY: Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 1-1

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

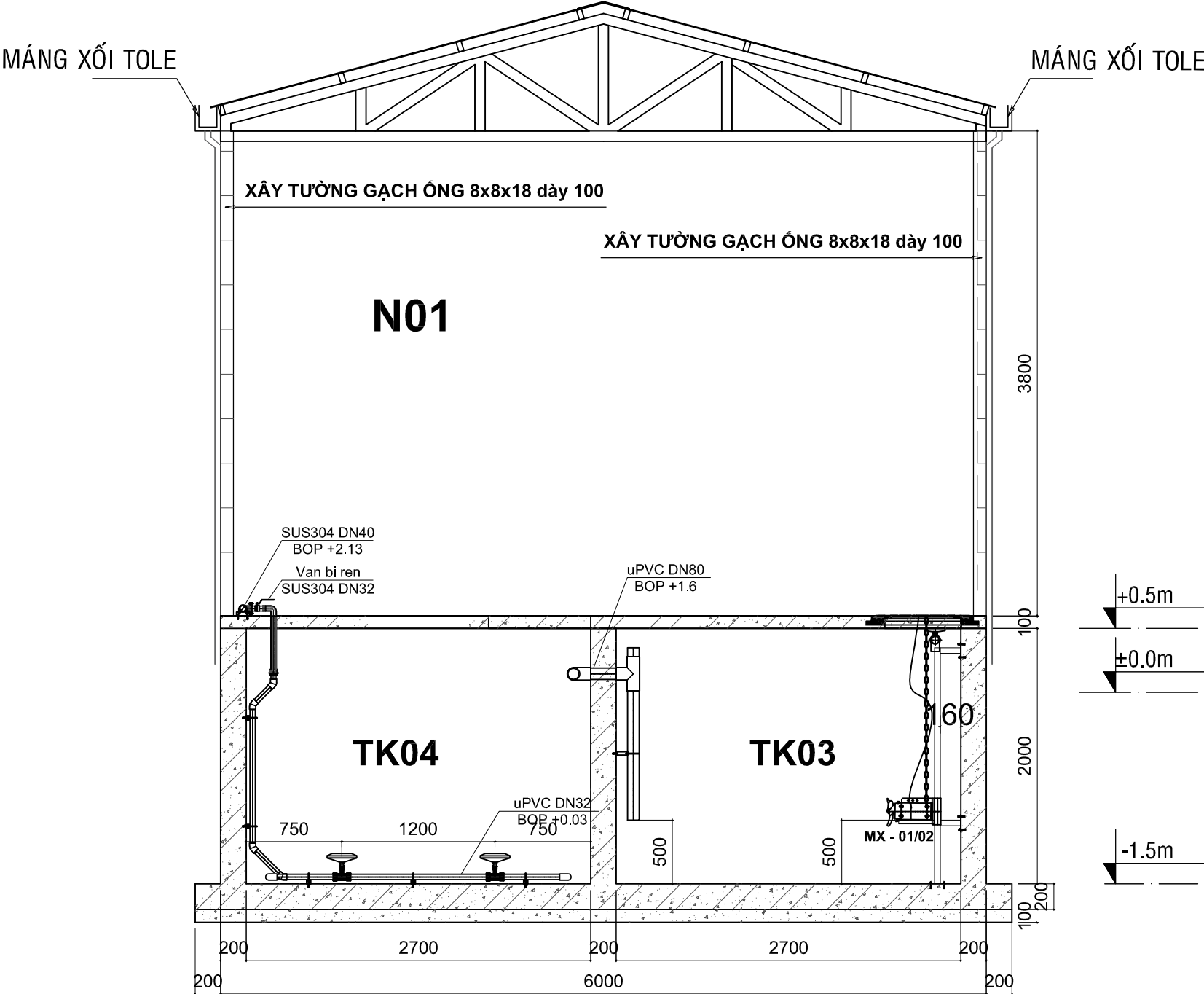
NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN08

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 2-2



MẶT CẮT 2 - 2

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHÁN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BỪN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THƯA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR :

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

VÕ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY: Ks. ĐỖ MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 2-2

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

NGÀY/DATE :

01/2024

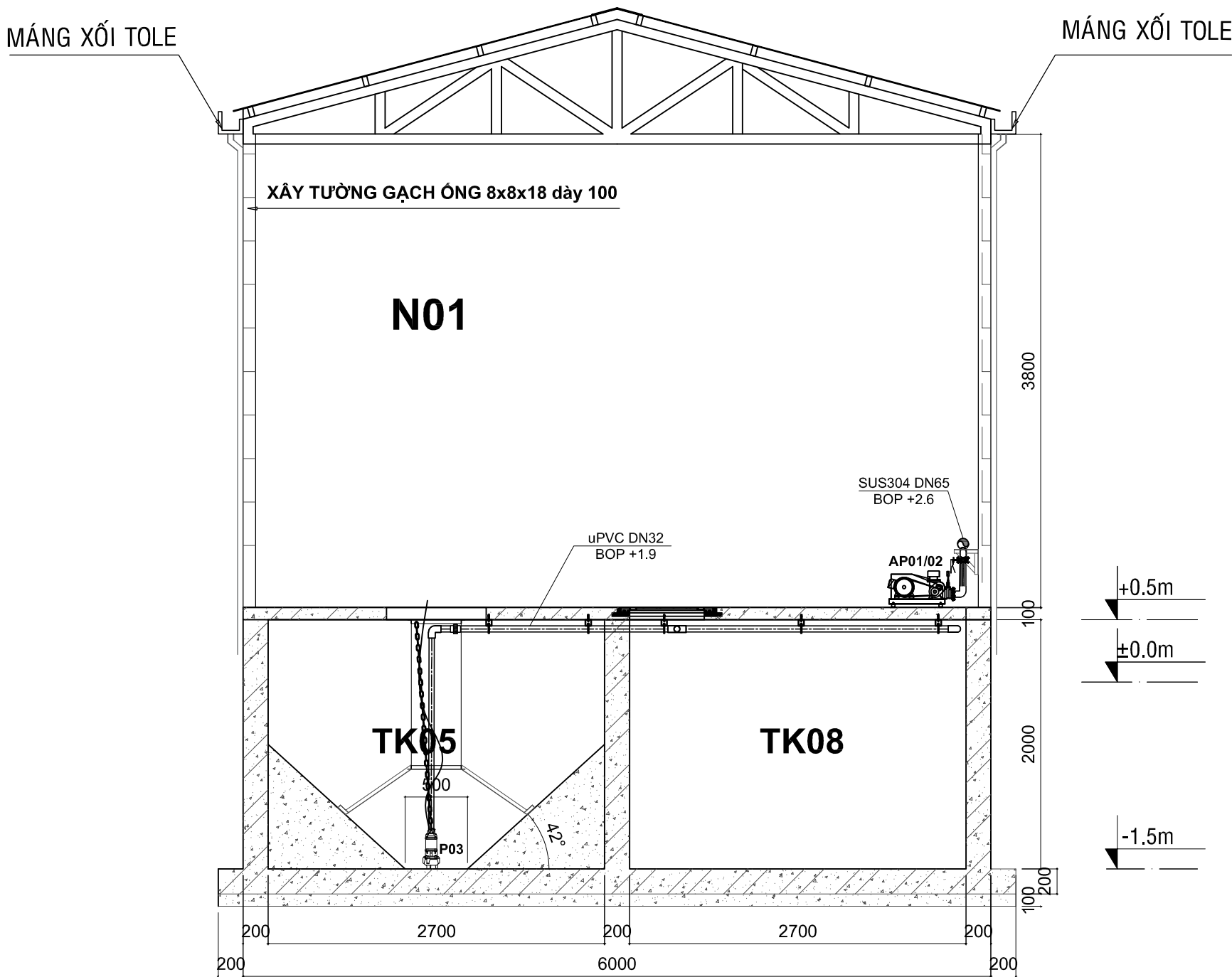
☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN09

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 3-3



MẶT CẮT 3 - 3

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẦN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m --> Sử dụng V3
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BÙI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 3-3

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

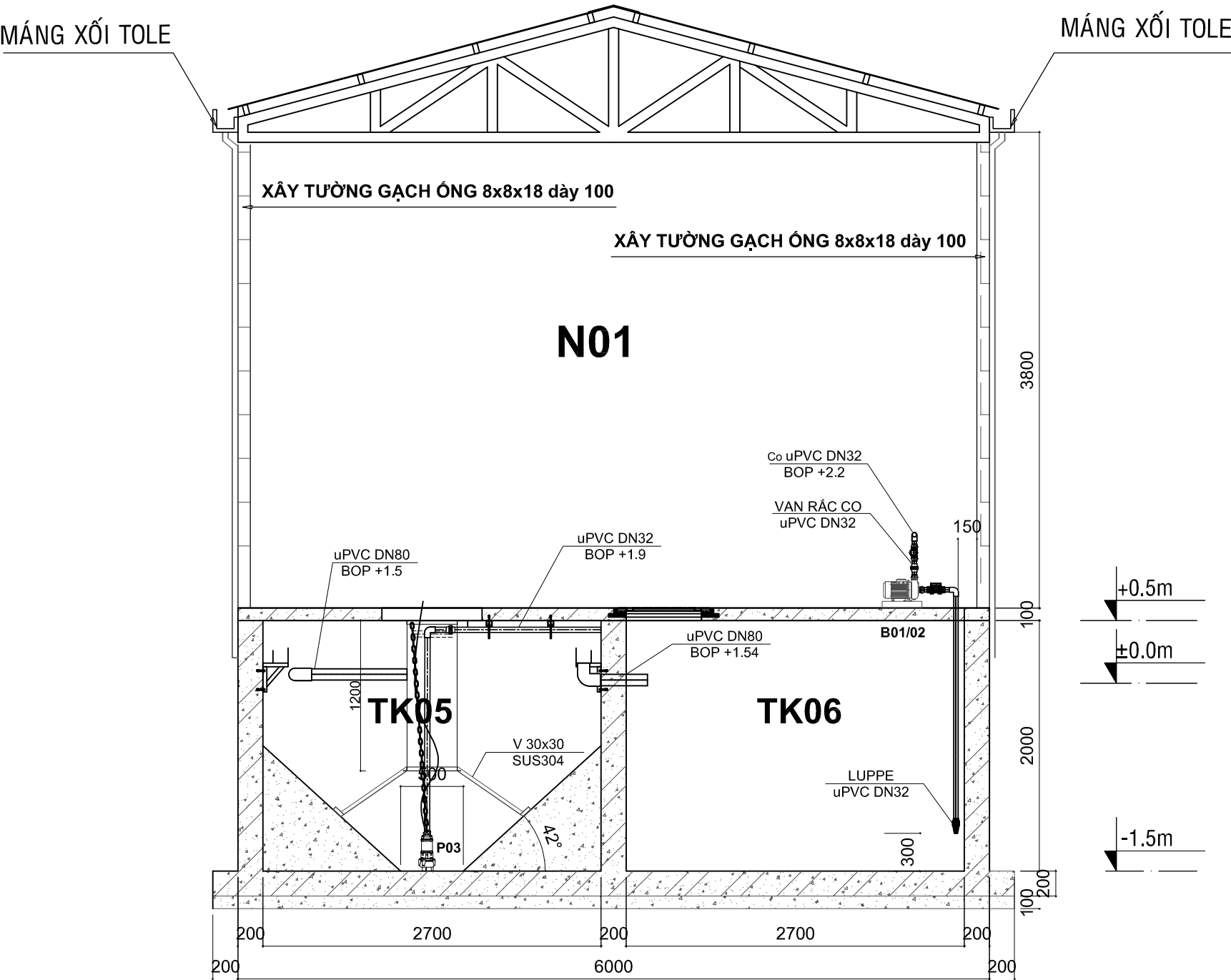
NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN10

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 4-4



MẶT CẮT 4 - 4

CHÚ THÍCH CÁC BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
TK01	HỒ GOM	TK06	BỂ KHỬ TRÙNG
TK02	BỂ ĐIỀU HÒA	TK07	BỒN LỌC COMPOSIT
TK03	BỂ ANOXIC	TK08	BỂ CHỨA BÙN
TK04	BỂ AEROTANK	N01	PHÒNG ĐIỀU KHIỂN
TK05	BỂ LẮNG SINH HỌC	T09	BỒN KHỬ MÙI

CHÚ THÍCH THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
GCR	GIỎ CHẦN RÁC	DP-01/02	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
P02-A/B	BƠM ĐIỀU HÒA	T-01/02	BỒN HÓA CHẤT
MX-01/02	MÁY KHUẤY CHÌM	AB-01/02	MÁY THỜI KHÍ
P03	BƠM BÙN SINH HỌC	AB-03	QUẠT HÚT
B-01/02	BƠM LỌC	DHLL	ĐỒNG HỒ LƯU LƯỢNG

GHI CHÚ

KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG uPVC:
uPVC DN20 :1.2m
uPVC ≤ DN80 :1.5m --> Sử dụng V3
uPVC ≥ DN100 :2.0m
KHOẢNG CÁCH CỤM CỦA ỐNG SUS304 :
SUS304 ≤ DN80 :2.0m --> Sử dụng V3
SUS304 DN100 :2.5m
SUS304 DN150 :3.0m --> Sử dụng V4
CỤM ỐNG Ở 3 VỊ TRÍ:
1. CỤM Ở VỊ TRÍ CỎ
2. CỤM Ở VỊ TRÍ TƯỜNG
3. CỤM Ở VỊ TRÍ TẾ
4. SUPPORT HÀN KÍN BỀ MẶT
5. COS ±00 TÍNH TỪ ĐÁY BỂ

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THUA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BUI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY: Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT MẶT CẮT LẮP ĐẶT 4-4

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

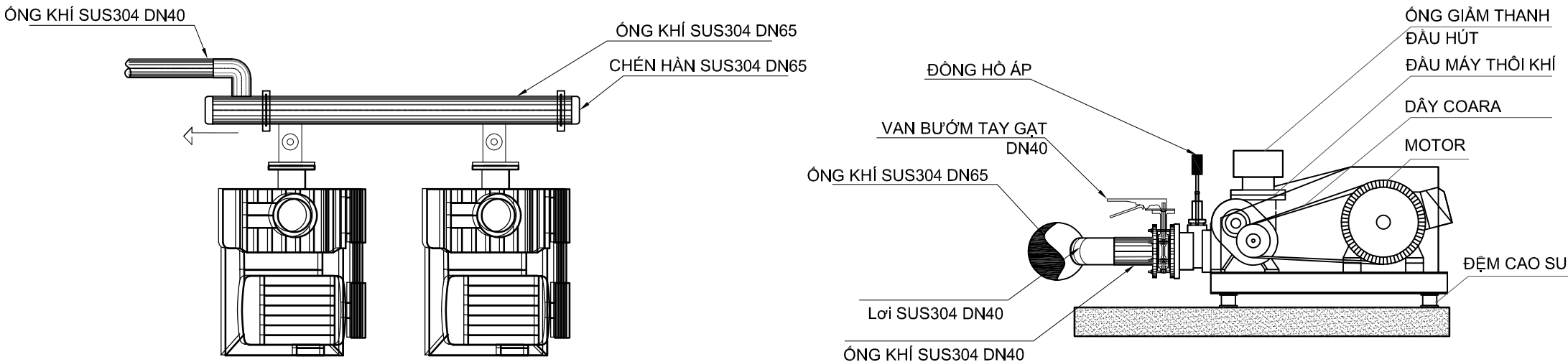
NGÀY/DATE :

01/2024

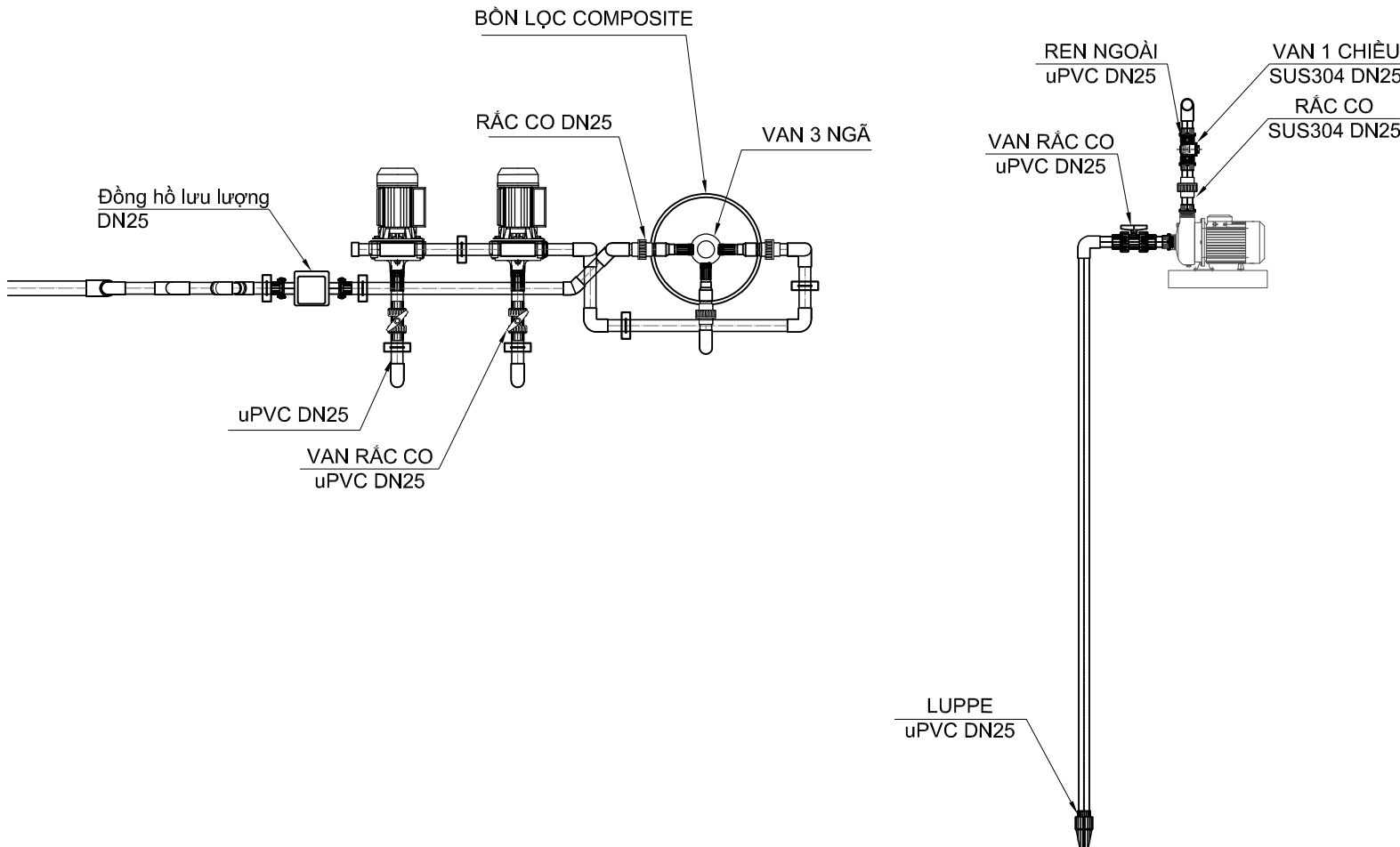
KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN11

CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÁY THỔI KHÍ



CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM LỌC



GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THULA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BUI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

Ks. ĐO MINH THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY:

Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY:

Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT LẮP ĐẶT 01

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ / SCALE :

1/100

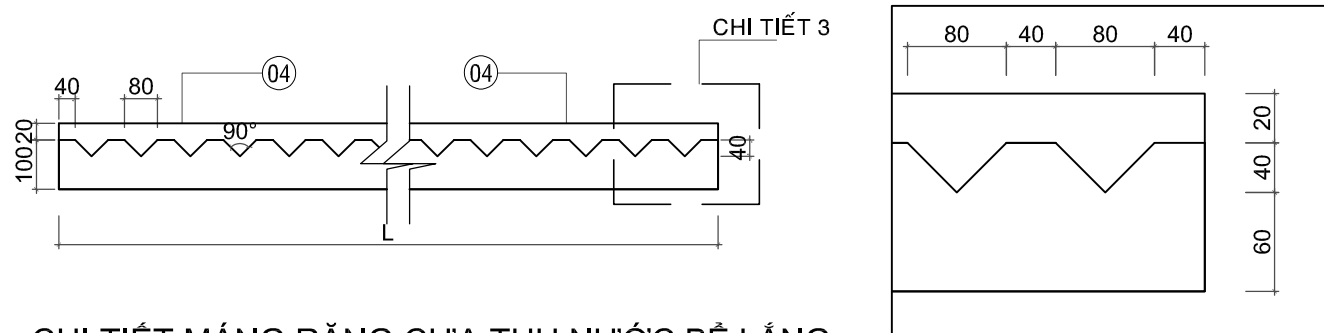
NGÀY/DATE :

01/2024

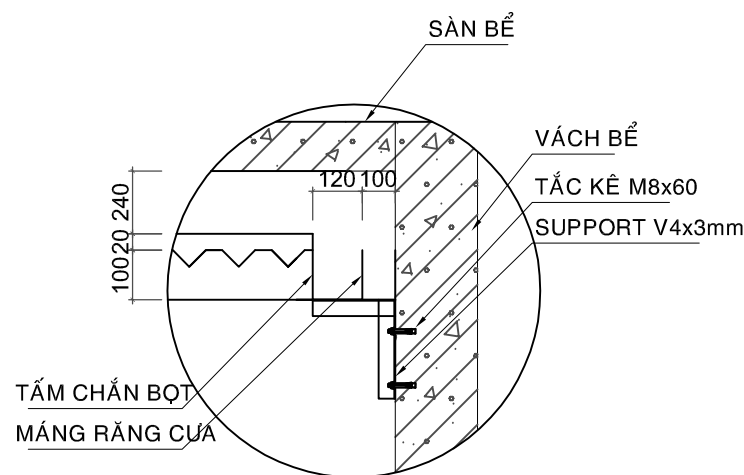
KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN12

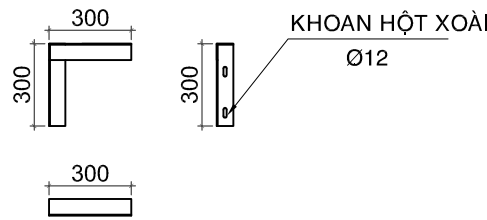
CHI TIẾT GIA CÔNG MĂNG THU NƯỚC
VẬT LIỆU: INOX 304 DÀY 1.2 mm
SỐ LƯỢNG: 04 TẤM



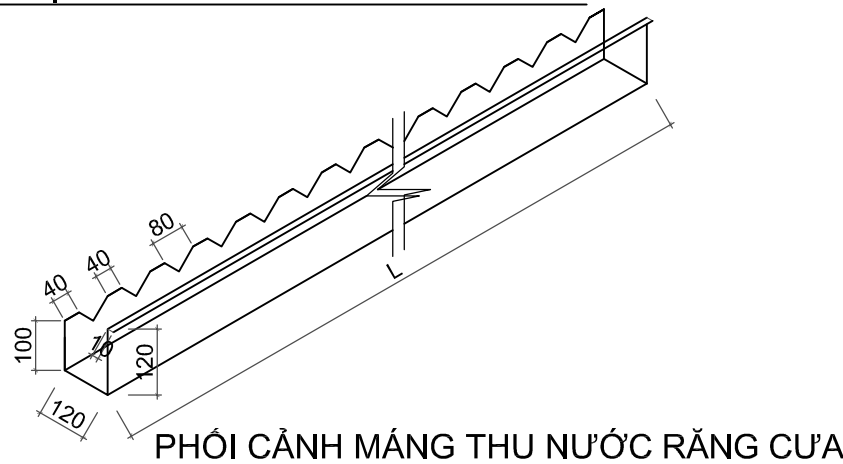
CHI TIẾT MĂNG RĂNG CỬA THU NƯỚC BỂ LẮNG



SUPPORT INOX 304 - V3x3mm



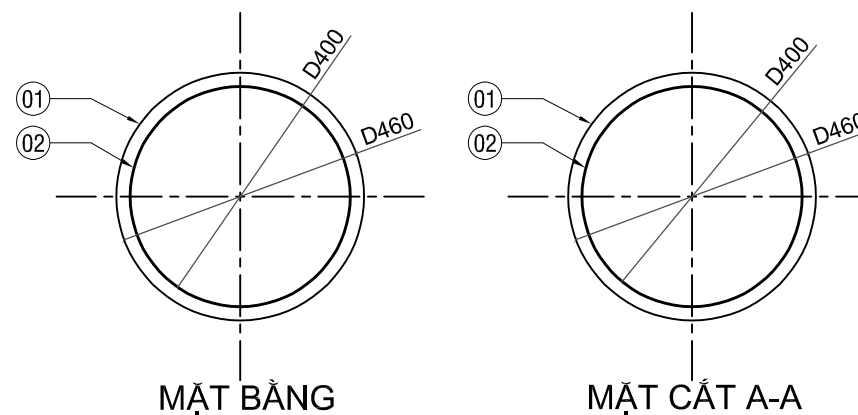
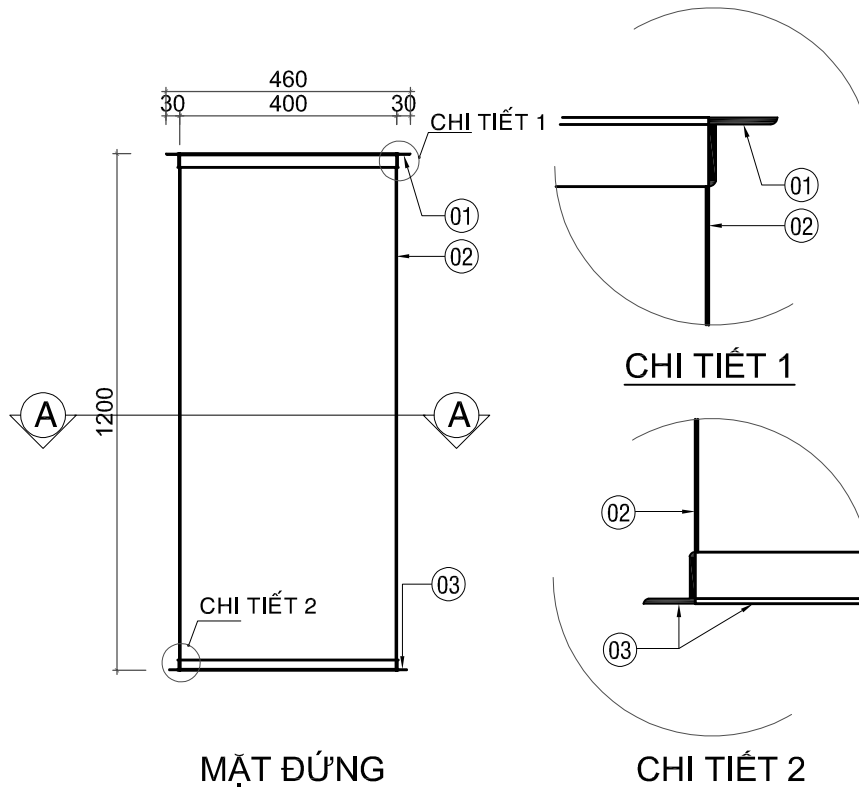
CHI TIẾT LẮP ĐẶT MĂNG RĂNG CỬA THU NƯỚC



BẢNG GHI CHÚ:

KÝ HIỆU	VẬT TƯ/ THIẾT BỊ	KÍCH THƯỚC (mm)	VẬT LIỆU	ĐỘ DÀY (mm)	CHÚ THÍCH
1	DẠNG V	30x30	INOX SUS304	2.0	GIA CỔ MIỆNG - V CUỘN TRÒN
2	DẠNG TẤM	-	INOX SUS304	1.5	ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
3	DẠNG V	30x30	INOX SUS304	2.0	GIA CỔ ĐÁY - V CUỘN TRÒN
4	DẠNG TẤM	-	INOX SUS304	1.2	MĂNG RĂNG CỬA
5	DẠNG TẤM	-	INOX SUS304	1.2	TẤM CHẮN BỌT
6	TẮC KÊ	M8x60	INOX SUS304	-	-

CHI TIẾT GIA CÔNG ỐNG LẮNG TRUNG TÂM
VẬT LIỆU: INOX 304 DÀY 1.2 mm
SỐ LƯỢNG: 01 CÁI



GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27, ĐƯỜNG BUI HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
AN, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
VŨ MINH VŨ

QUẢN LÝ
AUDITTED BY: Ks. NGUYỄN THỊ THUẬN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT GIA CÔNG
ỐNG LẮNG TRUNG TÂM - MĂNG THU NƯỚC

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ / SCALE :

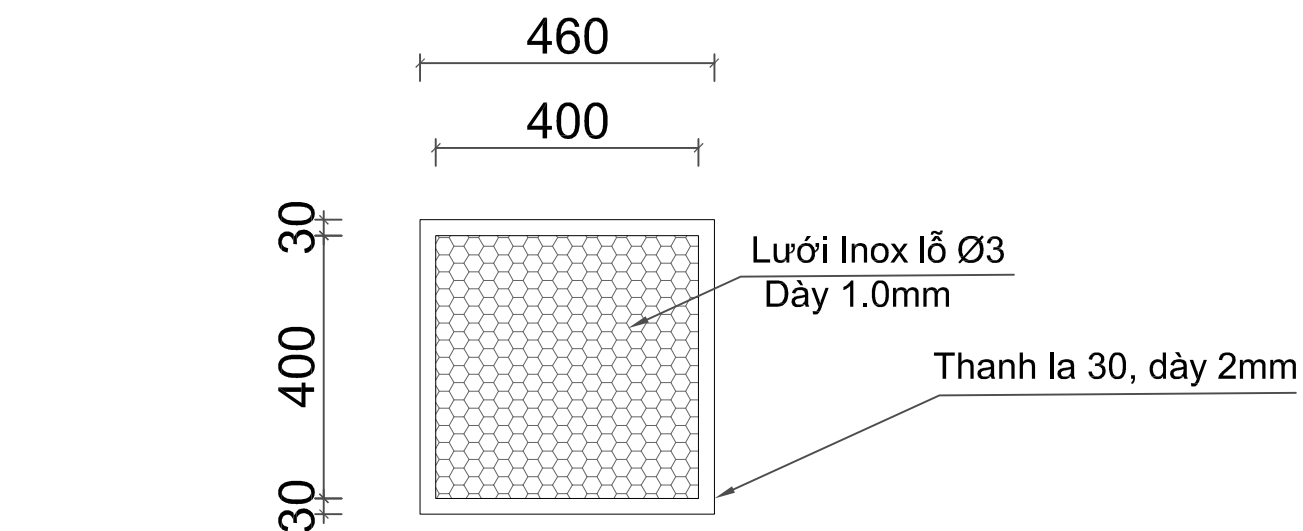
1/100

NGÀY/DATE :

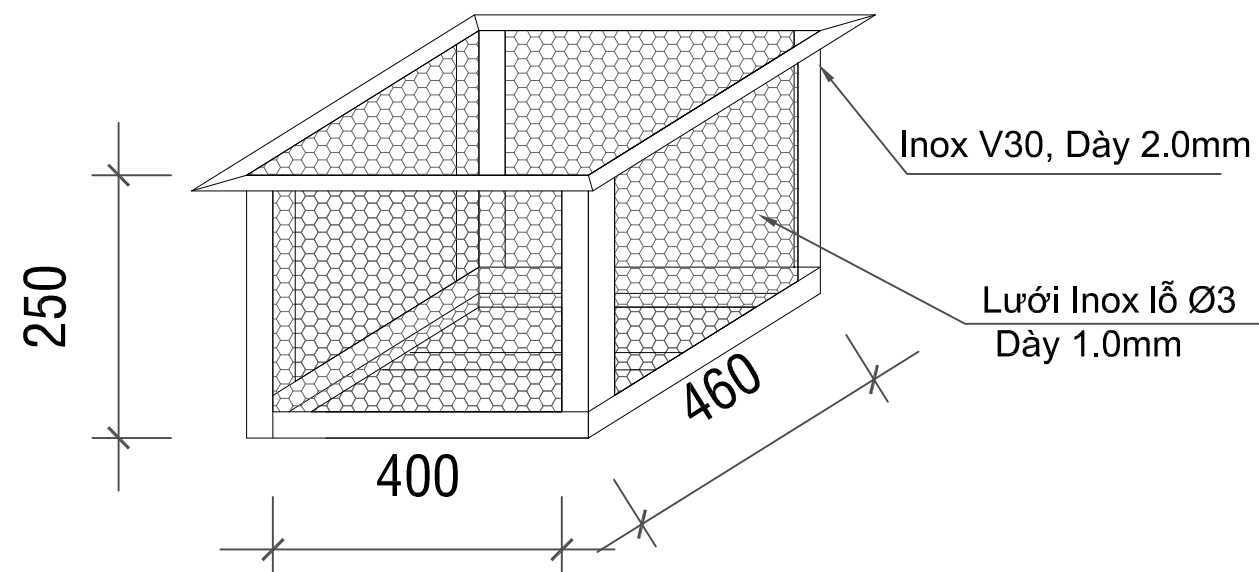
01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

CN13



TẤM LƯỚI
SL:01



GIỎ LỰỢC RÁC
SL:01

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THỦA SỔ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:

CÔNG TY
TNHH
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ



ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27 ĐƯỜNG RỪNG HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA
P. B. BÌNH HÒA - T. BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT:

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT GIA CÔNG GIỎ LỰỢC RÁC

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TY LỆ / SCALE:

1/100

NGÀY/DATE:

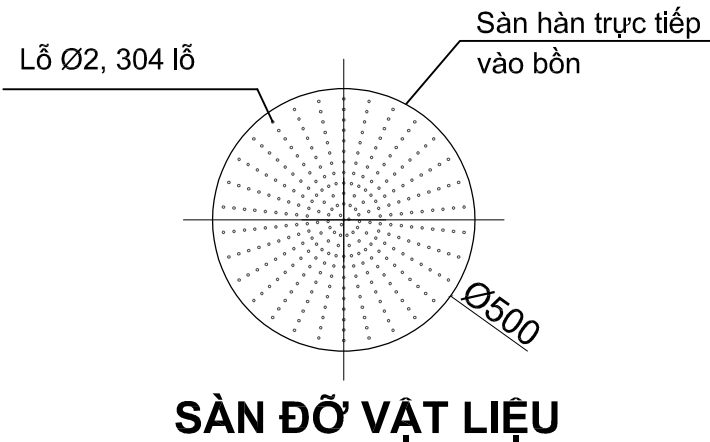
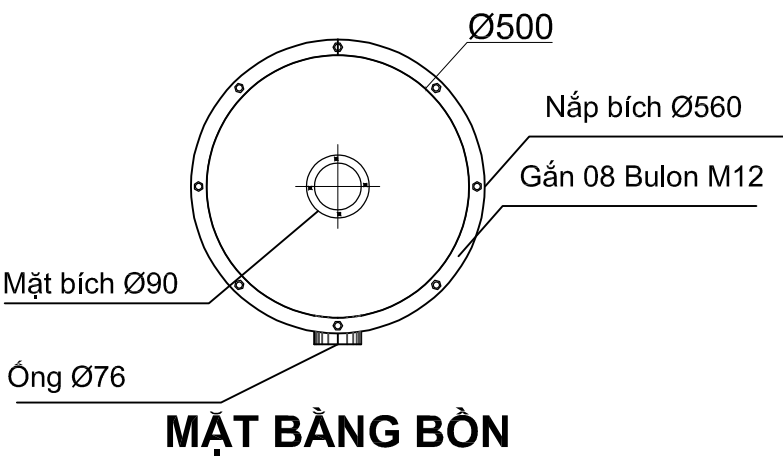
01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No.:

CN14

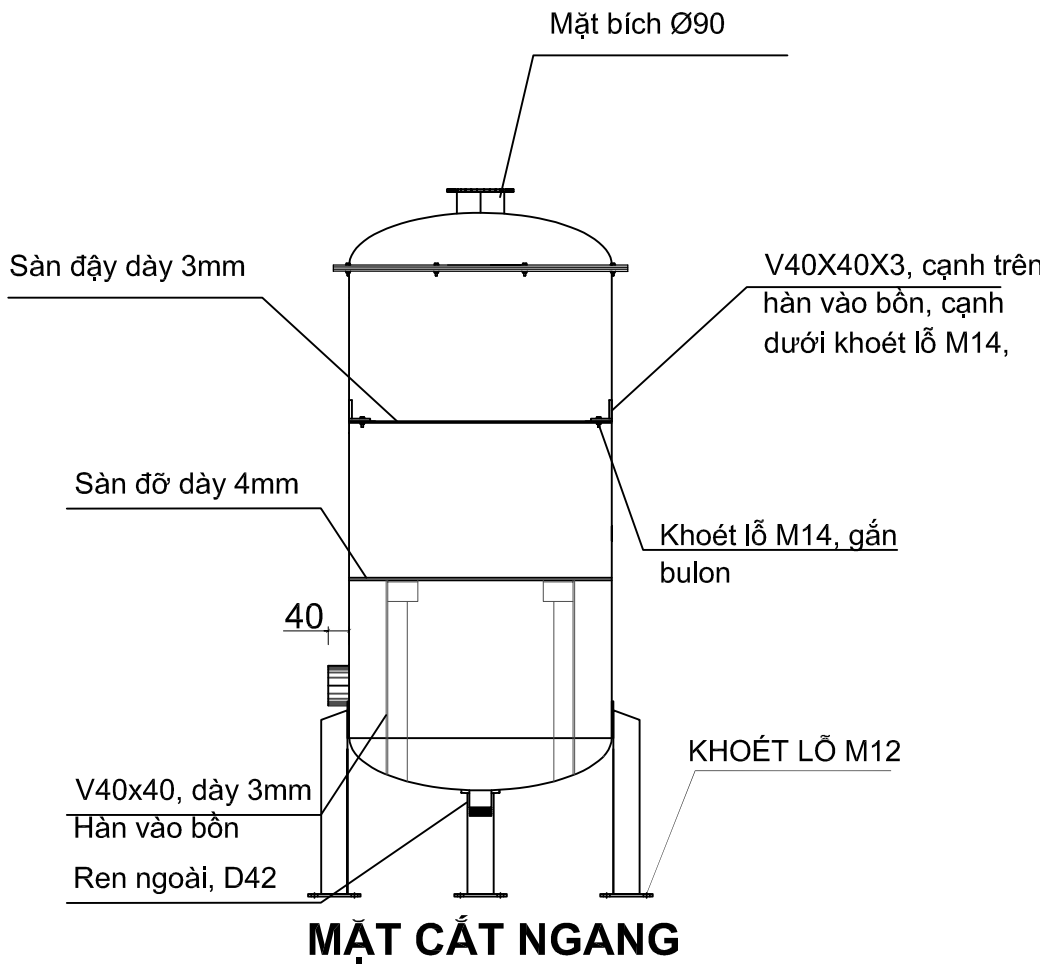
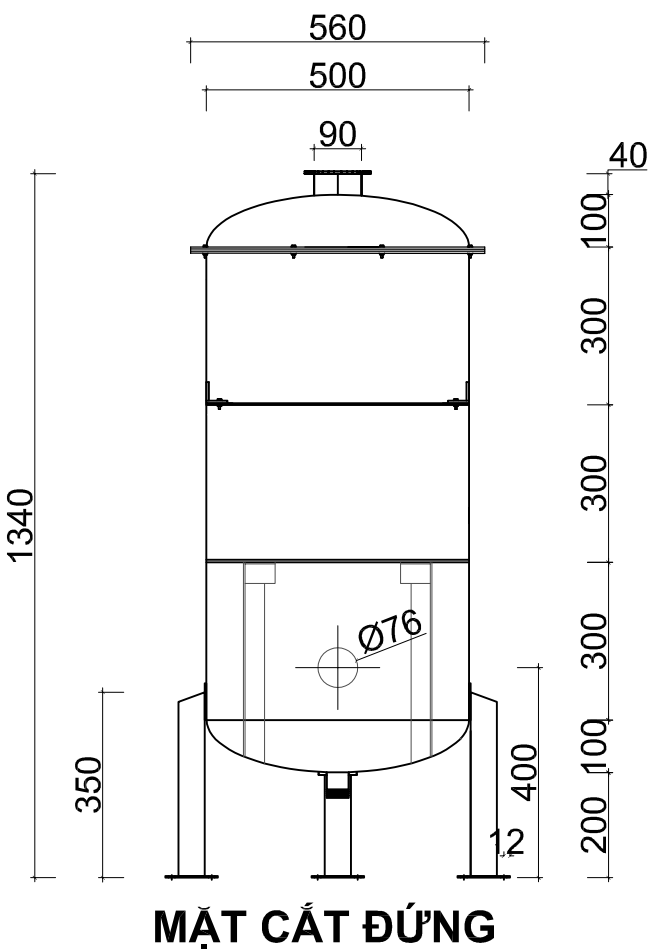
CHI TIẾT KÍCH THƯỚC BỒN

Vỏ bồn: Inox 304, dày 2mm



GIA CÔNG BỒN:

- THÀNH VÀ ĐÁY BỒN: SUS304, DÀY 2MM
- CHÂN BỒN: SUS304, HỘP 50X50 DÀY 4MM;
- BÀN MÃ 100X100, DÀY 3MM, KHOÉT 02 LỖ M12
- SÀN ĐỠ VẬT LIỆU: SUS304 DÀY 3MM, KHOAN LỖ Ø2MM, SÀN HÀN KÍN BỒN
- SÀN ĐÁY: SUS304, DÀY 2MM, KHOAN LỖ Ø2MM HÀN V40X40, KHOÉT 04 LỖ M14 LẮP BULON THÁO - LẮP SÀN



GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THUA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC /DIRECTOR:
CÔNG TY
NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA
LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG TRẦN VŨ

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 1139/27 ĐƯỜNG RỪNG HỮU NGHĨA, PHƯỜNG HÒA

Q
A
CÔNG TY
TNHH
CÔNG NGHIỆP
MÔI TRƯỜNG
TRẦN VŨ
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

THIẾT KẾ
DESIGNED BY: Ks. HOÀNG MINH THÔNG

VẼ
DRAWN BY: Ks. PHẠM VĂN TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY: Ks. NGÔ VĂN KHOAN

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

CHI TIẾT GIA CÔNG BỒN HẤP THỤ

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN ☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED
☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED ☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

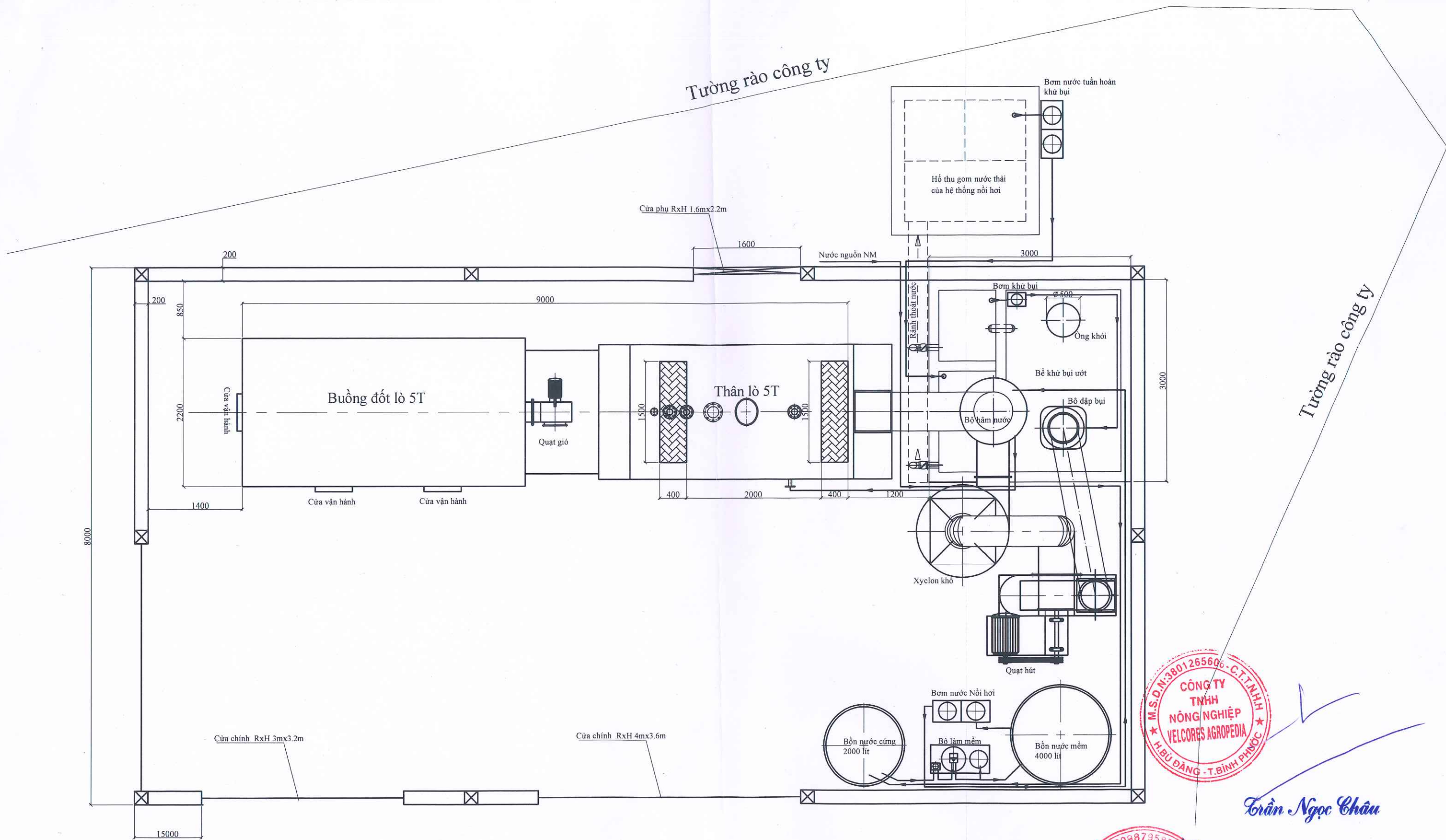
1/100

NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :

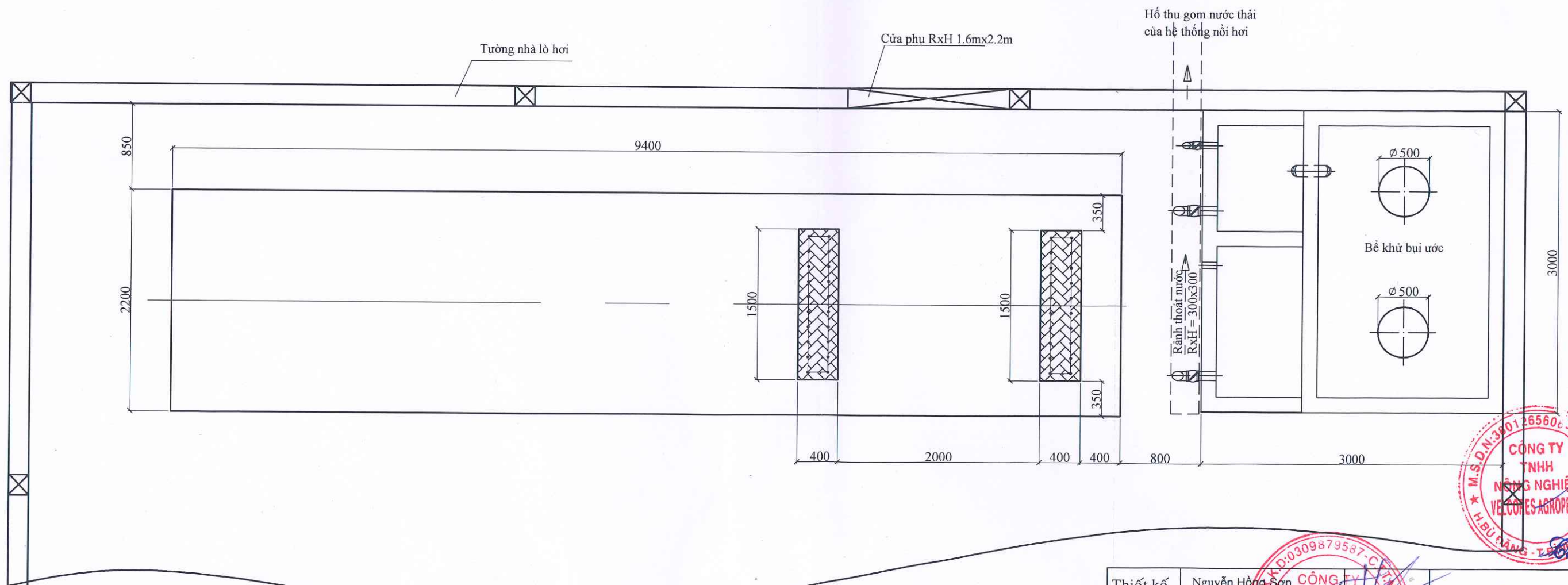
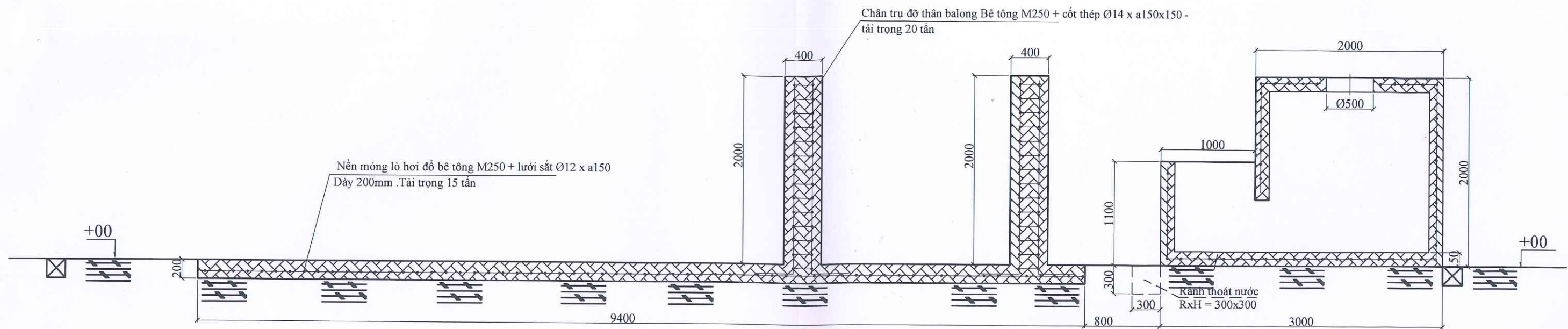
CN15



Trần Ngọc Châu

1. Móng buồng đốt + Chân trụ đỡ thân ba lông + Bể khử bụi ướt thi công trước khi đưa lò hơi vào vị trí
2. Nền nhà lò hơi đổ bê tông phẳng M250 dày 150mm.
3. Móng các thiết bị khác như : Quạt hút, quạt gió, bơm cấp nước, xyclon khử bụi đặt trên nền nhà lò hơi .

Thiết kế	Nguyễn Hồng Sơn		MẶT BẢNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG NỒI HƠI 5T	
Người Vẽ	Nguyễn Ngọc Huy			
Kiểm tra	Ngô Thái Thủy			
Giám đốc	Ngô Thái Thủy			
CTY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN SÀI GÒN			TỶ LỆ :	KÝ HIỆU : SĐL 5T/8
			NGÀY	



Yêu Cầu :

1. Móng thiết kế cho đất không sinh lầy
2. Nền nhà lò hơi đổ bê tông M250 dày 150mm.
2. Tải trọng móng thân lò hơi 20 tấn

Thiết kế	Nguyễn Hồng Sơn
Người Vẽ	Nguyễn Ngọc Huy
Kiểm tra	Ngô Thái Thủy
Giám đốc	Ngô Thái Thủy

CTY TNHH CƠ NHẬT ĐIỆN SÀI GÒN

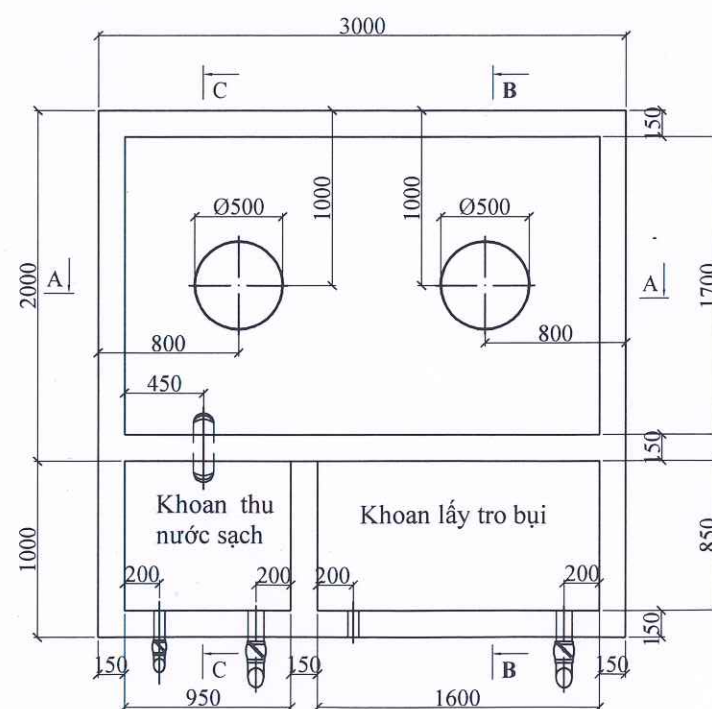
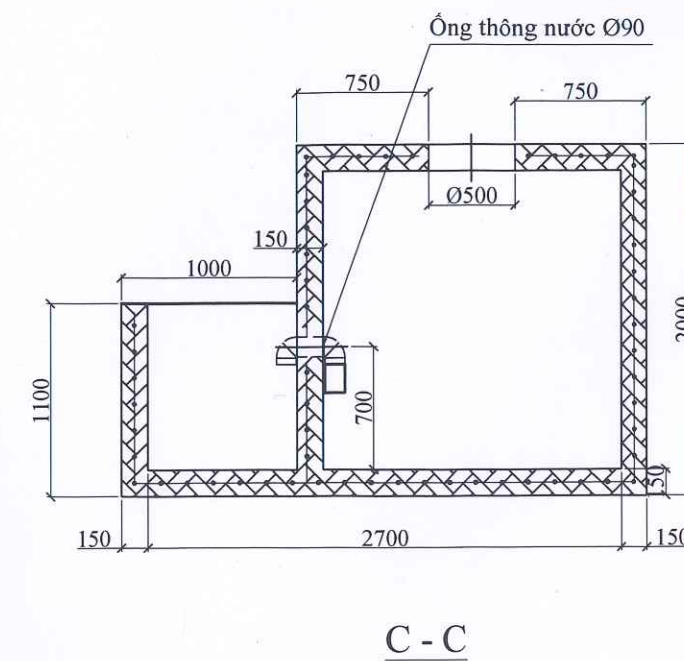
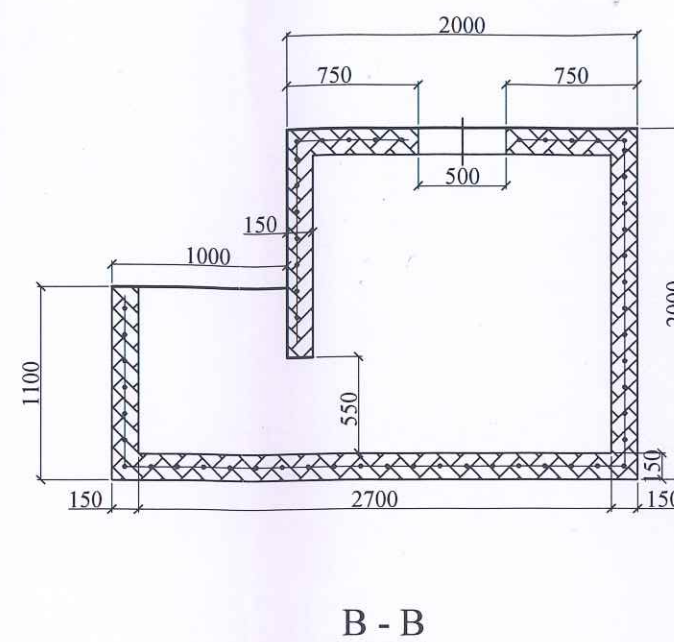
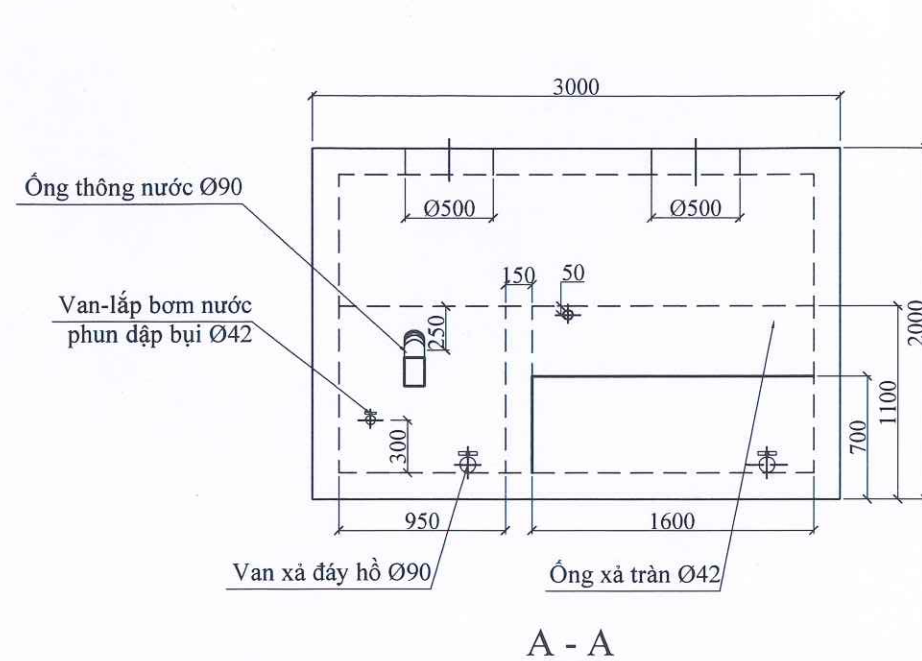
**MẶT BẰNG MÓNG
LÒ HƠI 5T**

TỶ LỆ :
NGÀY

KÝ HIỆU :
MBM 5T



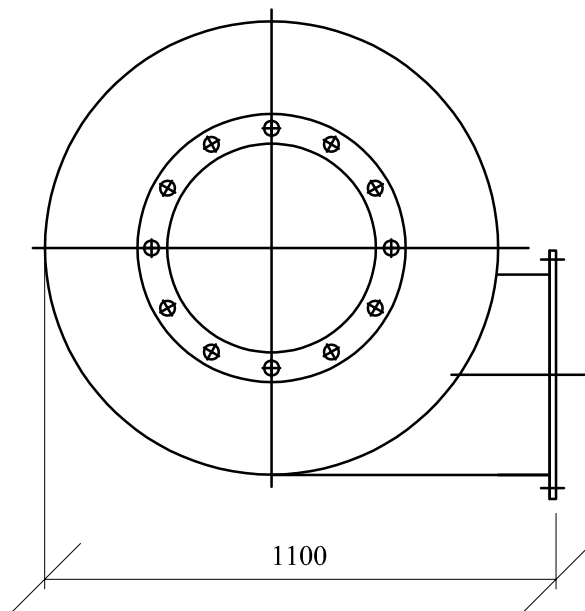
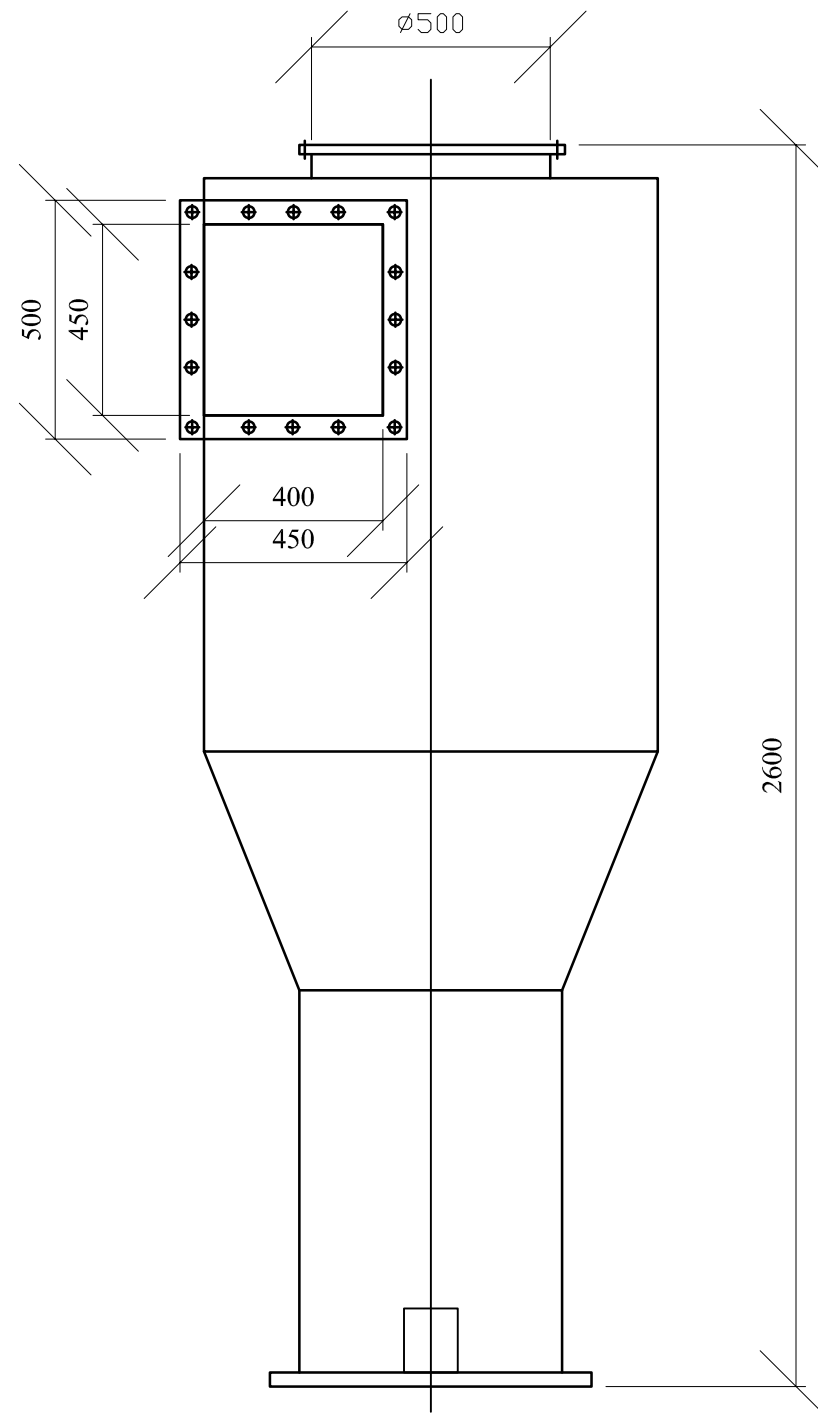
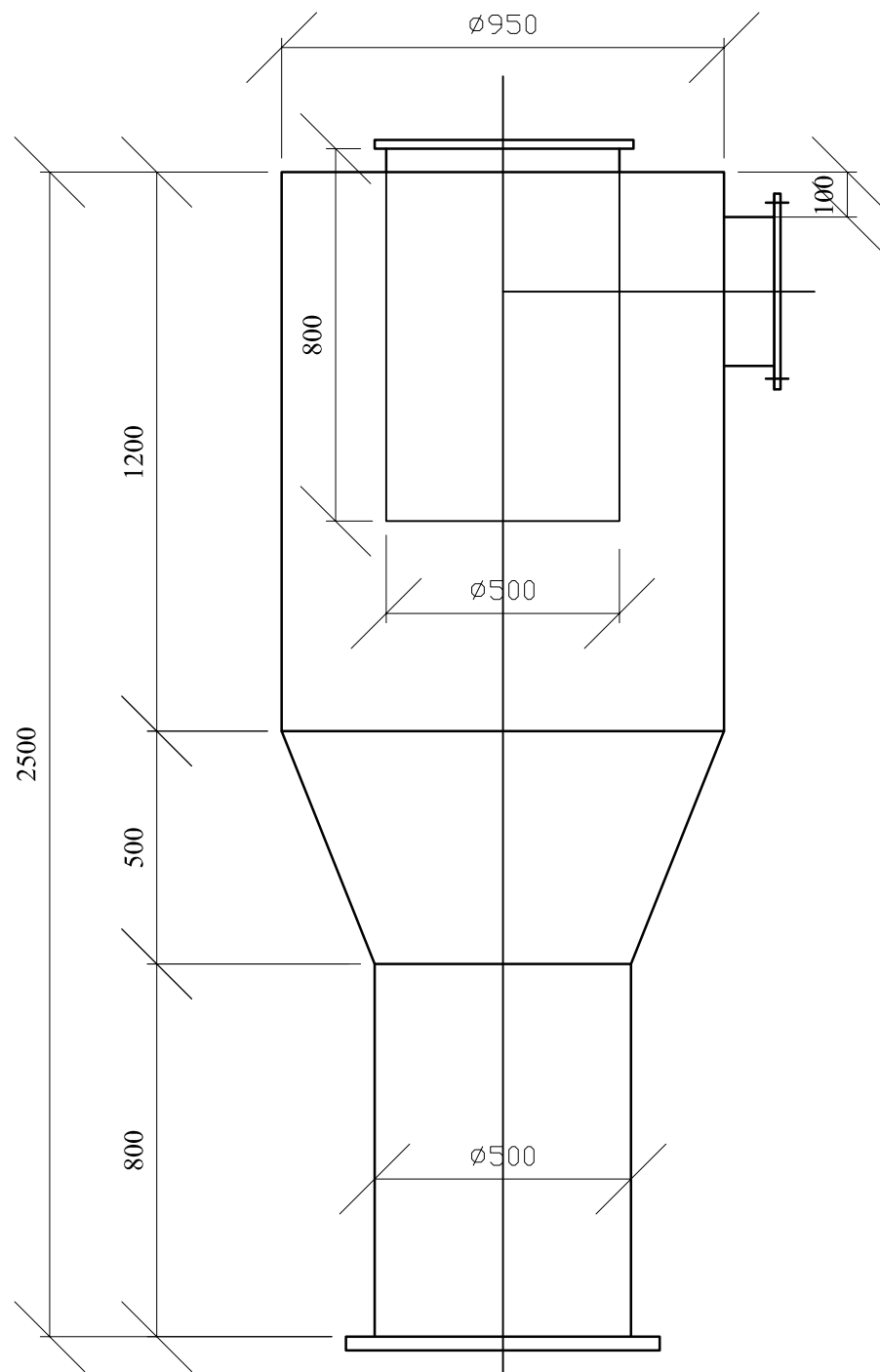
Nguyễn Ngọc Châu



Yêu Cầu :

1. Bể móng khử bụi ướt làm bằng bê tông cốt thép Ø12 x a150- Mac M250
2. Cửa khối vào, cửa lắp ống khối chứa râu sắt Ø12.
3. Đường xả đáy (2 đường Ø90+van nhựa), đường cấp nước phun mưa (1 đường Ø42+van nhựa), ống thông nước (1 đường Ø90- ống nhựa), đường xả tràn Ø42 (1 đường ống nhựa).
4. Tải trọng bể khử bụi 12 tấn

Thiết kế	Nguyễn Hồng Sơn	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CƠ NHỊỆT ĐIỆN SÀI GÒN SÀI GÒN VẤP - TP. HỒ CHÍ MINH CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP VELCORES AGROPEDIA HỮU DẰNG - T. BÌNH THƯỜNG	MÓNG BỂ KHỬ BỤI ƯỚT LÒ HƠI 5T	
Người Vẽ	Nguyễn Ngọc Hưng			
Kiểm tra	Ngô Thái Thủy			
Giám đốc	Ngô Thái Thủy			
CTY TNHH CƠ NHỊỆT ĐIỆN SÀI GÒN		TỶ LỆ :	KÝ HIỆU : MBKB 5T	
		NGÀY		



1. Vật liệu chế tạo : SS400 dày 3mm
2. Sản xuất theo tiêu chuẩn 7004-2007

GHI CHÚ/NOTES:

CHỦ ĐẦU TƯ /INVESTOR:

**CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP
VELCORES AGROPODIA**

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: THƯA SỐ 103 VÀ 109, THÔN 9, XÃ ĐỨC LIÊU, HUYỆN
BÚ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐÓNG DẤU/RECTOR :



LEE MENG HONG

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN/CONTRACTOR :

**CÔNG TY TNHH CƠ NHIỆT ĐIỆN
SÀI GÒN**

ĐỊA CHỈ/ADDRESS: 17/14 ĐƯỜNG SỐ 57, PHƯỜNG 14, QUẬN GÒ VẤP,
HỒ CHÍ MINH

CHỦ ĐÓNG DẤU/DIRECTOR:



NGÔ THÁI THỦY

QUẢN LÝ
AUDITTED BY:

THIẾT KẾ
DESIGNED BY:

VẼ
DRAWN BY:

KIỂM TRA
CHECKED BY:

CÔNG TRÌNH /PROJECT :

XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI

TÊN BẢN VẼ/NAME DRAWING:

XYCLON KHÔ CHO LÒ HƠI

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
CONCEPT DISIGN

☐ THIẾT KẾ CHI TIẾT
DETAIL DISIGNED

☐ TRÌNH DUYỆT
APPROVED

☒ HOÀN CÔNG
REVISION

TỶ LỆ/ SCALE :

1/100

NGÀY/DATE :

01/2024

KÝ HIỆU /DRAWING No. :